

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

Trần Văn Thảo

**HÀNH VI VĂN MINH HỌC ĐƯỜNG
CỦA SINH VIÊN Ở MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC

Thành phố Hồ Chí Minh – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

Trần Văn Thảo

**HÀNH VI VĂN MINH HỌC ĐƯỜNG
CỦA SINH VIÊN Ở MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Tâm lí học
Mã số: 60 31 04 01

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÍ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. ĐINH PHƯƠNG DUY

Thành phố Hồ Chí Minh – 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong các công trình khác.

Học viên

Trần Văn Thảo

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn này, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến:

- Quý thầy cô Khoa Tâm lý Giáo dục, phòng Sau đại học trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã tận tình giảng dạy và hướng dẫn tôi trong suốt quá trình học tập ở lớp Cao học Tâm lý K23.

- Tiến sĩ Đinh Phương Duy - Người thầy giàu tri thức, nhiệt tâm, hết lòng vì học viên đã luôn động viên và hướng dẫn tôi trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

- Ban giám hiệu, quý thầy cô và các phòng ban ở trường Đại học Khoa Học Xã Hội & Nhân Văn và Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật đã tạo điều kiện, hỗ trợ tôi trong quá trình nghiên cứu, khảo sát và thu thập thông tin phục vụ cho việc hoàn thành luận văn này.

- Quý thầy cô trong Hội đồng chấm luận văn đã có những góp ý khoa học và cần thiết giúp tôi hoàn thiện công trình nghiên cứu này hơn.

- Các anh chị em, đồng nghiệp, các bạn trong lớp Cao học Tâm lý K23 đã chia sẻ, hỗ trợ, động viên tôi trong quá trình học tập cũng như trong việc hoàn thành luận văn này.

Học viên

Trần Văn Thảo

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	3
LỜI CẢM ƠN	4
MỤC LỤC	5
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	8
DANH MỤC CÁC BẢNG	9
DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....	10
MỞ ĐẦU	1
1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI.....	1
2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU.....	2
3. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU	2
4. ĐỐI TƯỢNG VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU.....	2
5. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU	2
6. GIỚI HẠN VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU	3
7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	3
8. ĐÓNG GÓP CỦA ĐỀ TÀI.....	4
9. CẤU TRÚC LUẬN VĂN.....	4
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI.....	5
VĂN MINH HỌC ĐƯỜNG CỦA SINH NIÊN	5
1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	5
1.1.1. Trên thế giới.....	5
1.1.2. Ở Việt Nam.....	10
1.2. Lý luận về hành vi văn minh học đường.....	12

1.2.1. Hành vi, văn minh và hành vi văn minh.....	12
1.2.2. Văn minh học đường và hành vi văn minh học đường của sinh viên	23
1.2.3. Hành vi văn minh học đường của sinh viên	27
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi văn minh học đường của sinh viên.....	42
1.3.1. Các yếu tố chủ quan.....	42
1.3.2. Các yếu tố khách quan.....	43
Tiểu kết chương 1	44
Chương 2: THỰC TRẠNG BIỂU HIỆN HÀNH VI VĂN MINH HỌC ĐƯỜNG CỦA SINH VIÊN Ở MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	46
2.1. Vài nét về khách thể nghiên cứu.....	46
2.2. Thể thức nghiên cứu	48
2.3. Kết quả nghiên cứu thực trạng hành vi văn minh học đường của sinh viên một số trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh.....	50
2.3.1. Nhận thức của sinh viên về hành vi văn minh học đường.....	50
2.3.2. Thái độ của sinh viên về từng hành vi văn minh học đường.....	66
2.3.3. Động cơ thực hiện hành vi văn minh học đường của sinh viên	73
2.3.4. Kết quả biểu hiện hành vi văn minh học đường của sinh viên.....	75
2.3.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi văn minh học đường của sinh viên	85
2.4. Một số biện pháp giáo dục hành vi văn minh học đường cho sinh viên tại các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh.....	88
Tiểu kết chương 2.....	92
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	93
1. Kết luận	93

2. Kiến nghị.....	94
TÀI LIỆU THAM KHẢO	97
PHỤ LỤC	1
PHỤ LỤC 1.....	1
PHỤ LỤC 2	2
PHỤ LỤC 3	4
PHỤ LỤC 4.....	11

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1. **ĐHKHXHNV:** Đại Học Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn
2. **ĐHSPKT:** Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật
3. **ĐH:** Đại học
4. **TB:** Trung bình
5. **SV:** Sinh viên
6. **Nxb:** Nhà xuất bản
7. **SD:** Độ lệch chuẩn
8. **HVVMHĐ:** Hành vi văn minh học đường

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Thống kê sinh viên trên toàn mẫu nghiên cứu	47
Bảng 2.2. Thống kê sinh viên theo trường học và giới tính	47
Bảng 2.3. Bảng thống kê theo trường học và năm học	47
Bảng 2.4. Nhận thức chung của sinh viên về hành vi văn minh học đường	50
Bảng 2.5. Nguồn tìm hiểu về văn minh học đường.....	51
Bảng 2.6. Vai trò của văn minh học đường đối với sinh viên	53
Bảng 2.7. Nhận thức của sinh viên về HVVMHĐ trong quan hệ học tập	54
Bảng 2.8. Nhận thức của sinh viên về HVVMHĐ trong quan hệ giao tiếp xã hội	57
Bảng 2.9. Nhận thức của sinh viên về HVVMHĐ trong quan hệ phát triển bản thân.....	60
Bảng 2.10. So sánh trung bình nhận thức của sinh viên về HVVMHĐ theo trường học, giới tính và năm học	62
Bảng 2.11. Bảng thái độ của sinh viên về HVVMHĐ trong quan hệ học tập	65
Bảng 2.12. Thái độ của sinh viên về HVVMHĐ trong quan hệ giao tiếp xã hội	67
Bảng 2.13. Thái độ của sinh viên về HVVMHĐ trong quan hệ phát triển bản thân	69
Bảng 2.14. So sánh trung bình thái độ của sinh viên về HVVMHĐ theo trường học, giới tính và năm học	70
Bảng 2.15. Động cơ thực hiện HVVMHĐ của sinh viên.....	72
Bảng 2.16. Biểu hiện HVVMHĐ của sinh viên	74
Bảng 2.17. So sánh trung bình biểu hiện của sinh viên về HVVMHĐ theo trường học, giới tính và năm học	76
Bảng 2.18. Hành vi ứng xử trong các tình huống cụ thể.....	78
Bảng 2.19. Hành vi tiêu cực nơi học đường.....	80
Bảng 2.20. Nguyên nhân dẫn đến hành vi thiếu văn minh nơi học đường	83
Bảng 2.21. Các yếu tố ảnh hưởng đến HVVMHĐ của sinh viên	84

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Nhận thức chung về HVVMHĐ của sinh viên	50
Biểu đồ 2. Nguồn tìm hiểu về văn minh học đường	52
Biểu đồ 3. Vai trò của văn minh học đường đối với sinh viên	53
Biểu đồ 4. Nhận thức của sinh viên về HVVMHĐ trong quan hệ học tập	55
Biểu đồ 5. Nhận thức của sinh viên về HVVMHĐ trong quan hệ giao tiếp xã hội	59
Biểu đồ 6. Nhận thức của sinh viên về HVVMHĐ trong quan hệ phát triển bản thân.....	61
Biểu đồ 7. Thái độ của sinh viên về HVVMHĐ trong quan hệ học tập	66
Biểu đồ 8. Thái độ của sinh viên về HVVMHĐ trong quan hệ giao tiếp xã hội	68
Biểu đồ 9. Thái độ của sinh viên về HVVMHĐ trong quan hệ phát triển bản thân	70
Biểu đồ 10. Hành vi tiêu cực nơi học đường của sinh viên.....	82
Biểu đồ 11. Nguyên nhân của những hành vi tiêu cực nơi học đường của sinh viên	84

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Mỗi thời đại xã hội đều có những tiêu chí để xem xét đánh giá là phát triển hay chậm phát triển, hiện đại văn minh hay lạc hậu, thịnh vượng hay nghèo khó... Trong xã hội ngày nay, văn minh hay hành vi văn minh là thước đo của cá nhân, tập thể, cộng đồng và của xã hội. Một xã hội được coi là hiện đại phải là một xã hội văn minh và ngược lại một xã hội văn minh được xem là xã hội hiện đại. Trong môi trường giáo dục, hành vi văn minh học đường thể hiện trình độ văn hoá, giá trị cá nhân, các phẩm chất nhân cách cũng như phản ánh lối sống của người học.

Sinh viên là lớp người năng động trẻ trung, sáng tạo và luôn hướng đến cái mới. Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và công nghệ đã giúp sinh viên dễ dàng, thuận lợi trong việc giao lưu tiếp xúc với các nền văn hoá khác nhau trên thế giới. Ngoài việc tiếp thu kiến thức chuyên môn thì việc trao đổi rèn luyện để thực sự có những hành vi văn minh, lịch sự, ứng xử chuẩn mực nơi học đường cần được coi trọng. Đất nước ngày càng hội nhập và phát triển, bên cạnh những mặt tích cực thì những mặt tiêu cực cũng ngày càng nhiều. Những không phù hợp với môi trường học đường như nói năng tục tĩu, ồn ào gây mất trật tự, quay cóp, trang phục không phù hợp, hút thuốc, xả rác bừa bãi... ngày càng phổ biến. Một bộ phận sinh viên chạy theo lối sống thực dụng hưởng thụ, sống chỉ biết đến mình, thể hiện bản thân một cách thái quá không phù hợp với chuẩn mực xã hội. Chính những điều này đã làm ảnh hưởng rất lớn đến cách nhìn nhận đánh giá của xã hội về hình ảnh người học cũng như môi trường giáo dục.

Ứng xử văn minh hay những hành vi văn minh nơi học đường cần được xem như là một kỹ năng và phải trở thành thói quen, thành nếp sống xử của sinh viên. Tuy nhiên thực tế nó vẫn chưa được sự quan tâm của chính bản thân sinh viên, của nhà trường và xã hội. Việc nghiên cứu những hành vi văn minh nói chung và hành vi văn minh học đường nói riêng càng trở nên quan trọng và cấp thiết, đặc biệt là các công trình nghiên cứu từ góc độ tâm lý học.

Từ lý do trên, đề tài “*Hành vi văn minh học đường của sinh viên ở một số trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh*” được thiết lập.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Khảo sát thực trạng hành vi văn minh học đường của sinh viên ở một số trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh và những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi văn minh học đường của sinh viên. Trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp nhằm giáo dục hành vi văn minh học đường cho sinh viên.

3. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

3.1. Hệ thống hoá các vấn đề lý luận liên quan đến đề tài như: hành vi, văn minh, hành vi văn minh, hành vi văn minh học đường của sinh viên.

3.2. Khảo sát thực trạng hành vi văn minh học đường của sinh viên ở một số trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi văn minh học đường của sinh viên. Qua đó đề xuất một số biện pháp giáo dục hành vi văn minh học đường cho sinh viên.

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Hành vi văn minh học đường của sinh viên ở một số trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Khách thể nghiên cứu

386 sinh viên đại học tại thành phố Hồ Chí Minh.

5. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

Đa số sinh viên đã có nhận thức, thái độ, động cơ rõ ràng về hành vi văn minh học đường và đã có biểu hiện hành vi văn minh học đường cụ thể.

Có sự khác biệt trong nhận thức, thái độ và biểu hiện bên ngoài ở một số hành vi văn minh học đường của sinh viên theo trường học, giới tính và năm học.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hành vi văn minh học đường của sinh viên, trong đó yếu tố liên quan đến bản thân sinh viên là quan trọng nhất.

6. GIỚI HẠN VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

6.1. Về đối tượng nghiên cứu

Chỉ nghiên cứu một số biểu hiện hành vi văn minh học đường cụ thể của sinh viên trong môi trường học đường.

6.2. Về khách thể nghiên cứu

Đề tài lựa chọn nghiên cứu 386 sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai và năm thứ ba của hai trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh gồm: 193 sinh viên trường đại học Sư Phạm Kỹ Thuật và trường đại học Khoa Học Xã Hội & Nhân Văn.

7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Dựa trên sự tổng hợp các tài liệu và công trình nghiên cứu có liên quan, kết hợp với lý luận riêng, đề tài nghiên cứu sẽ xây dựng các khái niệm công cụ cũng như những khái niệm có liên quan để định hướng cho việc soạn thảo công cụ nghiên cứu cũng như quá trình điều tra thực tiễn.

7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.1. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Bảng hỏi được thiết kế nhằm điều tra thực trạng hành vi văn minh học đường của sinh viên cũng như một số nguyên nhân của thực trạng này. Các câu hỏi khảo sát thực trạng được cấu trúc thành một bảng hỏi điều tra. Thông qua việc trả lời các khách thể sẽ bộc lộ những thông tin nhằm làm sáng tỏ vấn đề đang nghiên cứu. Đây là phương pháp chủ đạo của đề nghiên cứu.

7.2.2. Phương pháp phỏng vấn

Phương pháp này được sử dụng để điều tra sâu một số trường hợp tiêu biểu và thu thập thông tin một cách trực tiếp. Ngoài ra còn được dùng để đánh giá độ trung thực trong việc trả lời bảng hỏi.

7.2.3. Phương pháp quan sát

Phương pháp này sử dụng để quan sát thái độ và hành vi của sinh viên ở môi trường học đường với số lượng khách thể được chọn ngẫu nhiên tại hai trường đại học.

7.2.4. Phương pháp toán thống kê

Phần mềm SPSS phiên bản 11.5 sẽ được dùng để xử lý các dữ kiện thu được, phục vụ cho việc phân tích số liệu cũng như đảm bảo tính khách quan trong quá trình nghiên cứu.

8. ĐÓNG GÓP CỦA ĐỀ TÀI

Phát hiện một số hành vi văn minh học đường học đường của sinh viên; phân tích các biểu hiện hành vi văn minh học đường của sinh viên. Qua đó giúp các cán bộ quản lý nhà trường nắm bắt được thực trạng biểu hiện hành vi văn minh học đường và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi văn minh học đường của sinh viên. Trên cơ sở đó, xây dựng những biện pháp giáo dục hành vi văn minh học đường cho sinh viên.

9. CẤU TRÚC LUẬN VĂN

- Mở đầu
- Chương 1: Cơ sở lý luận hành vi văn minh học đường
- Chương 2: Thực trạng biểu hiện hành vi văn minh học đường của sinh viên ở một số trường tại thành phố Hồ Chí Minh
- Kết luận và kiến nghị
- Tài liệu tham khảo và phụ lục

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI VĂN MINH HỌC ĐƯỜNG CỦA SINH NIÊN

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Trên thế giới

Hành vi văn minh học đường đã được các nhà khoa học quan tâm với nhiều hướng nghiên cứu khác nhau. Có thể phân chia thành 3 hướng nghiên cứu sau:

a) Hướng nghiên cứu hành vi và hành vi lệch chuẩn của thanh niên sinh viên

❖ Các nhà sinh lý học xem xét hành vi với tư cách là cách ứng xử trong một môi trường nhất định dựa trên sự thích nghi của cơ thể với môi trường. Đại diện tiêu biểu là Pavlov (1849 – 1936), người Nga. Từ những thí nghiệm của mình, Pavlov kết luận rằng một kích thích có điều kiện nếu luôn xảy ra ngay sau hoặc cùng lúc với kích thích không điều kiện có thể dẫn tới phản ứng vốn chỉ chịu tác động bởi kích thích không điều kiện. Ông và các cộng sự đã làm nhiều nghiên cứu trên thực nghiệm các hiện tượng hành vi của động vật mà ông gọi là thần kinh cao cấp, và đã xây dựng nên thuyết về phản xạ có điều kiện. Đây là một cống hiến rất to lớn đối với không chỉ với Sinh lý học, Y học mà còn đặc biệt với Tâm lý học [15].

❖ Sự ra đời của trường phái tâm lý học hành vi với hướng tiếp cận hành vi là một trong những cố gắng rất lớn của tâm lý học đầu thế kỷ XX nhằm khắc phục tính chủ quan trong nghiên cứu. J. Watson cho rằng: “Chỉ có hành vi của tồn tại người mới là đối tượng của thuyết hành vi, còn ý thức chỉ là một cái gì đó vu vơ, vô ích” [14].

Trường phái hành vi đã có nhiều công trình nghiên cứu về hành vi và đóng góp rất nhiều cho tâm lý học.

❖ Tác giả Michael Rulter đã có những nghiên cứu về các hành vi chống đối xã hội của những người trẻ tuổi, đặc biệt là thanh niên. Trong tác phẩm “*What do we mean by “Antisocial behavior” and “Young people”*”, tác giả kết luận rằng “các hành vi chống đối xã hội của thanh niên xuất phát từ các yếu tố xã hội là chủ yếu, từ sự bất bình đẳng trong mối quan hệ giữa người và người trong xã hội” [52].

❖ Tác giả Loeber và Hay của Viện nghiên cứu tâm thần Phương Tây nước Mỹ đề cập đến những hành vi lệch chuẩn của thanh niên, sinh viên. Nghiên cứu chỉ ra rằng, những hành vi lệch chuẩn của thanh niên, những hành vi thiếu kèm chế của giới trẻ phần lớn là do ảnh hưởng của môi trường sống, của những nhóm bạn hoặc những tác động tiêu cực từ cộng đồng hoặc ngay cả gia đình mà thanh niên đó sinh sống [50].

❖ Tác giả Spiros Tzelepis của Hội nghiên cứu Tâm lý học bang New York nước Mỹ đã có những tìm hiểu về hành vi bạo lực của sinh viên, học sinh. Trong công trình nghiên cứu “*According to youth Risk behavior servey*” tác giả đã khẳng định: “Trong toàn nước Mỹ đã có trung bình 14.8% học sinh, sinh viên từng đánh nhau gây thương tích. Nhìn chung, nam sinh viên (20%) có nhiều khả năng gây hấn và đánh nhau hơn so với học sinh nữ (8,6%)” [55].

❖ Nhóm tác giả thuộc khoa Giáo dục, đại học Cambrige với công trình nghiên cứu “*Hỗ trợ hành vi xã hội cho thanh niên*” đã phân tích các hành vi của thanh niên dưới góc độ của nhà sư phạm và đề xuất một số cách thức hỗ trợ hành vi của thanh niên trong các cộng đồng và trong việc thực hiện các chương trình xã hội, tình nguyện [41].

❖ Nhóm tác giả ở “*Child and Adolescent Mental Health Center*” của Anh nghiên cứu về các phương pháp tiếp cận điều trị đối với rối loạn hành vi trẻ vị thành niên và người phạm tội trẻ tuổi. Theo công trình nghiên cứu “*Conduct Disorder and Offending Behavior in Young People*” này thì “các rối loạn và hành vi vi phạm ở những người trẻ tuổi là vấn đề hết sức phức tạp cần có sự hỗ trợ và giải quyết của nhiều cơ quan với những giải pháp đa dạng”[49].

❖ Nhóm tác giả của đại học Illinois, Mỹ đã nghiên cứu về hành vi thu nhận, xử lý thông tin của thanh niên, sinh viên. Nghiên cứu cho thấy “thanh niên thường thiếu kiến thức nguồn, kiến thức nền và thiếu kiến thức tình huống, một số thanh niên né tránh các thông tin về mình và một số thanh niên rơi vào tình trạng quá tải thông tin”.

❖ Luận án tiến sĩ “*Media influence on deviant behavior in middle school*” của tác giả Adrian D. Pearson thuộc đại học North Carolina đã đề cập đến những tác động tiêu cực từ các phương tiện truyền thông đến các hành vi chống đối xã hội, truyền thông như một yếu tố quan trọng góp phần làm các học sinh nghĩ đến việc chống đối xã hội và gây rối. Luận án cũng cung cấp một cách tổng quan về các yếu tố khác được xác định trong vấn đề này, đó là việc thiếu sự hỗ trợ của gia đình, một số học sinh ít có lòng tự trọng và ít có sự kiểm soát từ bên ngoài [38].

b) *Hướng nghiên cứu hành vi văn minh của con người và của thanh niên sinh viên*

❖ Tác giả Anton Chekhov trong tác phẩm “*A Life in Letters*” đã có những quan điểm về những hành vi văn minh của con người. Ông đã đề xuất 8 tiêu chí để xác định hành vi của người văn minh:

- Tôn trọng, khoan dung, nhẹ nhàng, lịch sự với người khác và tuân theo các qui định đã được xác lập.

- Có lòng từ bi đối với người khác và bị lay động về những gì đang nhìn thấy bằng mắt thường.

- Luôn tôn trọng tài sản của người khác.

- Không quanh co, không nói dối ngay cả trong vấn đề tầm thường nhất.

- Không hạ mình xuống để gây được cảm tình của người khác.

- Không bắt chước, sao chép hành vi của người nổi tiếng.

- Tự hào về tài năng thực sự của mình.

- Không sống theo bản năng [40].

❖ Trong bài viết với tiêu đề “*Civilized behavior*” trên Daily Motivator 2004, tác giả Ralph S. Marston đã cho rằng: “Để có nền văn minh, mọi người phải thực hành lịch sự, tôn trọng người khác để được người khác tôn trọng lại”. Bằng việc phụ thuộc vào nhau càng cao, mỗi người chúng ta vừa phục vụ lợi ích riêng của mình tốt nhất,

vừa phải xem xét đến lợi ích của người khác. Đó là bản chất của hành vi văn minh và là nền tảng cho một xã hội phồn vinh và hiệu quả. Đó cũng là cơ sở cho sự thành công cá nhân trong xã hội đó [50].

❖ Với cuốn sách “*Rules for civilized behavior*” tác giả Sydney Morgan D'Angelo khẳng định “Khi thực hiện một hành vi được cho là văn minh, người ta phải lưu tâm đến giá trị của hành vi đó trong nhận thức của mình, sau đó họ phải lựa chọn cách ứng xử phù hợp với mình”. Tác giả cho rằng những hành vi văn minh được các cá nhân thực hiện lúc nào cũng phụ thuộc vào sự hiểu biết, về trình độ lượng giá vấn đề trong một tình huống cụ thể [56].

❖ Tác giả Lucinda Holdforth trong cuốn sách “*Why Manners Matter: The Case For Civilized Behavior in a Barbarous World*” đã nghiên cứu và phân tích khá sâu sắc về những ứng xử văn minh trong một tình huống bất thường hoặc “không văn minh”. Tác giả cho rằng, người ta phải lịch sự với người khác vì ứng xử lịch sự với người khác như là một nhu cầu của mình vậy. Không nên có cách suy nghĩ và ứng xử kiểu như: “Tôi muốn làm những gì tôi muốn cho tôi mặc dù có thể làm cho bạn lâm vào cảnh khốn cùng”. Đề cập đến các hành vi văn minh dưới góc nhìn văn hóa - tâm lý, tác giả cho rằng “Hành vi văn minh là cách thức cư xử hiện đại, là triết lý của các nhà tư tưởng về cuộc sống hiện đại”[51].

❖ Còn tác giả Keith Thomas trong “*Toward civilized behavior*” đề cập đến hành vi văn minh như là nói đến mối quan hệ và ứng xử giữa Người với Người, trong đó các hành vi thông thường như ăn uống, thích ứng với môi trường được thực hiện như thế nào để người khác không cảm thấy lố bịch...[47]. Đối với tác giả Itzkoff Seymour. W trong “*The making of the civilized mind*” thì đề cập đến hành vi văn minh như là một hành vi có tính trí tuệ cao.

❖ Tác giả Ahmed A. L. Mahbub Uddin trong “*Weber’s perspective on the city and culture*” đã đề cập về vai trò của yếu tố văn hóa đến hành vi ứng xử của con người. Tác giả cho rằng những yếu tố văn hóa có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành những khuôn mẫu ứng xử, những khuôn mẫu ứng xử này quay lại ảnh hưởng đến việc duy trì các giá trị văn hóa [39].

c) *Hướng nghiên cứu hành vi văn minh của học sinh sinh viên trong trường học*

❖ Tác giả S.E McKinney trong nghiên cứu qua đánh giá xếp loại ABC giáo viên trường phổ thông “Managing Student Behavior in Urban Classrooms: The role of Teachers” đã đề cập đến việc quản lý hành vi của sinh viên trong lớp học. Theo nhận định của tác giả, muốn quản lý hành vi, ứng xử của học sinh trong lớp học theo các chuẩn mực thì người giáo viên phải am hiểu những diễn biến tâm lý và các tình trạng xã hội khác từ phía gia đình, bè bạn của học sinh” [57].

❖ Trong công trình “Civilized and uncivilized behaviors in the classroom: An example from the teacher and students from the second stage of primary education” của tiến sĩ Çiğdem APAYDIN, trường đại học Akdeniz và tiến sĩ Munise SEÇKİN, trường đại học Eskişehir Osmangaz đã tiến hành nghiên cứu về những hành vi văn minh và thiếu văn minh trong lớp học, ảnh hưởng của những hành vi đó lên bầu không khí lớp học. Theo nghiên cứu, sinh viên nhận thức rằng hành vi văn minh của giáo viên như là một hình thức giáo dục đối với họ. Biết tôn trọng người khác được xem là hành vi lịch sự chung. Cả giáo viên và sinh viên cảm thấy có tình cảm tích cực đối với các hành vi văn minh. Phát hiện khác của đề tài cho thấy các giáo viên thực hiện các hành vi thiếu văn minh, có chứa bạo lực với sinh viên. Đặc biệt nghiên cứu chỉ ra rằng việc hình thành môi trường học tích cực thì giúp giáo viên tiến hành dạy học hiệu quả, cũng như giúp sinh viên thành công trong việc học tập. Mặt khác những hành vi thiếu văn minh làm ảnh hưởng đến bầu không khí học tập, tạo ra xung đột giữa các sinh viên hoặc phá hủy có chủ ý đến quá trình dạy học [43].

❖ Trong báo cáo với tựa đề “civility in schools: An Emerging Paradigm for Behavioral Problems and School Violence” của tiến sĩ Keely Swanson, Paul Caldarella, Richard Young thì nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc dạy văn minh trong trường học. Theo các tác giả, hành vi bạo lực thường là kết quả của một tranh cãi do những hành vi khiếm nhã vượt ra ngoài tầm kiểm soát. Thiếu tôn trọng có thể dẫn đến đổ máu. Bằng cách làm cho những hành vi thiếu văn minh giảm đi, chúng ta sẽ làm cho mức độ bạo lực giảm đi... Nếu chúng ta dạy cho người trẻ ở tất cả các tầng lớp xã hội cách để quản lý xung đột với các kỹ năng quan hệ văn minh cơ bản, chúng ta sẽ có xã hội văn minh, ít bạo lực [48].

Có thể nhận thấy rằng, những hành vi văn minh được các tác giả nước ngoài trình bày khá chi tiết trên các bình diện ứng xử của con người nhưng chưa mang tính hệ thống, chưa phân tích cụ thể mối quan hệ giữa các chủ thể với hiện thực xung quanh. Nghiên cứu hành vi văn minh trên bình diện ứng xử, đây cũng là cơ sở để người nghiên cứu tham khảo tìm hiểu vấn đề văn minh học đường hiện nay của sinh viên.

1.1.2. Ở Việt Nam

Các công trình nghiên cứu về văn minh, hành vi văn minh vẫn còn tương đối mới mẻ so với các nước trên thế giới, đặc biệt là các công trình nghiên cứu dưới góc độ tâm lý học. Các công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước có thể chia thành hai hướng sau:

a) *Hướng nghiên cứu hành vi con người*

❖ Tác giả Phạm Minh Hạc đã có công trình “*Hành vi và hoạt động*” khẳng định phương pháp tiếp cận hoạt động – nhân cách, định hướng cho nghiên cứu tâm lý học lý luận và ứng dụng ở Việt Nam. Những vấn đề lý luận về hành vi của mỗi trường phái tâm lý học còn nhiều điều khác nhau tùy thuộc vào cách tiếp cận, do đó việc định hướng nghiên cứu từng loại hành vi cụ thể của con người có sự khác nhau, hệ thống các cách thức điều khiển, thích ứng hành vi cũng sẽ khác nhau [14].

❖ Tác giả Lưu Song Hà với bài viết “*hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội*” trên tạp chí tâm lý học, số 7/2004 đã tìm hiểu về những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội. Theo tác giả hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội là hành vi vi phạm các chuẩn mực xã hội. Như vậy có thể hiểu hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội là bất kì hành vi nào không phù hợp với sự mong đợi của một nhóm hoặc của xã hội.

b) *Hướng nghiên cứu về giáo dục hành vi*

❖ Tác giả Nguyễn Như Chiến với luận án tiến sĩ “*Nghiên cứu hành vi chấp hành luật giao thông đường bộ của học sinh trung học cơ sở khi tham gia giao thông*” đã có những phân tích khá rõ nét về diễn biến hình thành và biểu hiện hành vi tham gia giao thông của học sinh nói riêng và con người xã hội nói chung. Luận án của tác giả chỉ ra thực trạng hành vi chấp hành luật giao thông đường bộ của học sinh trung học cơ sở (THCS) khi tham gia giao thông dựa trên số liệu thu được từ nhiều nguồn thông tin

khác nhau; phân tích các yếu tố tâm lý, xã hội ảnh hưởng đến hành vi chấp hành luật giao thông của học sinh THCS. Các phân tích, so sánh được tiến hành theo nhiều chiều cạnh khác nhau như: theo biến số lớp học, theo giới tính, theo học lực, hạnh kiểm của học sinh, theo khu vực trường... đã làm rõ được các mức độ chấp hành, những sai phạm luật giao thông của học sinh [6].

❖ Tác giả Giáp Bình Nga và Nguyễn Thứ Mười với nghiên cứu “*Giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho thiếu nhi thủ đô thông qua ba tổ chức hoạt động của đội*” đã đưa ra những nhận định về nhu cầu được giáo dục về nội dung giáo tiếp có văn hóa của thiếu nhi thể hiện ở sự gương mẫu với em nhỏ, lễ phép với người lớn, thân thiện với bạn bè. Các tác giả khẳng định phương thức lồng ghép, tích hợp giáo dục nội dung “gương mẫu”, “lễ phép”, “thân thiện” trong hành vi giao tiếp có văn hóa cho thiếu nhi thông qua các hình thức hoạt động cơ bản của Đội như sinh hoạt chi đội, diễn đàn, câu lạc bộ thiếu nhi cho thiếu nhi ở thủ đô là khả thi và có hiệu quả.

❖ Tác giả Lê Thị Linh Trang với luận án tiến sĩ tâm lý học về “*Hành vi văn minh đô thị của thanh niên thành phố Hồ Chí Minh*” đã nghiên cứu và phân tích về thực trạng của việc thực hiện hành vi văn minh đô thị của thanh niên thể hiện trong mối quan hệ với bản thân, người khác và trong môi trường đô thị. Luận án cũng phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc thanh niên Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện hành vi văn minh đô thị [36].

❖ Tài liệu tham khảo Tạp chí Giáo dục mầm non tháng 2/2008 với chuyên đề “*Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ*” không chỉ đề xuất những yêu cầu cho trẻ mà cho cả người lớn, cho thầy cô giáo để ứng xử có văn hóa với những hành vi văn hóa. Các công trình nghiên cứu trên đây đã có những phân tích khá chi tiết về những vấn đề lý luận về hành vi, cơ cấu hành vi, những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của từng đối tượng, đặc biệt phác thảo thực trạng thực hiện hành vi với những nội dung đa dạng.

Tóm lại vấn đề hành vi văn minh học đường đã được các nhà khoa học trong và ngoài nước tiếp cận dưới nhiều góc độ và mức độ khác nhau, trong đó đề cập đến định nghĩa về hành vi văn minh, ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa đến việc hình thành những hành vi văn minh, những biểu hiện của ứng xử văn minh. Tuy nhiên việc

ngiên cứu sự hình thành hành vi văn minh học đường của sinh viên trong từng hoàn cảnh môi trường cụ thể thì chưa được đề cập một cách cụ thể, chi tiết.

Những nghiên cứu về hành vi văn minh học đường của sinh viên dưới góc độ tâm lý học thì còn khá mới và chưa được quan tâm. Đề tài “Hành vi văn minh học đường của sinh viên ở một số trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh” sẽ cụ thể hóa dưới góc độ tâm lý học.

1.2. Lý luận về hành vi văn minh học đường

1.2.1. Hành vi, văn minh và hành vi văn minh

a) Hành vi

Trong thuyết hành vi cổ điển, hành vi được hiểu hết sức đơn giản là *tổ hợp các phản ứng của cơ thể và trả lời các kích thích từ môi trường tác động vào* [15].

Pavlov cho rằng *hành vi là kết quả của quá trình phản xạ có điều kiện* [15].

Năm 1843, khi đưa ra khái niệm “tập tính học”, John Stuart Mill đã nói đến “hành vi” như là *một thói quen tập thành* [14, tr34].

Trường phái tâm lý học hành vi quan niệm rằng *hành vi là phản ứng, là bất cứ cái gì mà sinh vật làm để trả lời kích thích của môi trường*. Kích thích (S) luôn là nguyên nhân, phản ứng (R) luôn là kết quả. Nhờ những cử động, phản ứng đó mà động vật và người với tư cách là “một cơ quan biết phản ứng” hay “một hệ thống vật lý” sẽ thích nghi với môi trường nhằm đảm bảo sự sống còn. Cơ chế hình thành các hành vi là sự mò mẫm của chủ thể theo nguyên tắc “thử và sai”, qua nhiều lần, cho tới khi xác lập được phản ứng phù hợp, luyện tập và củng cố nó. Theo J.Watson ở con người có bốn loại hành vi: hành vi tập thành minh nhiên (bên ngoài) như nói, viết và chơi bóng, hành vi tập thành mặc nhiên (bên trong) như sự tăng nhịp đập của tim gây nên khi nhìn thấy máy khoan của nha sĩ, hành vi tự động minh nhiên như nháy mắt, hắt hơi, hành vi tự động mặc nhiên như sự tiết dịch và các biến đổi về tuần hoàn. Mọi việc người ta làm, kể cả suy nghĩ, đều thuộc về một trong bốn loại hành vi này [18].

Như vậy, thuyết hành vi có mấy điểm đáng chú ý khi đề cập về hành vi người. Thứ nhất hành vi người tuy có một số khác biệt so với động vật, nhưng vẫn chỉ là *tổ hợp phản ứng của cơ thể để trả lời các kích thích tác động vào cơ thể*. Thứ hai, trường

phái này không thừa nhận tâm lý, ý thức tham gia vào việc điều khiển hành vi người. Để nghiên cứu hay điều khiển hành vi nói chung và hành vi người nói riêng thì chỉ cần dựa vào yếu tố đầu trong công thức $S \rightarrow R$.

E. Tolman (1886 -1959) gọi *hành vi là “cử động hành vi”* (behavior acts). Các cử động hành vi có cả các sự kiện vật lý và sinh lý học, còn dựa cả vào những thuộc tính của bản thân. Theo tác giả, không thể từ một vận động đơn giản mà tách ra được những sản phẩm đặc trưng cho cử động hành vi. Cử động hành vi không phải là phản ứng sinh lý học, vì vậy phải nghiên cứu hành vi tổng thể bằng con đường riêng với các yếu tố trung gian của chủ thể trong sơ đồ S – R [14].

Theo K.Hull (1884-1953), *hành vi là cử động có thể làm cho các nhu cầu của cơ thể được thỏa mãn*, là hành vi do các biến số nhu cầu cơ thể và môi trường ngoài cơ thể tạo nên [15]. B.F.Skinner đã đưa thêm vào hai khái niệm: phản ứng tạo tác và củng cố hành vi. Theo ông “cường độ của hành vi tạo tác tăng lên nếu hành vi (tác động) được kèm theo kích thích củng cố. Không có củng cố trực tiếp thì không thể có hành vi tạo tác. Có củng cố là có sự xuất hiện phản ứng. Xác suất xuất hiện phản ứng, tần số, và cường độ phản ứng hoàn toàn tùy thuộc vào củng cố và cách củng cố. Theo B.F.Skinner, hậu quả hành vi – những cái củng cố - là các lực kiểm soát rất mạnh mẽ, vì vậy mà kiểm soát được củng cố thì sẽ kiểm soát được hành vi.

Theo A. Maslow, hành vi của con người không chỉ gồm các hành vi quan sát được mà là những *phản ứng không quan sát được*, những trải nghiệm chủ quan của con người [15].

Như vậy, những quan niệm về hành vi của các nhà nghiên cứu, các trường phái trong tâm lý học nêu trên có những điểm hợp lý: Họ đã khắc phục được cách nhìn duy tâm về hành vi người, có những đóng góp nhất định cho việc nghiên cứu hành vi người. Tuy nhiên lý luận của các trường phái trên vẫn chưa lý giải được đầy đủ những vấn đề về hành vi người. Vì thế tác giả luận án chỉ kế thừa những điểm hợp lý, chứ không thể dựa hoàn toàn vào lý luận đó để nghiên cứu hành vi văn minh học đường của sinh viên.

“Hành vi” theo quan điểm của các nhà Tâm lý học hoạt động không giống khái niệm “hành vi” trong quan niệm của các nhà Tâm lý học hành vi.

L.X.Vugotxki trong bài báo “Ý thức là vấn đề của tâm lý học hành vi” (được coi là cương lĩnh đầu tiên của Tâm lý học hoạt động) đã xác định hành vi là “*cuộc sống*”, là “*lao động, là “thực tiễn”*”; tức là phải hiểu hành vi là hoạt động với đơn vị của nó là hành động trong cuộc sống, tâm lý, ý thức và hoạt động không tách rời nhau. Việc tạo ra và sử dụng các tín hiệu tự tạo (còn gọi là các dấu hiệu) làm cho hành vi người khác hẳn hành vi con vật. Quá trình hình thành hành vi người là quá trình hình thành hoạt động dấu hiệu, từ các dấu hiệu trung gian đơn giản của hành vi đến chỗ dấu hiệu có ý nghĩa công cụ, phương tiện giao tiếp cũng như phương tiện điều khiển hành vi bản thân. Hành vi không phải là một tổ hợp các phản xạ, phản ứng máy móc theo kiểu “kích thích → phản ứng” nhằm giúp cơ thể thích nghi với môi trường mà hành vi đã chịu sự định hướng, điều khiển, điều chỉnh. Hành vi được xem như là tổ hợp các cử động, thao tác, là mặt bề ngoài của hoạt động. Như vậy, hành vi theo quan niệm của L.X.Vugotxki là hành vi gắn với tâm lý, chúng không tách rời nhau [14].

X.L.Rubinstein quan niệm hành vi là hoạt động đặc biệt và hoạt động chuyển thành hành vi chỉ khi mà động lực hoạt động từ bình diện đối tượng chuyển sang quan hệ cá nhân – xã hội. Như vậy hành vi không còn là một hay vài cử động riêng rẽ nào đó của con người mà là tổ hợp các cử động, thao tác, hành động bề ngoài của con người. Đây là vấn đề phương pháp luận của việc nghiên cứu hành vi người. Người nghiên cứu tán thành quan điểm này và coi đây là cơ sở nền tảng trong việc nghiên cứu hành vi văn minh học đường của sinh viên [20].

Trong “Từ điển giản yếu” (bản Tiếng Nga), A.V.Petrovski và M.G.Iarosevski quan niệm: *hành vi là sự tác động qua lại giữa cơ thể sống, thông qua hoạt tính bên ngoài (vận động) và bên trong (tâm lý)*. “Bất kì hoạt động thực tế nào cũng có mặt bên ngoài, mặt bên trong chúng liên hệ mật thiết với nhau. Bất kỳ hành động bên ngoài nào cũng gián tiếp liên quan đến các quá trình diễn ra bên trong chủ thể, còn quá trình bên trong bằng cách này hoặc cách khác đều được thể hiện ra bên ngoài... Nhiệm vụ của tâm lý học, đầu tiên là nghiên cứu “mặt bề ngoài” của hoạt động để phát hiện “mặt bên trong”, chính xác hơn là để hiểu được vai trò thực của tâm lý trong hoạt động.

Hành vi là những biểu hiện bên ngoài của hoạt động. Nó gắn với động cơ, nhu cầu và có ý nghĩa xã hội nhất định.

Quyết định luận duy vật biện chứng đã chỉ ra rằng: “Tồn tại quyết định ý thức, ý thức độc lập tương đối với “tồn tại” và tác động trở lại “tồn tại”. Với tinh thần này, các nhà Tâm lý học hoạt động đã quán triệt và chứng minh trong các công trình nghiên cứu của mình: Ý thức được coi là một chất lượng mới của toàn bộ tâm lý người. Theo B.Ph.Lomov: “Ý thức phản ánh tồn tại. Nhưng không nên cho rằng ở mọi thời điểm ý thức hoàn toàn tương ứng với tồn tại. Đó không phải là cái bóng, không phải là hình ảnh trực tiếp, nó không nhắc lại nguyên xi sự kiện. Ý thức “trùng hợp” với sự kiện chỉ ở quy mô tổng thể. B.Ph.Lomov cho rằng: Sự xuất hiện của ý thức và sự phát triển của ý thức (trước hết là nói đến ý thức cá nhân) làm cho chức năng cơ bản của cái tâm lý có những đặc điểm mới về chất. Chức năng nhận thức của tâm lý ở cấp độ ý thức thể hiện như là một hoạt động đặc biệt tương đối độc lập và có định hướng. Trong quá trình hoạt động nhận thức, cá nhân không chỉ tiếp thu những tri thức vốn có mà có khả năng tạo ra những tri thức mới. Chức năng điều chỉnh ở cấp độ ý thức là tính có chủ định. Hành vi cá nhân được thực hiện như là sự thể hiện ý chí của nó. Chức năng giao tiếp của tâm lý ở cấp độ ý thức được phát triển đầy đủ nhất. Tuy tâm lý học có nhiều quan điểm khác nhau về giao tiếp nhưng có thể nói chung nhất rằng, chức năng giao tiếp của ý thức đã làm cho kinh nghiệm của cá nhân bao gồm cả kinh nghiệm của những người khác, có sự tái tạo, sự phản ánh thuộc tính của một người trong người khác (tất nhiên được biến đổi). Chức năng giao tiếp được thực hiện không những trong quá trình trao đổi tri thức mà cả trong quá trình điều khiển hành vi lẫn nhau của mọi người. Đối với hoạt động, ý thức giữ vai trò định hướng cao cấp nhất, điều khiển, điều chỉnh tinh vi nhất. Ý thức vạch ra hướng chung cho hoạt động, sau đó dựa vào từng kết quả của từng hành động mà tiếp tục định hướng cho hoạt động, tức là một mặt nó dựa vào định hướng chung, mặt khác, nó thông qua kết quả hành động, ý thức điều khiển, điều chỉnh hoạt động. Đối với hành động của con người thì hành động có ý thức là hành động chủ yếu, ngay cả hành động bản năng cũng được ý thức hóa; ở con người cũng có lúc có hành động không phải do ý thức mà do vô thức định hướng, điều khiển, điều chỉnh (hành vi của trẻ lúc nhỏ tuổi, hành động của người bị ám thị, thôi miên, tâm thần...), nhưng đó không phải là phổ biến thường xuyên [14].

Như vậy, các nhà Tâm lý học hoạt động đều thống nhất cho rằng: ý thức là chức

năng tâm lý cấp cao chỉ có ở người và *hành vi đặc trưng của người là hành vi do ý thức định hướng, điều khiển, điều chỉnh.*

Như vậy, hành vi trong quan niệm của các nhà Tâm lý học hoạt động được hiểu theo nghĩa: Hành vi người là biểu hiện bên ngoài của hoạt động, là hành động bên ngoài luôn thống nhất với tâm lý bên trong. Tuy vẫn còn một số khác biệt trong cách hiểu nội dung của nguyên tắc tâm lý và hoạt động thống nhất với nhau, nhưng các nhà Tâm lý học hoạt động đều coi tâm lý và hành vi đều là những cái có thực, quan hệ với nhau, chi phối lẫn nhau, đều có vai trò trong cuộc sống, đều tham gia tích cực vào sự tác động của con người vào thế giới xung quanh cũng như tác động vào chính con người. Hành vi đặc trưng của người là hành vi do ý thức định hướng, điều khiển, điều chỉnh (ngay cả hành động bản năng cũng được ý thức hóa). Tuy vậy, ở con người cũng có lúc có hành động do vô thức định hướng, điều khiển, điều chỉnh nhưng nghiên cứu về lĩnh vực này của Tâm lý học hoạt động còn chưa được quan tâm.

Quan niệm về hành vi như trên không phủ nhận tác động của thế giới xung quanh đối với hành vi, vì suy cho cùng, mọi yếu tố của thế giới xung quanh muốn phát huy tác dụng đối với hành vi thì không thể theo kiểu kích thích → phản ứng, mà phải được phản ánh vào não người, thành những “hình ảnh” tâm lý và kết quả sự tương tác giữa hình ảnh tâm lý này với những hiện tượng tâm lý khác của con người (đã hình thành trước đó do sự tác động của hiện thực khách quan vào não người) sẽ chi phối hành vi của con người. Quan niệm về hành vi như trên cũng khắc phục được hạn chế của những trường phái không thừa nhận sự tồn tại hoặc quá coi nhẹ vai trò của tâm lý đối với hành vi. Tâm lý chi phối hành vi có thể ở mức độ ý thức hoặc mức độ vô thức (các mức độ phản ánh tâm lý) và như thế, quan niệm trên không bỏ qua vai trò của “vô thức” thúc đẩy hành vi người.

Từ những vấn đề lý luận của các trường phái tâm lý học về hành vi, luận án xây dựng khái niệm cụ thể về hành vi để có những luận cứ phân tích về hành vi văn minh học đường với tư cách là khái niệm công cụ của luận án.

Tác giả Phạm Minh Hạc cho rằng “Hành vi là những biểu hiện bên ngoài của hoạt động và bao giờ cũng gắn liền với động cơ, mục đích” [14, tr222].

Theo Hersey và Hard thì “Đơn vị cơ sở của một hành vi là một hành động. Toàn bộ hành vi là một chuỗi hành động” [26].

Tác giả Robert L. Berger, Ronald C. Federico, James T. McBreen trong tác phẩm “Human Behavior - third Edition” thì cho rằng “hành vi được hiểu là những gì con người hành động, mặt khác hành vi luôn chứa đựng nhận thức và cảm xúc của con người đó” [54].

Tác giả Fred Dretske trong “Explaining Behavior” đã phân biệt hành vi và những cử động của một con người, trong đó tác giả nhấn mạnh có hành vi do các tác động bên ngoài nhưng có nhiều hành vi do các tác động bên trong cá nhân [44]. Quan niệm của Fred Dretske rất gần với quan điểm của Leonchiev và Phạm Minh Hạc về hành vi, xem hành vi như hoạt động hay là sự biểu hiện bên ngoài của hoạt động.

Tác giả Charles Zastrow và Karen K.Kirst-Ashman trong tác phẩm “Understanding Human behavior and the Social environment” đã mô tả “hành vi con người là những phản ứng từ kết quả tác động của các yếu tố sinh lý - tâm lý - xã hội và môi trường của con người, hành vi không phải là một thao tác mà là một tiến trình” [42].

Tác giả John M. Ivancevich và Michael T. Matteson trong Organizational Behavior and Management cho rằng “hành vi của con người luôn được kích thích bởi những động cơ cụ thể, kích thích hành vi tức là phải kích thích động cơ” [46].

Nhóm tác giả chủ biên “Abnormal Psychology” cho rằng hành vi không chỉ được tri giác như những phản ứng bên ngoài khi có các kích thích, muốn hiểu hành vi bất thường cần tìm kiếm những tác động từ bên trong cá nhân nữa.

Theo từ điển Tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên thì “Hành vi là toàn bộ nói chung những phản ứng, cách cư xử biểu hiện ra bên ngoài của một người trong một hoàn cảnh cụ thể nhất định”. Cách hiểu này đề cập đến hoàn cảnh của sự xuất hiện hành vi và hành vi ở đây phải là những hành xử mà người khác có thể quan sát được [27].

Theo từ điển Giáo dục học thì hành vi của con người là hệ thống các hành động của một nhân cách có ý thức, trong đó thể hiện trước hết những mối quan hệ của con người với môi trường xã hội.

Trên cơ sở phân tích, đối chiếu các quan điểm của nhiều tác giả và trên cơ sở của tâm lý học hoạt động, có thể hiểu: *Hành vi là ứng xử của chủ thể đối với môi trường do ý thức định hướng, điều khiển, điều chỉnh.*

Theo từ điển Tâm lý học (Vũ Dũng chủ biên) thì “Khái niệm cơ sở định hướng của hành động đã được nhà tâm lý học Xô Viết P.L.Ganperin đề xuất trong lý thuyết hình thành hành động trí tuệ theo giai đoạn. Nội dung của cơ sở định hướng của hành động ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng của hành động. Nếu có cơ sở định hướng đầy đủ, hành động sẽ được thực hiện tốt trong một phạm vi các tình huống” [8, tr.125]. Cơ sở định hướng của hành động là một tập hợp các định hướng và chỉ dẫn cho chủ thể cụ thể.

Cũng theo thuyết này thì có 3 dạng chính xây dựng sơ đồ cơ sở hành động tương ứng với 3 dạng hoạt động:

- *Chủ thể không có được hệ thống đầy đủ các điều kiện nên buộc phải bổ sung nó theo phương pháp “thử và sai”.* Do vậy cấu trúc đầy đủ của hành động được hình thành một cách chậm chạp và chủ thể cũng không nhận thức được nó một cách đầy đủ. Trong trường hợp này, hành động rất dễ chịu ảnh hưởng của các tác động bên ngoài.

- *Chủ thể định hướng trên một hệ thống đầy đủ các điểm, vật chuẩn định hướng và trù tính đến toàn bộ hệ thống điều kiện thực hiện đúng hành động, bảo đảm ngay từ đầu không có sai sót.* Trong sơ đồ này, cơ sở định hướng của hành động hoặc là xuất hiện với dạng vốn sẵn có, hoặc được các chủ thể xác lập.

- *Định hướng đầy đủ của cá nhân không phải là vào điều kiện thực hiện một hành động cụ thể nào đó mà là vào các đơn vị cấu thành và vào các quy luật liên kết những đơn vị đó.* Cơ sở định hướng của hành động dạng này bảo đảm cho việc phân tích một cách sâu sắc tài liệu nghiên cứu và hình thành động cơ nhận thức. Những định hướng này xuất phát từ một số cơ sở tâm lý học cụ thể, những cơ sở thúc đẩy hành vi của con người trong các mối quan hệ xã hội.

Bàn về việc thỏa mãn nhu cầu với tư cách là một yếu tố tạo nên động cơ hành vi, H.Hipso và M.Phorvec đã cho rằng “Khác với động vật, những nhu cầu cơ thể của con người được thỏa mãn một cách gián tiếp chứ không phải trực tiếp”. “Phương tiện thỏa mãn là sản xuất ra những sản phẩm cần thiết cho cuộc sống trong điều kiện hợp tác.

Thực tại đầu tiên và điều kiện tất yếu không thể thiếu của sự sống con người là lao động, sản xuất xã hội tiến hành trong xã hội. Lao động là cội nguồn của hành vi xã hội, vì thế hành vi xã hội là “được kích thích” từ bên ngoài và không nghi ngờ gì, tạo nên cơ sở con người” [26, tr.128].

Theo H.Hipso và Phorvec thì: “Bản chất xã hội của con người, cả hành vi xã hội của họ đều không thể chứa đựng sẵn những hành vi trong cấu trúc sinh vật học của nó dưới dạng những cơ chế điều chỉnh có sẵn. Có chăng thì có thể tìm sự thể hiện của cấu trúc bản chất xã hội trong cấu trúc sinh vật học chung của con người. Song không thể cho rằng luận điểm này là trong quá trình phát sinh lúc đầu cấu trúc chung này hình thành, rồi lao động và hình thức xã hội của đời sống phát triển là hậu quả của cấu trúc chung. Cả hai quá trình đều hình thành cùng nhau trong điều kiện ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình sinh ra con người”.

Phân loại hành vi

Hành vi là sự hiện thực hóa những suy nghĩ, tư tưởng, thái độ bên trong của con người [36]. Có nhiều cách phân loại hành vi khác nhau:

Xét theo khía cạnh giá trị thì có hành vi tiêu cực và hành vi tích cực

- *Hành vi tiêu cực* của chủ thể xuất hiện trong các hành động đối lập với những nhu cầu của cá nhân hoặc các nhóm xã hội khác. Hành vi tiêu cực có thể là phản ứng theo tình huống, hoặc là đặc điểm cá nhân xuất hiện do nhu cầu của chủ thể nhằm tự khẳng định bản thân, nhằm bảo vệ “cái tôi” của mình. Hành vi tiêu cực còn là kết quả của tính ích kỷ, thờ ơ với lợi ích và nhu cầu của người khác. Cơ sở tâm lý của hành vi tiêu cực là tâm thế xuất hiện do chủ thể không đồng tình, phủ nhận những đòi hỏi, những mong đợi của các thành viên trong các nhóm xã hội. Hành vi tiêu cực xuất hiện cũng do sự chối bỏ hoặc chống lại các quan hệ vốn đã hình thành trong tập thể.

- *Hành vi tích cực* là hành vi chủ thể có thể làm được và mong muốn làm điều đó, tuy nhiên nó phải đáp ứng được sự mong đợi của người khác. Để tiến hành hành vi tích cực thì chủ thể phải có nhận thức đúng đắn, có tâm thế sẵn sàng, thái độ tích cực và có ý chí để thực hiện.

Nếu căn cứ vào tính chất của hành vi thì có hành vi công khai và hành vi che giấu.

- Hành vi công khai là hành vi được chủ thể tiến hành trong một môi trường cụ thể và trước sự quan sát và chứng kiến của người khác.

- Hành vi che giấu là hành vi được chủ thể thực hiện nhằm không cho người khác chứng kiến.

Người ta cũng có thể chia hành vi thành ba loại: hành vi bản năng, hành vi kỹ thuật và hành vi cảm xúc.

- Hành vi bản năng là những hành vi mang tính bẩm sinh.

- Hành vi kỹ thuật là hành động mang tính kỹ thuật được con người học hỏi trong cuộc sống, trong nhà trường.

- Hành vi cảm xúc là những hành vi giữa người với người, thông qua đó mà họ biểu hiện thái độ, tìm cảm với nhau, cũng như bày tỏ những nhận xét và đánh giá đối với người khác.

Nếu xem xét theo chuẩn mực hành vi thì có hành vi hợp chuẩn và hành vi lệch chuẩn.

- Hành vi hợp chuẩn là hành vi phù hợp với chuẩn mực của một nhóm, một cộng đồng xã hội; những hành vi mà mọi người mong đợi từ một thành viên nào đó.

- Hành vi lệch chuẩn là những hành vi không đáp ứng được sự mong đợi của một nhóm người nào đó, nó lệch với chuẩn mực của một nhóm, một cộng đồng.

b) Văn minh

Vẫn còn khá nhiều cách hiểu về văn minh và với các hướng tiếp cận khác nhau thì các nhà nghiên cứu đưa ra những định nghĩa khác nhau về văn minh.

Văn minh là khái niệm được nhà dân tộc học Mỹ - Lewis H. Morgan (1818 - 1881) dùng để chỉ *một trình độ phát triển của xã hội loài người với một phương thức sống đối lập với tình trạng dã man* [31].

Với bài báo “What is civilization?” thì văn minh được tiếp cận khá đơn giản “Con người khác thú vật chỉ bởi có nền giáo dục, vốn có thể được định nghĩa như là phương pháp chuyển giao nền văn minh”.

Theo từ điển tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học thì “văn minh là nền văn hóa đã đạt tới một trình độ nhất định, với những đặc trưng riêng, tiêu biểu cho một xã hội rộng lớn, một thời đại hoặc cho cả nhân loại”.

Theo từ điển học sinh (Nxb Giáo dục HN 1971) thì “văn minh là trình độ phát triển cao của nền văn hóa tinh thần và vật chất của xã hội loài người ở một giai đoạn nhất định”.

Trong tác phẩm “Cơ sở văn hóa Việt Nam” tác giả đã cho rằng “Văn minh thể hiện một trình độ phát triển nhất định của nền văn hóa, đặc biệt là trình độ phát triển có liên quan đến các giá trị vật chất và cả những tiến bộ kỹ thuật mà chính những hành động sáng tạo văn hóa của cộng đồng người đã mang lại cho xã hội. Văn minh chỉ những thành tựu hoạt động sáng tạo khoa học kỹ thuật, sáng tạo văn hóa tinh thần của con người” [2].

Nhà văn hóa học Hữu Ngọc thì nhấn mạnh “văn hóa bao gồm hệ thống những giá trị để đánh giá một sự việc, một hiện tượng (đẹp hay xấu, đạo đức hay vô luân..) theo cộng đồng ấy. Còn văn minh thì chỉ toàn bộ những phương diện vật chất và kỹ thuật phục vụ cho mục đích lợi ích của đời sống con người trong quan hệ của nó với môi trường” [31].

Trong từ điển Tiếng Việt của nhà xuất bản Thanh Hóa thì “Văn minh là trình độ phát triển đạt đến một mức nhất định của xã hội loài người, có nền văn hoá vật chất và tinh thần với những đặc trưng riêng”.

Như vậy có thể thấy, với nhiều hướng tiếp cận khác nhau thì các nhà nghiên cứu có những cách hiểu khác nhau về văn minh.

Xét theo nghĩa rộng, văn minh là trình độ phát triển cao của nền văn hóa tinh thần và vật chất của xã hội loài người, phản ánh sự hiện đại, hợp lý, tích cực, tiến bộ..

Theo nghĩa Hán Việt, thì văn là vẻ đẹp, minh là sáng. Văn minh được hiểu là tia sáng đạo đức biểu hiện ở chính trị, pháp luật, văn học, nghệ thuật và kỹ thuật.

Văn minh bắt nguồn từ chữ La tinh “Civilis” nghĩa là liên quan đến cuộc sống cộng đồng, trách nhiệm một công dân. Nói cách khác, đó là sự thân thiện và tốt đẹp với mọi người; là lịch sự trang trọng.

Trong những thập niên gần đây, các tác giả, nhà nghiên cứu phương tây đã xem xét văn minh ở góc độ hẹp hơn, dưới góc nhìn của đạo đức học, tâm lý học... và xem văn minh như là cách ứng xử giữa con người với con người, giữa con người với môi trường.

Theo P.M. Formi ở đại học Memphis thì văn minh liên quan nhiều hơn đến việc ứng xử đẹp với người khác. Nó phức tạp và bao gồm việc học kết nối thành công và sống tốt với mọi người, phát triển sâu sắc, thúc đẩy sự tự thể hiện và giao tiếp hiệu quả. Văn minh bao gồm sự nhã nhặn, lịch sự, tôn trọng, công bằng, cư xử đẹp cũng như các vấn đề liên quan đến cuộc sống lành mạnh.

Theo Viện Văn Minh Chính Phủ ở Mỹ (ICG) thì văn minh liên quan nhiều hơn đến lịch sự. Đó là khi ta biểu lộ sự bất đồng mà không thiếu sự tôn trọng; tìm kiếm một nền tảng chung như là một điểm khởi đầu cho một cuộc đối thoại về sự khác biệt.

Theo Free Dictionary thì văn minh nghĩa là lịch sự, một hành động lịch sự.

Theo từ điển Audio English.org thì văn minh chỉ sự lịch sự, là hành động hướng đến người khác.

Theo tiến sĩ Marilyn Price – Mitchell trong bài viết “Teaching Civility in an F-Word Society trên Psychology Today thì văn minh là hành vi thừa nhận nhân phẩm của người khác, cho phép chung sống hòa bình với nhau ở trong khu phố và ở cộng đồng. Cũng theo tác giả, nếu chúng ta tin rằng, tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng và có giá trị thì văn minh là một bổn phận mà mỗi người phải hành động theo niềm tin đó. Nó đòi hỏi chúng ta đối xử lịch sự với người khác, bất kể họ khác biệt với chúng ta. Nó đòi hỏi sự tự chủ và khả năng đặt lợi ích của cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân.

Theo tiến sĩ Keely Swanson, Paul Caldarella, Richard Young ở đại học Brigham Young thì định nghĩa văn minh chỉ sự hiện đại (nhã nhặn, lịch sự, quan tâm, chuẩn mực), mang tính lịch sử (khả năng làm việc như một công dân, cảm nhận là thành viên của cộng đồng với những quyền lợi và trách nhiệm kèm theo), thân thiện (lịch sự trong tương giao với mọi người), thực hiện những điều tốt đẹp (quan tâm đến hiệu quả của những hành động lên người khác và không gian mà mọi người chung sống).

Như vậy có thể thấy có hai luồng quan điểm về văn minh:

Luồng quan điểm thứ nhất, xét văn minh trên bình diện rộng là trình độ phát triển cao của nền văn hóa vật chất và tinh thần. Hướng tiếp cận này chủ yếu là của các nhà văn hóa học, triết học, xã hội học, dân tộc học..

Luồng quan điểm thứ hai, xét văn minh ở trên bình diện hẹp liên quan đến mối quan hệ, giao tiếp, ứng xử của con người phù hợp với các giá trị chuẩn mực của xã hội

đương đại. Hướng tiếp cận này chủ yếu của các nhà tâm lý học, đạo đức học, giá trị học.. Với hướng tiếp cận này, nội hàm của văn minh và văn hóa là tương đương nhau. Người nghiên cứu đề tài chọn luồng quan điểm thứ hai làm cơ sở nghiên cứu cho đề tài của mình.

Xét theo nghĩa hẹp, văn minh là những giá trị, chuẩn mực quy định cách giao tiếp ứng xử của con người, phù hợp với sự phát triển của xã hội hiện đại.

Như vậy, theo cách phân loại về hành vi, định nghĩa về văn minh, người nghiên cứu dựa vào cách phân loại hành vi theo giá trị và chuẩn mực thì có:

Hành vi tích cực, hợp chuẩn – hành vi văn minh: là hành vi chủ thể có thể làm được và mong muốn làm điều đó. Tuy nhiên hành vi ấy phải phù hợp với các giá trị, chuẩn mực, mong đợi của cộng đồng xã hội. Để thực hiện hành vi tích cực, hợp chuẩn thì chủ thể phải có nhận thức đúng đắn, có tâm thế sẵn sàng, thái độ tích cực và có ý chí để thực hiện.

Hành vi tiêu cực, lệch chuẩn: là hành vi của chủ thể đối lập với những nhu cầu của cá nhân, của các nhóm xã hội; là hành vi phản ứng theo tình huống, hoặc là đặc điểm cá nhân xuất hiện do nhu cầu của chủ thể nhằm tự khẳng định bản thân; là kết quả của tính ích kỷ, thờ ơ với lợi ích và nhu cầu của người khác; là hành vi không đáp ứng được sự mong đợi của một nhóm người nào đó, nó lệch với chuẩn mực của một nhóm, một cộng đồng.

Có thể hiểu, hành vi văn minh là ứng xử mang tính ý thức cao của chủ thể, phù hợp với các giá trị, chuẩn mực của xã hội hiện đại.

1.2.2. Văn minh học đường và hành vi văn minh học đường của sinh viên

a) Văn minh học đường

Ở Việt Nam, thuật ngữ văn minh hay văn minh học đường còn tương đối mới mẻ, và còn được gọi với các tên khác nhau, dưới nhiều góc độ khác nhau. Đa phần các học giả, các nhà nghiên cứu trong nước sử dụng thuật ngữ văn hóa học đường, đôi khi dùng chung khái niệm văn hóa và văn minh với nghĩa giống nhau.

Tuy nhiên, người nghiên cứu tiếp cận khái niệm văn minh theo nghĩa hẹp và nội hàm của văn hóa (văn hóa học đường) và văn minh (văn minh học đường) là tương đương nhau.

Văn minh học đường là khái niệm chỉ về các giá trị hướng đến cách cư xử đẹp, lịch sự, phù hợp với chuẩn mực của cộng đồng, xã hội nhằm mang lại lợi ích cho mọi người trong môi trường học đường.

Theo Giáo sư, Viện sĩ Phạm Minh Hạc thì “văn hóa, văn minh học đường là hệ thống các chuẩn mực, giá trị giúp cán bộ quản lý nhà trường, các thầy cô, các vị phụ huynh và các em học sinh, sinh viên có cách suy nghĩ, tình cảm, hành động tốt đẹp” [19].

Văn minh học đường chính là lối sống, ứng xử hướng đến sự thay đổi tích cực trong môi trường học đường của tất cả các thành viên tham gia vào quá trình dạy và học.

Như vậy có thể hiểu, Văn minh học đường là hệ giá trị, chuẩn mực quy định cách giao tiếp ứng xử của các thành viên trong môi trường học đường phù hợp với sự phát triển của xã hội hiện đại.

Xét về mục tiêu, văn minh học đường hướng đến việc xây dựng trường học lành mạnh, các mối quan hệ thân thiện, tích cực và tạo ra chất lượng giáo dục thật và hiệu quả. Qua đó giúp người học phát triển toàn diện về nhân cách, trở thành người có ích cho cộng đồng và xã hội.

Xét về bản chất, văn minh học đường chính là văn minh môi trường. Môi trường ở đây thu hẹp là môi trường học đường (trường học) bao gồm địa lý tự nhiên, vật lý và tâm lý – giao tiếp. Môi trường văn minh học đường là nơi mỗi thành viên tham gia trong đó có đủ điều kiện thể hiện mình một cách trọn vẹn nhất vì mục tiêu chung.

b) Hành vi văn minh học đường

Hành vi văn minh học đường là ứng xử mang tính ý thức cao của các thành viên trong môi trường học đường phù hợp với các giá trị, chuẩn mực của xã hội hiện đại.

Đặc điểm của hành vi văn minh học đường

Hành vi văn minh học đường là những ứng xử cụ thể của từng cá nhân, thể hiện sự phù hợp với các giá trị, chuẩn mực của xã hội hiện đại trong bất kỳ tình huống nào, trong bất kỳ môi trường nào. Hành vi được cho là văn minh trong môi trường học đường có một số đặc điểm chủ yếu sau đây:

- Tính hợp pháp

Hành vi văn minh học đường trước hết phải là những hành vi hợp pháp, đó là những hành vi không đi ngược lại những quy định của pháp luật hay các quy định trong nội qui hoặc qui chế hoạt động của nhà trường. Mỗi trường học đều có những quy định cụ thể về các tiêu chuẩn và giới hạn hoạt động trong phạm vi của mình nhưng tất cả những quy định đó đều phản ánh tính hợp pháp của các dạng hoạt động, qua đó thể hiện tính hợp pháp của hành vi cá nhân trong môi trường hoạt động, thể hiện tính hợp pháp của hành vi văn minh trong môi trường học đường. Những hành vi hợp pháp được hiểu là những ứng xử bắt buộc trong những trường hợp cụ thể được thể hiện trong các quy định trong cả bình diện tích cực và không tích cực, nghĩa là có những hành vi được phép thực hiện và cả những hành vi không được phép hoặc bị cấm trong những trường hợp cụ thể.

- Tính lợi ích

Hành vi văn minh học đường là những hành vi của từng chủ thể trong môi trường học đường được mọi người thừa nhận và đánh giá cao khi chủ thể thực hiện hành vi ấy phù hợp với các chuẩn mực chung. Khi chủ thể thực hiện hành vi văn minh thì hành vi đó vừa mang lại lợi ích cho bản thân, vừa mang lại lợi ích cho những người xung quanh. Điều này thể hiện sự hài hòa về lợi ích vật chất lẫn lợi ích tinh thần giữa từng cá nhân, cá nhân với tập thể, cộng đồng.

- Tính phù hợp

Hành vi văn minh học đường luôn hướng đến sự hợp lý, phù hợp với giá trị, chuẩn mực, sự kỳ vọng của xã hội và phản ánh tính hiện đại trong cách thức ứng xử của mỗi cá nhân. Hành vi văn minh học đường bắt đầu từ những hành vi cá nhân nhưng bao giờ cũng chịu sự chi phối bởi tập thể, rộng hơn là của cộng đồng xã hội.

- Tính thẩm mỹ

Hành vi văn minh học đường luôn hướng tới vẻ đẹp của con người, của cộng đồng, xã hội. Đó là những hành vi đẹp cả về hình thức thể hiện lẫn đẹp về các giá trị bên trong nó.

- Tính đại diện

Hành vi văn minh học đường là những hành vi xã hội, là hành vi của nhóm xã hội, trong đó các cá nhân thực hiện hành vi này thể hiện được tính đại diện của mình. Hành vi văn minh học đường của sinh viên là hành vi đại diện cho những người đang học tập tại các trường đại học và cao đẳng với những đặc điểm tâm lý - xã hội của tuổi thanh niên và được thể hiện trong từng cá nhân. Hành vi văn minh học đường là hành vi của mỗi cá nhân mang tính đặc trưng của hành vi xã hội, do đó chịu ảnh hưởng của các đặc điểm tâm lý chủ quan, ảnh hưởng bởi kỳ vọng, yêu cầu của xã hội.

- Tính chuẩn mực

Hành vi văn minh học đường là hành vi thể hiện và bảo đảm các chuẩn mực của hành vi. Hành vi văn minh học đường với ý nghĩa là hành vi xã hội, là hành vi của một chủ thể được thể hiện trong mối liên hệ với người chung quanh và chịu ảnh hưởng, chi phối bởi các chuẩn mực xã hội. Chuẩn mực xã hội sẽ định hướng và điều chỉnh hành vi của con người khi cá nhân thực hiện các hành vi trong cộng đồng hay trong một nhóm xã hội.

Tiêu chí hành vi văn minh học đường

Dựa trên việc tìm hiểu lịch sử các nghiên cứu, các khái niệm, đặc điểm về hành vi văn minh học đường vừa phân tích trên có thể đưa ra một số tiêu chí để xem xét hành vi văn minh học đường:

- Hành vi văn minh học đường là những hành vi được chủ thể thực hiện một cách thường xuyên không phụ thuộc vào tính chất của tình huống hay của môi trường hoặc các yếu tố bất thường nào khác. Hành vi văn minh học đường là những hành vi mang tính ý thức tự giác, tính nhận thức cao.

- *Hành vi văn minh học đường là hành vi pháp luật (giá trị pháp luật):* Thể hiện ở việc mỗi thành viên trong nhà trường luôn hành động, ứng xử phù hợp với chuẩn mực luật pháp, các quy định, nội qui, quy chế của nhà trường. Việc vi phạm những chuẩn mực pháp luật bị xem là hành vi thiếu văn minh.

- *Hành vi văn minh học đường là hành vi đạo đức (giá trị đạo đức)*: Thể hiện ở việc chủ thể hành động một cách tự giác theo các giá trị, chuẩn mực đạo đức xã hội, phù hợp với sự phát triển trong xã hội hiện đại.. Hành động này thể hiện qua lối sống, cách giao tiếp ứng xử của mỗi cá nhân nơi giảng đường. Việc cá nhân hành động ngược lại những giá trị, chuẩn mực đó thì sẽ bị lên án và được xem là thiếu hay chưa văn minh.

- *Hành vi văn minh học đường là hành vi thẩm mỹ (giá trị thẩm mỹ)*: Thể hiện ở việc mỗi cộng đồng, xã hội luôn hướng tới các giá trị, cái đẹp trong mỗi con người.. và dựa vào cảm nhận chung đó đề ra các yêu cầu, chuẩn mực, khuôn mẫu cho các thành viên trong cộng đồng xã hội đó. Nếu mỗi cá nhân thể hiện phù hợp với những yêu cầu đó thì được cộng đồng đó chấp nhận.

- Hành vi văn minh học đường thể hiện sự phù hợp với sự phát triển của các giá trị, chuẩn mực trong xã hội đương đại.

1.2.3. Hành vi văn minh học đường của sinh viên

1.2.3.1. Đặc điểm tâm lý sinh viên

Thuật ngữ sinh viên có nguồn gốc từ tiếng La tinh là “student” có nghĩa là người làm việc, học tập nhiệt tình, người tìm kiếm, khai thác tri thức.

Theo tài liệu tâm lý học phát triển của Vũ Thị Nho thì thanh niên sinh viên là những người đang ngồi trên ghế nhà trường đại học, cao đẳng, trung cấp....ở lứa tuổi từ 18 – 25 [25, tr.137].

Sinh viên là con người thuộc một lứa tuổi nhất định và là một nhân cách nên có thể xác định về 3 phương diện: sinh lý, tâm lý và xã hội.

Về mặt sinh học, sự phát triển cơ thể đã hoàn thành và ổn định sau những biến động sau sắc của tuổi dậy thì. Trọng lượng não ở tuổi này đạt đến mức độ tối đa (khoảng 1.400g) và chứa khoảng 100 tỉ noron. Điều đáng quan tâm là noron của tuổi này hoàn hảo hơn, cách li tốt, đốt nhần nhiều, thuận lợi cho việc dẫn truyền dây thần kinh nhanh, chính xác, liên lạc rộng khắp. Vì lẽ đó ước tính 2/3 lượng kiến thức mà con người tích lũy được trong một đời người là do tích lũy trong thời gian này [25, tr.59].

Thanh niên sinh viên là những công dân thực thụ với đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ trước pháp luật, có khả năng nhận thức và tự ý thức cao, một số thanh niên có khả năng độc lập với gia đình về kinh tế. Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà, họ có tính năng động, sáng tạo và nhạy bén, dám nghĩ dám làm, thích khẳng định cái tôi của mình, thích khám phá. Tuy vậy đôi khi còn pha chút bông bột, sốc nổi của tuổi trẻ.

Như vậy, sinh viên là người có độ tuổi từ 18 đến 25, là giai đoạn chuyển từ sự chín muồi về thể lực sang trưởng thành về phương diện xã hội. Họ muốn tìm một nghề ổn định trong cuộc sống. theo kết quả nghiên cứu của B.G.Anahev thì lứa tuổi sinh viên là thời kì hình thành và ổn định về tích cách, phát triển tích cực về tình cảm và thẩm mỹ, đặc biệt là họ có vai trò xã hội của người lớn..... sinh viên có kế hoạch riêng cho hoạt động của mình trong phán đoán và hành vi. ở trong bản thân sinh viên có sự biến đổi mạnh mẽ về động cơ, về thang giá trị xã hội có liên quan tới nghề nghiệp...[25, tr.85].

Lứa tuổi thanh niên sinh viên có những đặc điểm tâm lý đặc trưng sau đây:

a) Đặc điểm hoạt động học tập và nhận thức của sinh viên

Hoạt động học tập của sinh viên thuộc dạng lao động trí óc. Thường với mục đích là hướng đến một nghề nghiệp trong tương lai và mang tính chất nghiên cứu khoa học, chuyên sâu vào từng ngành nghề cụ thể. Vì thế, đòi hỏi ở sinh viên một trình độ phát triển tương ứng về nhận thức. Đó là những kỹ năng phân tích và tổng hợp vấn đề, năng lực đánh giá và nhận xét các tình huống, các sự kiện có liên quan đến chuyên ngành của mình. Bên cạnh việc nghiên cứu chuyên sâu một lĩnh vực nào đó, sinh viên cũng phải tìm hiểu thêm những kiến thức chuyên liên ngành, tổng hợp và ứng dụng những tri thức đó vào ngành nghề họ đang học. Nhất là trong thời đại bùng nổ thông tin ngày nay, sinh viên luôn phải nhạy bén, tích cực cập nhật những tin tức mới.

Hoạt động nhận thức của sinh viên phát triển hơn các giai đoạn lứa tuổi trước đó. Hoạt động trí tuệ, tư duy đặc biệt tư duy lý luận rất phát triển bên cạnh sự phát triển các loại hình tư duy khác. Chính điều này mà việc học tập của sinh viên tích cực, chủ động hơn. họ thường suy ngẫm, luôn đặt ra những câu hỏi “tại sao”, nghi ngờ tính

đúng đắn, hợp lý của các lời giải thích, có cái nhìn khách quan, khoa học hơn, không rập khuôn khi nhìn nhận vấn đề, và thường có chính kiến, quan điểm riêng.

Bên cạnh đó, hoạt động học tập của sinh viên còn mang tính độc lập sáng tạo. Vì vậy đòi hỏi sinh viên phải tự đào tạo, tự hoạch định mục tiêu học tập sao cho phù hợp với năng lực của mình và yêu cầu của nhà trường. Họ phải nhạy bén, uyển chuyển trong từng hoàn cảnh, linh hoạt trong việc vận dụng các kiến thức để giải quyết vấn đề trong tình huống mới, sáng tạo trong việc phát hiện vấn đề, xem xét và giải quyết vấn đề dưới những góc độ khoa học khác nhau.

Tóm lại, do tính chất đặc thù của hoạt động học tập trong môi trường đại học, cao đẳng sẽ giúp sinh viên phát triển mạnh về mặt nhận thức và trí tuệ để đáp ứng được yêu cầu học tập. Đây là một ưu điểm lớn để sinh viên trưởng thành hơn khi bước chân vào cuộc sống thực thụ.

b) Động cơ học tập của sinh viên

Một trong những yếu tố tác động và thúc đẩy việc học tập và nghiên cứu của sinh viên đó là động cơ học tập. Động cơ học tập là một trong những lý do khiến sinh viên tham gia vào hoạt động học, là động lực thôi thúc hoạt động học tập của sinh viên.

Động cơ học tập của sinh viên được hình thành và chịu sự chi phối của nhiều loại động cơ. Đó có thể là động cơ có tính nhận thức, động cơ có tính xã hội và thực tế cho thấy động cơ học tập của sinh viên cũng chịu sự chi phối khá mạnh bởi hoạt động và cách thức tổ chức giảng dạy, giáo dục của các thầy cô giáo chủ nhiệm và bộ môn ở trong nhà trường.

c) Đặc điểm đời sống tình cảm và giao tiếp

Tuổi sinh viên là thời kỳ phát triển tích cực những loại tình cảm cao cấp như tình cảm trí tuệ, tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ, tình yêu nam nữ. Những tình cảm này chiếm vị trí quan trọng và có ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động của sinh viên trong mọi lĩnh vực của đời sống.

Các loại tình cảm cao cấp này ngày càng trở nên đậm nét thông qua việc khám phá, tìm tòi và tham gia vào nhiều loại hình hoạt động khác nhau. Đáng kể nhất là hoạt động học tập và các hoạt động xã hội khác.

Khác với những lứa tuổi trước, tình cảm đạo đức ở tuổi sinh viên biểu lộ một cách có chiều sâu rõ rệt. Tình cảm đạo đức là thái độ của con người đối với những yêu cầu đạo đức của xã hội và được bộc lộ khi con người được thỏa mãn hay không thỏa mãn nhu cầu đạo đức. Tình cảm đạo đức của sinh viên mang tính hệ thống và bền vững hơn so với thời kì trước. Sinh viên thường yêu cái đẹp được thể hiện qua những hành vi cử chỉ, việc làm mang giá trị đạo đức nhân văn, thông qua các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo...

Đặc biệt và nổi trội nhất trong thời kỳ này là sự phát triển mạnh mẽ có tính định hướng, khá sâu sắc về tình yêu nam nữ. Thông qua các hoạt động giao lưu, các bạn nam nữ sinh viên có dịp để gặp gỡ, trao đổi, tìm hiểu lẫn nhau. Dần dần tình yêu nam nữ sẽ nảy sinh từ những tình bạn chân thành, đồng cảm và gắn bó. Loại tình cảm này mang một sắc thái mới, cao hơn, chính chắn hơn so với tình cảm thời trung học. Tình yêu nam nữ chiếm một vị trí hết sức quan trọng đối với sinh viên, được thể hiện ở việc chi phối các hoạt động của sinh viên, hướng sinh viên đến một tương lai gần nào đó mà họ đang mong ước. Tình cảm này có tác dụng tích cực trong việc giúp các bạn thỏa mãn được nhu cầu về mặt tin thần, chia sẻ những vui buồn khi xa quê nhớ nhà, cùng nhau gắn bó vượt qua những khó khăn của quãng đời sinh viên. Tuy vậy, tình cảm này có thể gây cho sinh viên cảm giác mâu thuẫn: mâu thuẫn giữa việc dành thời gian học tập và dành thời gian để đi chơi; giữa việc mong muốn tiến xa hơn trong mối quan hệ và điều kiện chưa chín muồi

Hoạt động giao tiếp của sinh viên hướng vào tập thể, cộng đồng, thể hiện nhu cầu thiết lập các mối quan hệ với mọi người nhằm khẳng định mình và tìm kiếm cơ hội phát triển trong học tập và nghề nghiệp. Trong quá trình thiết lập các mối quan hệ xã hội, sinh viên thường tỏ thái độ nhận xét, đánh giá, tán đồng hay phê bình những hành vi, đạo đức lối sống của những người gần gũi xung quanh mình. Điều này thể hiện sinh viên có quan điểm, chính kiến riêng và chính điều này góp phần vào việc tự nhận thức, tự đánh giá, tự giáo dục của sinh viên.

d) Đặc điểm tự đánh giá, tự ý thức, tự giáo dục của sinh viên

Đây là đặc điểm tâm lý quan trọng nhất của sinh viên. Tự ý thức bao gồm tự quan sát, tự phân tích, tự đánh giá, tự kiểm tra...

Tự ý thức là một loại đặc biệt của ý thức trong đời sống cá nhân, có chức năng tự điều chỉnh, nhận thức và thái độ đối với bản thân. Qua quá trình tự ý thức, cá nhân điều chỉnh hành vi và cử chỉ của mình. Đó là điều kiện để phát triển ý thức của mỗi cá nhân, để xây dựng, hoàn thiện bản thân, hoàn thiện thế giới nội tâm của nhân cách. Vì thế hiệu quả giáo dục không chỉ phụ thuộc vào khí chất, tính cách, năng lực, động cơ mà còn phụ thuộc vào đặc điểm tự ý thức của nhân cách theo yêu cầu của xã hội. Tự ý thức của sinh viên được hình thành trong quá trình xã hội hóa và liên hệ chặt chẽ với tính tích cực nhận thức của sinh viên.

Một trong những thành phần có ý nghĩa nhất tạo nên sự phát triển tự ý thức của sinh viên là năng lực tự đánh giá. Tự đánh giá của nhân cách thể hiện ở thái độ đối với bản thân và kết quả sự biểu hiện các thuộc tính nhân cách và năng lực trong hoạt động giao tiếp và tự giáo dục. Tự đánh giá phản ánh năng lực tự hiểu biết, phản ánh kỹ năng tự điều khiển bản thân.

Hoạt động tự nhận thức, tự đánh giá ở lứa tuổi thanh niên, sinh viên phát triển nhanh, mạnh với những biểu hiện phong phú và sâu sắc. Sinh viên – chủ thể của hoạt động tự nhận thức biết thu thập thông tin về mình, biết nhận xét, đánh giá bản thân qua việc trả lời các câu hỏi như tôi là ai?, tôi là người như thế nào? Tôi có những phẩm chất gì? tại sao tôi lại làm như thế?... từ đó có thái độ, hành động phù hợp nhằm tự điều chỉnh, tự giáo dục để hoàn thiện và phát triển bản thân.

1.2.3.2. Khái niệm hành vi văn minh học đường của sinh viên

Hành vi cá nhân là kết quả của sự tác động qua lại của các nhân tố chủ quan của chủ thể và các nhân tố khách quan của môi trường. Hành vi cá nhân luôn chứa đựng sắc thái và tính chất, trình độ phát triển của xã hội.

Chủ thể của hành vi có thể là một cá nhân và có thể là một nhóm xã hội. Hành vi văn minh học đường của sinh viên là hành vi của sinh viên được biểu hiện thông qua hành vi cụ thể, phản ánh nhận thức, thái độ và ý chí của các sinh viên.

Hành vi văn minh học đường của sinh viên là ứng xử mang tính ý thức cao của sinh viên, phù hợp với các giá trị, chuẩn mực của xã hội hiện đại, thể hiện trong học tập, giao tiếp xã hội và phát triển bản thân.

Hành thành hành vi là một quá trình lâu dài và quá trình này chịu sự ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố nhất định, trong đó có các yếu tố chủ quan (bên trong chủ thể như nhận thức, thái độ, đặc điểm tâm lý - xã hội cá nhân,...) và yếu tố khách quan (bên ngoài chủ thể như môi trường, điều kiện sinh hoạt, hoàn cảnh xã hội,...). Như vậy hành vi văn minh học đường nói chung và hành vi văn minh học đường của sinh viên nói riêng được hình thành từ hiệu ứng tích hợp của hành vi cá nhân và từ tác động của các qui định, quy chế ép buộc từ các yếu tố bên ngoài cá nhân. Hành vi văn minh học đường của sinh viên là hành vi văn minh của sinh viên ở nơi trường học.

Vai trò của hành vi văn minh học đường đối với sinh viên:

- *Vai trò định hướng giáo dục:* Hành vi văn minh học đường giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực, giá trị cơ bản trong giao tiếp ứng xử trong môi trường trường học cũng như của cộng đồng, xã hội. Từ đó giúp cho sinh viên có thể lựa chọn những cách ứng xử cho phù hợp.

- *Vai trò điều chỉnh hành vi:* Trong cuộc sống nói chung và nơi môi trường học đường nói riêng luôn có những vấn đề, những mâu thuẫn trong việc học tập cũng như trong các mối quan hệ đa dạng, phức tạp đòi hỏi bản thân mỗi sinh viên phải giải quyết làm sao có thể mang lại hiệu quả cao nhất. Khi ấy, sinh viên sẽ dựa trên những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực của xã hội và của bản thân để có thể lựa chọn, cân nhắc, điều chỉnh hành vi cho phù hợp.

1.2.3.3. Cơ sở xác định các hành vi văn minh học đường của sinh viên

Xuất phát từ quan điểm tiếp cận hoạt động - nhân cách và trên cơ sở các tiêu chí đã trình bày ở trên, có thể xác định và phân loại một số hành vi văn minh học đường của sinh viên theo đối tượng của hoạt động.

Theo quan điểm của tâm lý học hoạt động thì hoạt động là quan hệ, tác động qua lại giữa con người và thế giới, trong đó con người làm biến đổi thế giới, tạo ra sản phẩm có chứa đựng tâm lý – ý thức – tính cách của mình, đồng thời thế giới tác động trở lại làm cho con người có nhận thức mới, năng lực mới. Hay nói khác đi, hoạt động là quá trình xác lập vận hành các mối quan hệ nhất định của con người với thế giới xung quanh và với chính bản thân nhằm đáp ứng nhu cầu của mình. Như vậy trong

cuộc sống con người có rất nhiều hoạt động như hoạt động học tập, hoạt động vui chơi, hoạt động nghiên cứu khoa học...

Đối với sinh viên thì hoạt động học tập là hoạt động chính. “Học theo nghĩa rộng nhất, được hiểu là quá trình cơ bản của sự phát triển nhân cách trong hoạt động của con người, là sự lĩnh hội những “sức mạnh bản chất người” đã được đối tượng hóa trong các sản phẩm của hoạt động con người” [30, tr.96].

Nếu gọi chủ thể của hoạt động học là người học thì đối tượng của hoạt động học hướng tới đó là tri thức. Nhưng tri thức mà sinh viên phải học được lựa chọn từ những khoa học khác nhau, theo những nguyên tắc nhất định, làm thành những môn học tương ứng, và được cụ thể ở những đơn vị cấu thành như: khái niệm, kỹ năng, thái độ... Hoạt động học của sinh viên được biểu hiện bằng những hành vi học cụ thể. Như vậy, hành vi văn minh học đường của sinh viên được thể hiện trong hoạt động của sinh viên tại trường. Có thể xem xét hành vi văn minh học đường trên các lĩnh vực hoạt động sau của sinh viên:

Hành vi văn minh học đường biểu hiện trong học tập: Học tập là hoạt động cơ bản của sinh viên. Là hoạt động mang tính độc lập trí tuệ cao với mục đích tiếp thu tri thức, kỹ năng kỹ xảo, nghề nghiệp, phát triển những phẩm chất nhân cách chuyên gia tương lai. Hành vi văn minh học đường biểu hiện trong học tập của sinh viên là luôn tuân thủ các quy chế, nội qui học tập, thi cử...; tích cực chủ động trong việc học.

Hành vi văn minh học đường biểu hiện trong giao tiếp xã hội: Giao tiếp là một nhu cầu, một hoạt động cơ bản, quan trọng không khác gì hoạt động học tập của sinh viên. Khi xem xét các quan hệ giao tiếp xã hội của sinh viên, cần phải căn cứ vào hệ thống các chuẩn mực, giá trị, khuôn mẫu hành vi mà xã hội yêu cầu. Hành vi văn minh học đường của sinh viên biểu hiện trong quan hệ giao tiếp xã hội là sinh viên luôn ứng xử, đối xử theo các chuẩn mực, giá trị mà cộng đồng, xã hội qui định.

Hành vi văn minh học đường biểu hiện trong phát triển bản thân: Với vai trò xã hội của mình, sinh viên ngày càng hướng các hoạt động của mình vào tập thể, cộng đồng, thể hiện nhu cầu thiết lập mối quan hệ với mọi người nhằm khẳng định giá trị bản thân và tìm kiếm cơ hội phát triển trong học tập và nghề nghiệp. Hành vi văn minh học đường biểu hiện trong mối quan hệ phát triển bản thân của sinh viên là luôn ứng

xử phù hợp với những mong đợi của mọi người xung quanh để có thể khẳng định được giá trị bản thân, ngày càng phát triển và hoàn thiện mình hơn.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận như trên cùng với kết quả của việc thăm dò ý kiến sơ bộ và ý kiến chuyên gia, người nghiên cứu chọn lựa một số hành vi văn minh học đường cơ bản của sinh viên, từ đó tìm kiếm các biện pháp kích thích hình thành thói quen ứng xử tích cực, văn minh nơi trường học và trong sinh hoạt hàng ngày. Những hành vi văn minh học đường của sinh viên được xem xét dưới hình thức là những hành vi tự giác chấp hành các qui định về nếp sống văn minh, đó là những hành vi có tính chất phổ biến và được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Nghiên cứu hành vi văn minh học đường của sinh viên là nghiên cứu những hành vi cá nhân của các chủ thể cụ thể, là những hành động, ứng xử quan sát được của những cá nhân nhất định nơi trường học.

1.2.3.4. Một số hành vi văn minh học đường cụ thể của sinh viên

Sinh viên là người đang tham gia học tập và sinh hoạt tại các trường học, chịu tác động bởi nhiều yếu tố. Ở đây người nghiên cứu lựa chọn nghiên cứu một số hành vi văn minh học đường đặc trưng của sinh viên thể hiện trong quan hệ với việc học tập, người khác và với sự phát triển bản thân. Các mức độ biểu hiện của các hành vi được xác định dựa trên các tiêu chí: mức độ thường xuyên của hành vi, mức độ phù hợp với chuẩn mực văn minh, đó là những hành vi sau đây:

**** Nhóm hành vi văn minh học đường thể hiện trong học tập***

- Đi học đúng giờ

Mỗi tổ chức xã hội đều đề ra những nội qui cho các thành viên thực hiện để có thể duy trì tổ chức của mình. Đặc biệt với môi trường học đường, việc thực hiện những nội qui còn là cách sinh viên tự rèn luyện bản thân để chuẩn bị cho công việc tương lai. Đi học đúng giờ thể hiện ở việc sinh viên luôn tự giác chấp hành các nội qui đến trường đúng thời gian đã quy định.

- Học đủ tiết

Thể hiện ở việc sinh viên luôn tham gia trọn vẹn các tiết học với sự tự giác cao. Việc tham gia đầy đủ các tiết học với thời lượng quy định cho thấy sự chủ động, ý thức trong việc học tập của sinh viên.

- Trung thực trong thi cử

Thi cử được tiến hành để đánh giá kết quả quá trình học tập của sinh viên và qua đó phản ánh nhận thức, thái độ cũng như động cơ của sinh viên với việc học tập. Hành vi này thể hiện ở việc sinh viên luôn ý thức, tự giác thực hiện nghiêm túc trong thi cử, không gian lận,.. qua đó nhận biết đúng khả năng của bản thân và có những điều chỉnh cho phù hợp.

- *Tập trung trong giờ học*

Thể hiện trong việc sinh viên luôn tập trung chú ý trong giờ giảng, thể hiện sự nỗ lực tiếp thu kiến thức cho bản thân và cũng đồng thời thể hiện sự tôn trọng người dạy cũng như những người xung quanh đang tham gia vào hoạt động dạy học.

* ***Nhóm hành vi văn minh học đường thể hiện trong giao tiếp xã hội***

- *Tôn trọng thầy cô, bạn bè...*

Tôn trọng được xem là một tiêu chí quan trọng trong xã hội văn minh hiện đại. Hành vi này thể hiện sự tôn trọng nhân phẩm, giá trị của người khác. Đó là nét đẹp trong hành vi ứng xử của con người với nhau. Mặt khác hành vi này còn thể hiện trong việc tôn trọng ý kiến của người khác. Trong một xã hội hiện đại, trình độ dân trí ngày càng cao, nhu cầu khẳng định cá nhân ngày càng bộc lộ và điều kiện để mọi người bày tỏ ý kiến riêng của mình ngày càng được thuận lợi. Sự khác biệt ý kiến cá nhân là điều bình thường, do vậy, tôn trọng ý kiến của người khác, không áp đặt quan điểm cá nhân mình dù cho mối quan hệ của mình và người khác như thế nào là một biểu hiện văn minh.

- *Giúp đỡ thầy cô, bạn bè... khi cần*

Trợ giúp cho những người khác là một nét văn hóa, là một hành vi thể hiện sự văn minh, đặc biệt đối với thanh niên sinh viên, đây có thể xem là một tiêu chí quan trọng để khẳng định giá trị hiện đại của mình. Khi gặp người nào cần sự trợ giúp, ai đó ra tay giúp đỡ họ sẽ được xã hội đề cao và xem đó là một nghĩa cử cao đẹp, một hành vi văn minh trong một xã hội hiện đại. Ở nông thôn, hàng xóm láng giềng rất gần gũi nhau dù nhà ở của họ không gần sát bên nhau, trong lúc đó, ở thành thị, nhà nhà san sát liền vách với nhau nhưng có khi mọi người chẳng quan tâm đến nhau, lúc gặp khó khăn hoặc hoạn nạn, chẳng có ai giúp đỡ. Do vậy, giúp đỡ người khác khi cần thiết là

một hành vi thể hiện trình độ văn hóa cao, một hành vi văn minh, ở thành thị, đó là một hành vi văn minh đô thị cần được khuyến khích.

- Cảm ơn khi nhận được sự giúp đỡ từ người khác

Nói lời cảm ơn là một hành vi lịch sự thể hiện tính chất văn minh của con người có văn hóa. Khi nhận được sự giúp đỡ hoặc nhận được một tặng phẩm từ người khác, cảm ơn là một ứng xử tối thiểu của mỗi người nhưng không phải ai cũng biết như vậy. Nhiều người nhận sự giúp đỡ như một sự tự nhiên, họ không nghĩ rằng mình sẽ cảm ơn người khác vì sự giúp đỡ đó quá nhỏ bé. Cảm ơn không phải là một ứng xử mang tính mang ơn mà là một ứng xử thể hiện văn hóa, thể hiện thói quen lịch sự của con người hiện đại. Cảm ơn không chỉ bằng lời mà còn có thể biểu hiện bằng một hành động, một ánh mắt hay nụ cười ý nghĩa.

- Xin lỗi khi có lỗi và làm phiền lòng người khác

Khi người ta làm điều gì đó không đúng, gây phiền toái cho người khác, người văn minh và lịch sự sẽ bày tỏ sự hối tiếc hoặc xin lỗi người đó. Tuy vậy, hành vi xin lỗi không phải luôn luôn là hành vi của người có tội lỗi mà chỉ là một hành vi thể hiện sự áy náy hoặc thể hiện thiện chí của mình. Xin lỗi là một ứng xử thể hiện sự cầu thị của con người đáp ứng sự mong đợi của người khác không chỉ là sự cáo lỗi hay sự ăn năn mà là một hành vi thể hiện tính thân thiện giữa người với người trong xã hội văn minh.

- Bỏ rác đúng nơi qui định

Rác thải là vấn đề khá phức tạp trong đời sống của con người nói chung, đặc biệt đối với sinh hoạt tập thể tại các cộng đồng và công sở, trường học. Bỏ rác đúng nơi qui định là hành vi thể hiện sự tự trọng và tôn trọng môi trường, bảo vệ sự trong sạch của môi trường sống, không gây ô nhiễm ảnh hưởng đến người chung quanh. Hành vi bỏ rác vào thùng là sự thể hiện nếp sống văn minh trong xã hội hiện đại.

- Tiết kiệm điện, nước

Tiết kiệm điện, nước là góp phần tiết kiệm năng lượng để tránh ô nhiễm môi trường. Cuộc sống ở những thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh hết sức tất bật, mật độ dân số cao, nhu cầu sử dụng các cơ sở vật chất cao và yêu cầu tiêu tốn điện năng, xả nước cũng rất cao. Để bảo đảm an ninh điện năng và an ninh nguồn nước, bản

thân sinh viên cần ý thức được việc tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt hàng ngày. Tiết kiệm điện, nước là một hành vi văn minh thể hiện ý thức của sinh viên trong cuộc sống hiện đại.

Trong cộng đồng, gia đình và nhà trường, các hành vi văn minh học đường nêu trên được cá nhân thể hiện với sự quan sát của những người chung quanh, có thể được người chung quanh đánh giá, nhận xét theo một tiêu chí nhất định.

*** *Hành vi văn minh học đường thể hiện trong mối quan hệ phát triển bản thân***

- *Trang phục phù hợp*

Nơi học đường, mọi hành vi ứng xử của sinh viên luôn được người chung quanh quan sát chứng kiến, nếu có điều gì đó bất thường, người chung quanh sẽ nhanh chóng phát hiện và đánh giá có thể công khai hoặc thầm kín... nhưng tất cả những ứng xử ấy đều có thể ảnh hưởng đến các mối quan hệ xã hội đang xảy ra. Trong giao tiếp giữa người với người, vẻ ngoài có tầm quan trọng nhất định, đặc biệt là trang phục. Nhìn trang phục của một người, người khác có thể có nhiều thông tin về họ trên các bình diện: văn hóa, khiếu thẩm mỹ, sự tự trọng hoặc tôn trọng người khác.... Trang phục nơi trường học không phải là vấn đề thời trang mà chủ yếu là sự thể hiện phong cách, kiểu dáng có phù hợp với vị trí, công việc và tình huống, sự kiện hay không.

- *Giao tiếp lịch sự*

Giao tiếp là hoạt động đặc thù của con người, chỉ có trong giao tiếp nhiều đặc trưng tâm lý của con người mới được hình thành. Giao tiếp vừa là nguồn gốc để hình thành nhân cách, vừa là kết quả của các quan hệ người, các quan hệ xã hội. Thông qua giao tiếp con người lĩnh hội được các giá trị tinh thần như đạo đức, lương tâm, lòng tự trọng... Hành vi văn minh học đường của sinh viên được thể hiện qua việc giao tiếp ứng xử của sinh viên trên giảng đường. Thông qua đó, mọi người sẽ nhìn nhận đánh giá về trình độ cũng như nhân cách của từng cá nhân. Giao tiếp lịch sự thể hiện ở việc mỗi cá nhân luôn ứng xử theo những chuẩn mực chung do cộng đồng xã hội quy định.

- *Nhường nhịn, xếp hàng khi lên xuống cầu thang*

Trong xã hội hiện đại, đặc biệt ở các đô thị lớn với mật độ dân số đông, thì việc tham gia những nơi công cộng đòi hỏi sự ý thức của từng thanh viên. Nhường nhịn

nhau, hành xử theo những qui tắc chung là thể hiện sự văn minh, là nét đẹp trong giao tiếp ứng xử của con người.

1.2.3.5. Các mặt biểu hiện của hành vi văn minh học đường

a) Nhận thức

Hành vi văn minh học đường là hành vi thể hiện ý chí của cá nhân trong việc bộc lộ giá trị xã hội của chính mình, là những hành động được xã hội mong đợi và phản ánh đặc trưng văn hóa của cộng đồng, mức độ hiểu biết của cá nhân và thể hiện trình độ phát triển về các đặc điểm tâm lý - xã hội của chính cá nhân đó.

Hành vi văn minh học đường của sinh viên là một hành vi có ý thức, do đó để hình thành hành vi văn minh học đường, việc xem xét cấu trúc của hành vi ý thức là điều rất cần thiết dựa trên các đặc điểm tâm lý của sinh viên xuất phát từ mối liên hệ giữa ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi. Hành vi văn minh học đường của sinh viên là một hành vi ý chí, là hành vi mà trong đó chủ thể có ý thức cố gắng đạt những mục đích nhất định.

Tuy vậy, nếu mục đích đó đi ngược lại lợi ích chung của xã hội thì sẽ được cộng đồng xã hội tác động để thay đổi cho phù hợp. Các hành vi ý chí có mối liên hệ hữu cơ với các quá trình tư duy vì điều quan trọng trong các hành vi đó là phải nhận thức được điều kiện và hoàn cảnh nơi chủ thể tiến hành hoạt động. Có thể xác định hành vi ý chí như những hành động được thực hiện tương ứng với tính chất và mức độ nhận thức của con người và các mối liên hệ, quan hệ khách quan tương ứng. Nếu không có tư duy thì không thể có hành vi ý chí tự giác thật sự. Ở một phương diện khác, việc truyền thụ kiến thức từ xã hội đến cá nhân không chỉ đơn giản là sự nhồi nhét những kiến thức vào đầu óc con người. Tiếp thu được tri thức, con người có khả năng chiếm lĩnh được những phương thức hành động mang tính xã hội - lịch sử, như vậy hành động của con người là hành động đã được nhận thức. Đặc trưng cơ bản của chức năng điều chỉnh ở cấp độ ý thức thể hiện ở tính ý chí của nó. Hành vi của con người biểu hiện ra ngoài như là sự biểu hiện của ý chí của người đó.

Mặt khác việc hình thành hành vi văn minh học đường cũng có thể bắt đầu từ việc hình thành những thói quen văn minh chưa được ý thức để dần dần các thói quen

này được “ý thức hóa”, nghĩa là các thói quen trở thành một kiểu ứng xử có ý thức phù hợp với yêu cầu, chuẩn mực của nhà trường cũng như xã hội.

b) Thái độ

Thái độ là bộ phận hợp thành, một thuộc tính trọn vẹn của ý thức, thái độ qui định tính sẵn sàng hành động của con người đối với đối tượng theo một hướng nhất định, thái độ được bộc lộ ra ngoài thông qua các hành vi, cử chỉ, nét mặt, cách thức ứng xử và lời nói của người đó trong những tình huống, điều kiện cụ thể. Có nhiều quan điểm khác nhau nhưng đa phần các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng thái độ là một môi trường hình thành hành vi, định hướng sự quan tâm của chủ thể hành vi. Điều này thể hiện việc con người sẽ lựa chọn một cách thức hành động như thế nào trước các tình huống đa dạng. Thái độ là những đánh giá tốt, xấu, ủng hộ hoặc không ủng hộ, đồng tình hoặc không đồng tình, là những xu hướng tương đối nhất quán của cá nhân có tính chất thuận lợi hay bất lợi về một vấn đề nào đó.

Thái độ của sinh viên khi thực hiện hành vi văn minh học đường là những đánh giá của sinh viên về các giá trị của các hành vi văn minh học đường. Như vậy, cần nhấn mạnh rằng, để hình thành được các hành vi văn minh học đường cho sinh viên cần làm cho họ nhận thức được thế nào là văn minh học đường, vai trò, ý nghĩa của việc thực hiện hành vi văn minh học đường, ủng hộ điều đã nhận thức được, sẵn sàng thực hiện bằng những hành vi cụ thể, những hành vi được lặp lại nhiều lần sẽ trở thành những hành vi ý thức từ nhận thức và thái độ trước đó của họ.

c) Động cơ

Động cơ là động lực gây sức ép lên con người, là lực thúc đẩy con người hành động để thỏa mãn một nhu cầu hay một ước muốn nào đó về tinh thần hay vật chất. Có khá nhiều định nghĩa về động cơ, nhưng có thể hiểu động cơ là tổng hợp các yếu tố thúc đẩy con người hành động như mong muốn, tình cảm, niềm tin, khát vọng, tư duy, thói quen... Động cơ thực hiện hành vi văn minh học đường là động lực bên trong thúc đẩy con người quyết định thực hiện các hành vi phù hợp với các tiêu chí văn minh, phù hợp với các đặc điểm của hành vi văn minh.

Động cơ được hiểu là sức mạnh làm xuất hiện hành động. Để đánh giá đúng bản chất của hành vi của con người, việc biết được nguồn gốc và đặc điểm động cơ trong

hành động của họ là điều rất quan trọng. Trong thực tế, có nhiều người có hành vi giống nhau nhưng với động cơ khác nhau, do đó phương thức hành động sẽ khác nhau và rõ ràng là kết quả sẽ khác nhau.

Ảnh hưởng của cảm xúc đến hành vi được thể hiện rõ nhất trong những trạng thái cảm xúc mang tính cực đoan. Đó là khi con người tức giận, căm thù tột độ, thương tiếc... Khi đó, cảm xúc hoàn toàn lấn át lý trí, các chủ thể khó làm chủ hành vi của mình. Theo K.M Bucov thì “Mặc dù phản ứng xúc cảm không xếp hoàn toàn vào quá trình điều chỉnh thực vật nhưng gắn liền với quá trình trên. Những phản ứng giao cảm và phó giao cảm của hệ thần kinh thực vật tạo nên, trong phức thể, trong hình ghép mảnh bên trong của những phản ứng khác nhau cá biệt, một cơ sở sinh lý của cái mà chúng ta theo thuật ngữ những cảm nghĩ, gọi là tình cảm, xúc cảm, xúc động hay tâm trạng”. Tình cảm báo cho cơ thể biết nó đang ở giai đoạn nào của chu kỳ thỏa mãn nhu cầu... Thế nhưng, cách xử sự của con người theo đó để thỏa mãn nhu cầu của họ, là do xã hội tiêu chuẩn hóa và đòi hỏi phải tập luyện mới có, và bởi vì đối với con người, cái tiêu biểu là phát triển các nhu cầu cấp hai nên những phản ứng của nhu cầu cấp một, theo qui luật đều tham gia vào hệ thống hành vi được xây dựng sau đó, hành vi này là do những chuẩn mực và nhu cầu cấp hai qui định...

Từ những phân tích trên đây cho thấy động cơ thực hiện hành vi văn minh học đường của sinh viên là động lực bên trong thúc đẩy sinh viên quyết định chọn lựa phương án hành động phù hợp với chuẩn mực văn minh nơi giảng đường.

d) Hành động bên ngoài

Khi đã nhận thức rõ vấn đề, nếu các chủ thể có thái độ tích cực, đồng tình hoặc ủng hộ điều mình đã nhận thức và với động cơ mạnh mẽ thì hành vi sẽ nhanh chóng được hình thành. Khác với các phản xạ không điều kiện và các bản năng sống của động vật, các hành vi của con người xuất hiện, phát triển và hoàn thiện trong quá trình sống của mỗi cá nhân và liên quan đến hoạt động xã hội và lao động của chủ thể trong thực tiễn cuộc sống, trong quá trình học tập và làm việc.

Hành vi được biểu hiện qua các hành động bên ngoài được tri giác như những cách thức thích ứng với môi trường trong một tình huống nhất định, được thể hiện qua hàng loạt các thao tác để chủ thể tạo được sự cân bằng với môi trường. Hành động bên

ngoài của chủ thể sẽ bị ảnh hưởng bởi nhận thức của chủ thể về tình huống, về lợi ích của việc giải quyết tình huống với mình, về giá trị của mình, vai trò của mình và về hệ quả của việc giải quyết tình huống. Hành động bên ngoài cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi thái độ của chủ thể với bản thân cũng như với người khác trong tình huống hoặc chính tình huống ấy. Hành động bên ngoài có thể là những hành động theo thói quen được xác lập trong quá trình sinh hoạt và hoạt động của chủ thể và những thói quen này phản ánh các đặc điểm chủ quan của chủ thể. Các hành động bên ngoài có thể mang tính ổn định trên cơ sở nhận thức và thái độ ổn định của chủ thể nhưng cũng có trường hợp sẽ chỉ là những hành vi bất chợt phản ánh giá trị của chủ thể mà thôi.

Căn cứ vào cách thức và phương tiện biểu hiện thì có:

- Hành vi được biểu hiện bằng thao tác, cử động: tức là chủ thể dùng những bộ phận của cơ thể (có thể sử dụng đồ vật) để diễn tả ý tưởng, thái độ: đó có thể là sự múa máy của đôi tay, cái lắc đầu, dậm chân xuống đất.... Người ta gọi đây là ngôn ngữ cơ thể (body language), nghĩa là chủ thể dùng những cử chỉ, điệu bộ để thay cho lời nói.

- Hành vi được biểu hiện bằng ngôn ngữ: chủ thể dùng ngôn ngữ làm phương tiện để tỏ lộ ý kiến của mình cho người khác hiểu, để thiết lập mối quan hệ giữa người và người. Ngôn ngữ ở đây chủ yếu tồn tại ở hai dạng: ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

- Hành vi được biểu lộ bằng sự kết hợp giữa cử chỉ, điệu bộ với lời nói. sự kết hợp này sẽ tăng hiệu quả đối với quá trình trao đổi thông tin vì nó tác động đến nhiều giác quan của người tiếp nhận.

- Hành vi được biểu hiện bằng sự im lặng: không phải chủ thể không có hành vi đáp trả nhưng hành vi đáp trả ở đây là “hành vi im lặng”. Đôi khi hành vi im lặng còn có giá trị biểu cảm tốt hơn bất cứ hành vi nào khác nên mới có câu “im lặng là vàng”.

** Căn cứ tính chất biểu hiện có hành vi công khai và hành vi che giấu.*

- Hành vi công khai: là hành vi được biểu hiện trước mặt mọi người, giữa thanh thiên bạch nhật.

- Hành vi che giấu: là hành vi được biểu hiện một cách lén lút, không cho người khác biết vì thường là những hành vi tiêu cực.

** Căn cứ vào mức độ thì biểu hiện của hành vi có một số mức độ sau:*

- Theo tần số biểu hiện: hành vi đó được lặp lại nhiều lần hay ít, thường xuyên

hay không thường xuyên.

- Theo cường độ biểu hiện: hành vi được biểu hiện mạnh, vừa hay yếu.
- Theo trường độ biểu hiện: hành vi được biểu hiện trong một thời gian dài hay ngắn.

Như vậy, biểu hiện hành vi là sự thể hiện, và phô bày hoạt động ra bên ngoài bằng một cách thức cụ thể, thông qua đó người khác có thể đánh giá về tính chất và mức độ của hành vi. Đây cũng là những cơ sở để chúng tôi tiếp hành soạn phiếu xin ý kiến nhằm tìm hiểu về hành vi văn minh học đường của sinh viên.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi văn minh học đường của sinh viên

Hành vi văn minh học đường của sinh viên sẽ bị chi phối, ảnh hưởng bởi một số yếu tố chủ quan và khách quan. Các yếu tố này có thể có tác động tích cực hoặc tiêu cực đến quá trình hình thành cũng thói quen thực hiện hành vi văn minh học đường của sinh viên.

1.3.1. Các yếu tố chủ quan

a) Nhận thức của sinh viên

Học vấn là thước đo hiểu biết của con người, là phương tiện để con người có thể tiếp thu một cách có chọn lọc, có chủ đích những tác động hoặc các giá trị từ hiện thực khách quan. Người có trình độ học vấn cao là người có hệ thống kiến thức sâu, rộng về những vấn đề xã hội, chính trị... được tích lũy từ quá trình học tập ở các trường phổ thông, chuyên nghiệp và từ kinh nghiệm thực tiễn của cá nhân. Trình độ học vấn cũng như nhận thức của sinh viên là yếu tố bên trong có ảnh hưởng nhất định đến quá trình hình thành hành vi văn minh học đường của sinh viên.

b) Ý thức về giá trị bản thân

Lý luận về tâm lý học đã khẳng định rằng hoạt động của cá nhân giữ vai trò quyết định đối với sự hình thành và phát triển nhân cách. Một cá nhân có sự phát triển về ý thức giá trị bản thân luôn biết lựa chọn những gì là đúng, là phù hợp với bản thân, với xã hội, họ biết định hướng, điều chỉnh bản thân để sống như thế nào cho có ý nghĩa, qua đó họ thấy được giá trị trong mỗi hành vi ứng xử của mình. Ý thức về giá trị bản thân của sinh viên sẽ tác động tích cực hay tiêu cực đến việc họ thực hiện các

hành vi văn minh học đường. hoạt động của sinh viên ngày càng hướng vào tập thể, tham gia nhiều hơn vào các hoạt động cộng đồng, thể hiện nhu cầu thiết lập các mối quan hệ xã hội với mọi người nhằm khẳng định giá trị bản thân. Việc sinh viên tìm thấy giá trị bản thân trong những hành vi ứng xử văn minh nơi học đường sẽ kích thích sinh viên thực hiện các hành vi văn minh một cách tích cực.

1.3.2. Các yếu tố khách quan

a) Môi trường xã hội

Mỗi thanh niên là thành viên của các cộng đồng, tùy thuộc vào tính đặc thù và giá trị của cộng đồng, cá nhân sẽ bị tác động đến việc thể hiện hành vi.

Kurt Lewin (1943) người sáng lập môn Tâm lý học xã hội đã phát triển lý thuyết chuyên môn của mình, thừa nhận rằng con người bị ảnh hưởng bởi môi trường tâm lý của họ. Môi trường tâm lý này bao gồm cả những ảnh hưởng về vật lý và xã hội gây áp lực đối với hành vi con người. Roger Barker và Herbert Wright (1955) đã có nghiên cứu tiếp theo về sự chấp nhận ảnh hưởng của môi trường đối với hành vi. Họ cho rằng “Hành vi của chúng ta bị tác động bởi hoàn cảnh của hành vi đó. Khi mô tả những điều kiện hành vi thì chúng ta phải bao hàm cả những khía cạnh xã hội và vật lý.

Có nhiều yếu tố của môi trường ảnh hưởng tới hành vi văn minh học đường của sinh viên. Yếu tố “tâm lý đám đông” , hiện tượng “lây lan tâm lý” cũng là nguyên nhân làm cho cách hành xử của sinh viên tích cực hay tiêu cực. Khi sống trong một cộng đồng, một nhóm xã hội với những giá trị cụ thể, mỗi người, đặc biệt là sinh viên vốn có nhu cầu xác định cái tôi rất cao sẽ có nhiều cố gắng để tự thể hiện mình, để được người khác đánh giá tốt, để không lạc hậu so với cộng đồng. Do đó trong môi trường cộng đồng, các hành vi ý thức sẽ có nhiều cơ hội hình thành một cách tích cực, các hành vi văn minh học đường cũng sẽ được chú ý và xây dựng trên cơ sở nhận thức vấn đề một cách rõ ràng và có thái độ tích cực tương ứng.

b) Điều kiện, phương tiện vật chất

Các hành vi của con người được hình thành theo cơ chế từ đơn giản đến phức tạp, từ ít đến nhiều, từ thấp đến cao, từ vô thức đến ý thức,... Việc tạo thành các thói quen có ý nghĩa hết sức quan trọng để hình thành những hành vi ý thức. Việc hình

thành các thói quen sẽ được thực hiện tương đối dễ dàng khi có những điều kiện và phương tiện vật chất hỗ trợ phù hợp. Sinh viên sẽ chấp hành các yêu cầu và sẵn sàng bỏ rác vào thùng khi có đủ thùng rác ở nơi cần thiết. Chính các điều kiện, phương tiện phục vụ học tập và sinh hoạt sẽ là cơ sở cần thiết và hữu hiệu để bản thân mỗi sinh viên thể hiện sự hòa nhập của mình và hình thành hành vi văn minh nơi học đường.

c) Nội qui, qui định của nhà trường

Mọi thành viên trong một cộng đồng, một tập thể hay một địa phương đều có khuynh hướng hoạt động và biểu lộ hành vi theo những khuôn mẫu và những yêu cầu nhất định. Hành vi ý chí hay những hành vi tự giác cũng sẽ bắt đầu từ những thói quen, từ sự luyện tập. Các qui tắc ứng xử bắt buộc như nội qui, các quy định của pháp luật hoặc những điều kiện của một tổ chức có tác dụng kiểm soát và thúc đẩy cá nhân thực hiện những hành vi thích hợp theo yêu cầu. Nội qui của nhà trường, lớp học sẽ là những căn cứ, là những chuẩn mực mà cá nhân thành viên phải chấp hành. Nếu các cơ chế hoạt động hợp lý, các quy định rõ ràng, các chính sách thỏa đáng thì các hành vi theo yêu cầu sẽ được thực hiện một cách nhanh chóng và kịp thời. Các tác động quản lý khác như việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc, đánh giá kết quả thi đua, khen thưởng trách phạt tương ứng sẽ là các tác nhân tạo ra kích thích để cá nhân thực hiện hành vi theo yêu cầu của nhà quản lý.

Tiểu kết chương 1

Khái niệm văn minh và văn minh học đường còn còn nhiều cách hiểu khác nhau và còn tương đối mới mẻ ở nước ta, công trình nghiên cứu dưới góc độ tâm lý học chưa được quan tâm.

Hành vi là ứng xử của chủ thể đối với môi trường do ý thức định hướng, điều khiển, điều chỉnh. Hành vi văn minh là sự ứng xử mang tính ý thức cao, phù hợp với các giá trị, chuẩn mực của xã hội hiện đại.

Văn minh học đường là hệ giá trị, chuẩn mực quy định cách giao tiếp ứng xử giữa cán bộ quản lý nhà trường, giảng viên và học sinh sinh viên phù hợp với sự phát triển của xã hội hiện đại. Hành vi văn minh học đường là ứng xử mang tính ý thức cao

của cán bộ quản lý nhà trường, giảng viên và học sinh sinh viên phù hợp với các giá trị, chuẩn mực của xã hội hiện đại.

Hành vi văn minh học đường của sinh viên là ứng xử mang tính ý thức cao của sinh viên, phù hợp với các giá trị, chuẩn mực của xã hội hiện đại, thể hiện trong mối quan hệ học tập, giao tiếp xã hội, phát triển bản thân.

Có 13 hành vi văn minh học đường được thể hiện trong học tập, giao tiếp xã hội và phát triển bản thân được nghiên cứu, phân tích. Hành vi văn minh học đường được biểu hiện trên các mặt nhận thức, thái độ, động cơ và hành động cụ thể bên ngoài.

Hành vi văn minh học đường của sinh viên chịu ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan và khách quan.

Hành vi văn minh học đường được hình thành từ việc sinh viên có nhận thức tốt, đầy đủ về văn minh học đường, có thái độ tích cực, có động cơ, mục tiêu rõ ràng. Tuy nhiên, nếu chỉ chú trọng đến các yếu tố bên trong mà không trang bị cơ sở vật chất phù hợp, không tạo điều kiện thuận lợi thì các hành vi văn minh học đường của sinh viên sẽ khó khả năng thực hiện tốt được.

Chương 2: THỰC TRẠNG BIỂU HIỆN HÀNH VI VĂN MINH HỌC ĐƯỜNG CỦA SINH VIÊN Ở MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Vài nét về khách thể nghiên cứu

a) Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh

Trường Đại học Khoa Học Xã Hội & Nhân Văn Thành phố Hồ Chí Minh có lịch sử gần 60 năm hình thành và phát triển. Sau Hiệp định Genève 1954, trên cơ sở Đại học Văn khoa ở Hà Nội, Trường được tái lập ở Sài Gòn vào tháng 11 năm 1955 với tên gọi là Trường Cao đẳng dự bị Văn khoa Pháp và là trường thành viên của Viện Đại học Quốc gia Việt Nam ở Sài Gòn.

Đến ngày 1-3-1957, Trường được chính thức thành lập với tên gọi Trường Đại học Văn khoa thuộc Viện Đại học Sài Gòn. Từ năm 1976 đến năm 1996. Trường trở thành bộ phận các ngành khoa học xã hội và nhân văn trong Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30-3-1996, Trường mang tên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc hệ thống Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 1233/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Trần Hồng Quân.

Về nhân sự, trường có hơn 890 cán bộ, giảng viên, trong đó hơn 98,4% giảng viên có trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ.

Trường có hai cơ sở đào tạo: Cơ sở chính tại địa chỉ 10-12 Đinh Tiên Hoàng, quận 1. Cơ sở chính gồm văn phòng Ban Giám hiệu, các phòng/ ban, khoa, bộ môn, trung tâm... đào tạo sau đại học, các chương trình dành cho cho học viên người nước ngoài, các chương trình liên kết quốc tế, sinh viên năm thứ tư và sinh viên chương trình đào tạo chất lượng cao. Cơ sở Linh Trung, Thủ Đức đào tạo sinh viên năm thứ nhất, thứ hai và thứ ba.

Hiện nay trường có hơn 22.000 sinh viên các hệ đại học và sau đại học được đào tạo theo 54 chương trình giáo dục thuộc 28 ngành đào tạo bậc đại học, 38 chương trình sau đại học và trên 10 chương trình liên kết với nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu học

tập, nghiên cứu đa dạng của người học, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá của đất nước.

Sinh viên của trường từ khắp mọi miền của đất nước đến học tập và nghiên cứu. Do đặc thù là khối xã hội nhân văn nên sinh viên là nữ giới chiếm đa số.

b) Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật thành phố Hồ Chí Minh

Trường đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển trên cơ sở Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật - thành lập ngày 05.10.1962. Ngày 21.9.1972, Trường được đổi tên thành Trung tâm Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ Thủ Đức và được nâng cấp thành Trường đại học Giáo dục Thủ Đức vào năm 1974.

Ngày 27.10.1976, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định thành lập Trường đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức trên cơ sở Trường đại học Giáo dục Thủ Đức. Năm 1984, Trường đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức hợp nhất với Trường trung học Công nghiệp Thủ Đức và đổi tên thành Trường đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh. Năm 1991, Trường đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh sát nhập thêm Trường Sư phạm Kỹ thuật 5 và phát triển cho đến ngày nay.

Chức năng và nhiệm vụ của trường là: Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên kỹ thuật cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, các trường phổ thông trung học; Đào tạo đội ngũ kỹ sư công nghệ và bồi dưỡng nguồn nhân lực lao động kỹ thuật thích ứng với thị trường lao động; nghiên cứu khoa học và phục vụ sản xuất trên các lĩnh vực giáo dục chuyên nghiệp và khoa học công nghệ; Quan hệ hợp tác với các cơ sở khoa học và đào tạo giáo viên kỹ thuật ở nước ngoài.

Sứ mạng của trường là trường chuyên đào tạo giáo viên kỹ thuật, giáo viên dạy nghề ở bậc đại học và trên đại học cho cả nước, trường đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh có sứ mạng quan trọng trong việc đào tạo và phát triển đội ngũ những người thầy trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hướng tới nền kinh tế tri thức.

Hiện nay, trường có trên 25.000 học sinh, sinh viên với 13 khoa đào tạo ở các trình độ: thạc sĩ, đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật, loại hình đào tạo là chính quy và không chính quy.

Với tính chất đào tạo chủ yếu về các ngành khoa học kỹ thuật nên hàng năm trường thu hút đông đảo sinh viên (trong đó chủ yếu là sinh viên nam) khắp cả nước đến học tập và nghiên cứu.

2.2. Thể thức nghiên cứu

a) Mô tả mẫu nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu tiến hành khảo sát 386 sinh viên hệ đại học tại 2 trường là Đại học Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn, Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật, cụ thể như sau:

Bảng 2.1. Thống kê sinh viên trên toàn mẫu nghiên cứu

Trường		Giới tính		Năm học			Quê quán		
KHXHNV	SPKT	Nam	Nữ	1	2	3	Thành thị	Thị xã	Nông thôn
193	193	174	212	128	131	127	156	102	158
386		386		386			386		

Bảng 2.2. Thống kê sinh viên theo trường học và giới tính

Trường	Giới tính			
	Nam		Nữ	
	Số lượng	Tần suất	Số lượng	Tần suất
KHXHNV	43	24,7%	150	70,8%
SPKT	131	75,3%	62	29,2%
Tổng	174	100,0%	212	100,0%

Bảng 2.3. Bảng thống kê theo trường học và năm học

Trường	Năm học					
	Năm 1		Năm 2		Năm 3	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
KHXHNV	73	57,0	56	42,7	64	50,4
SPKT	55	43,0	75	57,3	63	49,6

Tổng	128	100	131	100	127	100
------	-----	-----	-----	-----	-----	-----

b) Mô tả công cụ nghiên cứu

Dựa trên các nhiệm vụ đã đề ra trong đề cương nghiên cứu, người nghiên cứu đã tiến hành soạn các công cụ khảo sát hành vi văn minh học đường của sinh viên ở hai trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh. Để xây dựng bảng khảo sát chính thức, người nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thử 180 sinh viên của hai trường.

Dựa trên bảng khảo sát thử và những ý kiến thu thập được, người nghiên cứu tiến hành xây dựng bảng khảo sát gồm các phần:

Phần 1: Khảo sát nhận thức của sinh viên về hành vi văn minh học đường thể hiện trong mối quan hệ học tập, giao tiếp xã hội và phát triển bản thân, gồm câu 5, câu 6, câu 7. Điểm số được quy định như sau:

- 5- Rất rõ
- 4- Tương đối rõ
- 3- Bình thường
- 2- Không rõ lắm
- 1- Không biết gì

Phần 2: Khảo sát thái độ của sinh viên về những hành vi văn minh học đường cụ thể. Với điểm số được quy định như sau:

- 5- Rất đồng ý
- 4- Đồng ý
- 3- Phân vân
- 2- Không đồng ý
- 1- Hoàn toàn không đồng ý

Phần ba: Khảo sát động cơ khi sinh viên thực hiện hành vi văn minh học đường. Với 7 động cơ sinh viên sẽ lựa chọn theo thứ tự ưu tiên khi thực hiện hành vi văn minh.

Phần bốn: Người nghiên cứu khảo sát những hành vi văn minh học đường mà sinh viên thực hiện hàng ngày trên giảng đường với thang điểm: 5 – rất thường xuyên, 4- thường xuyên, 3 – thỉnh thoảng, 2 – hiếm khi, 1- không bao giờ và cách ứng xử của sinh viên qua 5 tình huống.

Phần 5: Khảo sát các hành vi tiêu cực của sinh viên trong trường học với 9 hành vi với thang điểm là 5 – rất nhiều, 4 – nhiều, 3 – đôi khi, 2 – hiếm khi, 1 – hoàn toàn không.

Phần 6: Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện hành vi văn minh học đường của sinh viên, bao gồm 14 yếu tố khách quan và chủ quan với 5 mức độ: rất nhiều – nhiều – trung bình - ít – rất ít.

Các chỉ số được sử dụng trong phân tích thống kê gồm:

- + Điểm trung bình cộng (Mean).
- + Độ lệch chuẩn (SD).
- + Tần số, tần suất (Count, %).
- + So sánh trung bình (Compare mean): T –test, Anova.

Để tính chênh lệch giữa các mức độ của thang đo, người nghiên cứu thực hiện theo cách thức sau:

Lấy điểm cao nhất của thang đo (5 điểm) trừ đi điểm thấp nhất (1 điểm) và chia cho 5 mức. Điểm chênh lệch của mỗi mức độ là 0,8. Mức độ của các thang đo như sau:

+ Điểm trung bình <1,8: Nhận thức không biết gì, thái độ hoàn toàn không đồng ý, biểu hiện hành vi không bao giờ, ảnh hưởng rất ít....

+ Điểm trung bình từ 1,8 đến 2,6: Nhận thức không rõ lắm, thái độ không đồng ý, biểu hiện hành vi hiếm khi, ảnh hưởng ít....

+ Điểm trung bình từ 2,6 đến 3,4: Nhận thức bình thường, thái độ phân vân, biểu hiện hành vi thỉnh thoảng, ảnh hưởng bình thường....

+ Điểm trung bình từ 3,4 đến 4,2: Nhận thức tương đối rõ, thái độ đồng ý, biểu hiện hành vi thường xuyên, ảnh hưởng nhiều....

+ Điểm trung bình từ 4,2 đến 5: Nhận thức rất rõ, thái độ rất đồng ý, biểu hiện hành vi rất thường xuyên, ảnh hưởng rất nhiều....

2.3. Kết quả nghiên cứu thực trạng hành vi văn minh học đường của sinh viên một số trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3.1. Nhận thức của sinh viên về hành vi văn minh học đường

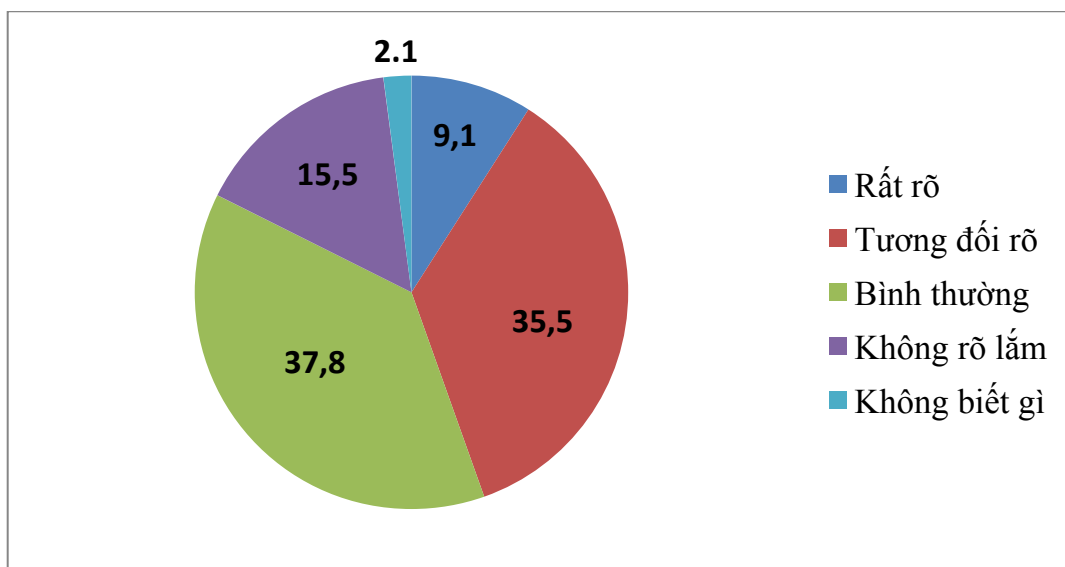
a) Nhận thức chung của sinh viên về hành vi văn minh học đường

Bảng 2.4. Nhận thức chung của sinh viên về hành vi văn minh học đường

Mức độ nhận thức	Tần số	%
Rất rõ	35	9,1
Tương đối rõ	137	35,5
Bình thường	146	37,8
Không rõ lắm	60	15,5
Không biết gì	8	2,1
Tổng	386	100
TB	2,66	

Từ kết quả khảo sát ở bảng 2.4 và biểu đồ 1, người nghiên cứu đưa ra một số nhận xét sau:

Nhận thức chung của sinh viên về hành vi văn minh học đường ở mức trung bình (TB = 2,66). Nhận thức của sinh viên về hành vi văn minh học đường tập trung chủ yếu ở mức bình thường (37,8%) và mức tương đối rõ (35,5%), còn ở mức rất rõ chỉ chiếm 9,1 %. Có tới 60/360 (chiếm 15,5%) sinh viên không rõ lắm về hành vi văn minh học đường. Lý giải về kết quả trên, người nghiên cứu cho rằng một phần do khái niệm văn minh học đường hay hành vi văn minh học đường còn khá xa lạ và mới mẻ với nhiều sinh viên, đặc biệt với sinh viên năm nhất.



Biểu đồ 1. Nhận thức chung về hành vi văn minh học đường của sinh viên (%)

Sinh viên chưa quan tâm hoặc chưa hiểu biết rõ về văn hóa hay văn minh học đường. Khi chúng tôi tiến hành phỏng vấn sâu hiểu biết của sinh viên về quy định thực hiện nếp sống văn hóa học đường trong nhà trường thì nhiều bạn tỏ ra lúng túng, không nắm rõ nội dung quy định trong đó. Điều này cho thấy sinh viên còn hời hợt, chưa thực sự nắm rõ các qui định của nhà trường về việc thực hiện nề nếp văn hóa, văn minh trong trường học. Bạn H.T sinh viên năm hai, Đại học Khoa Học Xã Hội & Nhân Văn nói em có biết những quy định đó trong cuốn sổ tay sinh viên nhưng em chưa từng đọc và không nắm rõ trong đó đề cập đến những gì. Bạn K.V, sinh viên năm nhất Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật cho biết em không để ý đến những quy định đó, em chỉ biết đến học rồi về thôi.

Khảo sát về nguồn thông tin tìm hiểu về hành vi văn minh học đường, kết quả như sau:

Bảng 2.5. Nguồn tìm hiểu về văn minh học đường

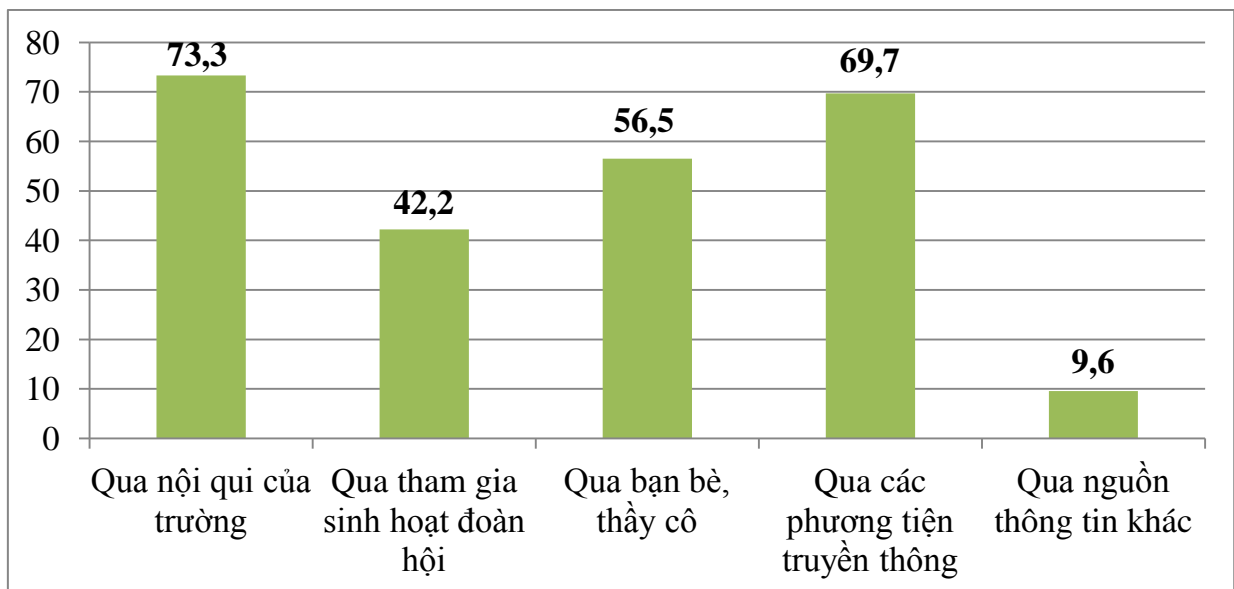
Nguồn thông tin	Tần số	%	Xếp hạng
Qua nội qui của trường	283	73,3	1
Qua tham gia sinh hoạt Đoàn Hội	163	42,2	4
Qua bạn bè, thầy cô	218	56,5	3
Qua các phương tiện truyền thông	269	69,7	2
Qua nguồn thông tin khác	37	9,6	5
Tổng	386	251,3	

Qua bảng số liệu và biểu đồ cho thấy, nội qui của trường là kênh thông tin được sinh viên tìm hiểu nhiều nhất (73,3%). Điều này cho thấy đây là kênh thông tin chính thức và có vai trò quan trọng trong việc tác động đến nhận thức của sinh viên về hành vi văn minh học đường. Tuy nhiên như trên đã phân tích, sinh viên vẫn chưa thực sự quan tâm nhiều và nhận thức chưa sâu sắc về nội dung của những quy định đó.

Truyền thông là kênh thông tin thứ hai mà sinh viên tìm hiểu (chiếm 69,7%). Chúng tôi phỏng vấn nhóm sinh viên đại học Sư Phạm Kỹ Thuật thì đều được các bạn

cho biết, chúng em thường đọc báo, xem truyền hình có những bài viết, bài phân tích về văn minh học đường, qua đó cũng giúp chúng em hiểu rất nhiều.

Ngoài nội qui nhà trường, kênh truyền thông thì thầy cô, bạn bè là những người có mối liên hệ trực tiếp tới sinh viên, vì vậy mà có tác động rất lớn đến nhận thức của sinh viên về hành vi văn minh học đường. Nhiều nghiên cứu về tâm lý học cho thấy, hành vi ứng xử của người giảng viên nơi giảng đường có ảnh hưởng rất lớn đến người học. Người giảng viên vừa tham gia giáo dục trực tiếp, vừa là hình mẫu đối với người học, vì vậy việc giảng viên thực hiện hành vi văn minh có vai trò quan trọng thúc đẩy sinh viên thực hiện theo.



Biểu đồ 2, Nguồn tìm hiểu về văn minh học đường (%)

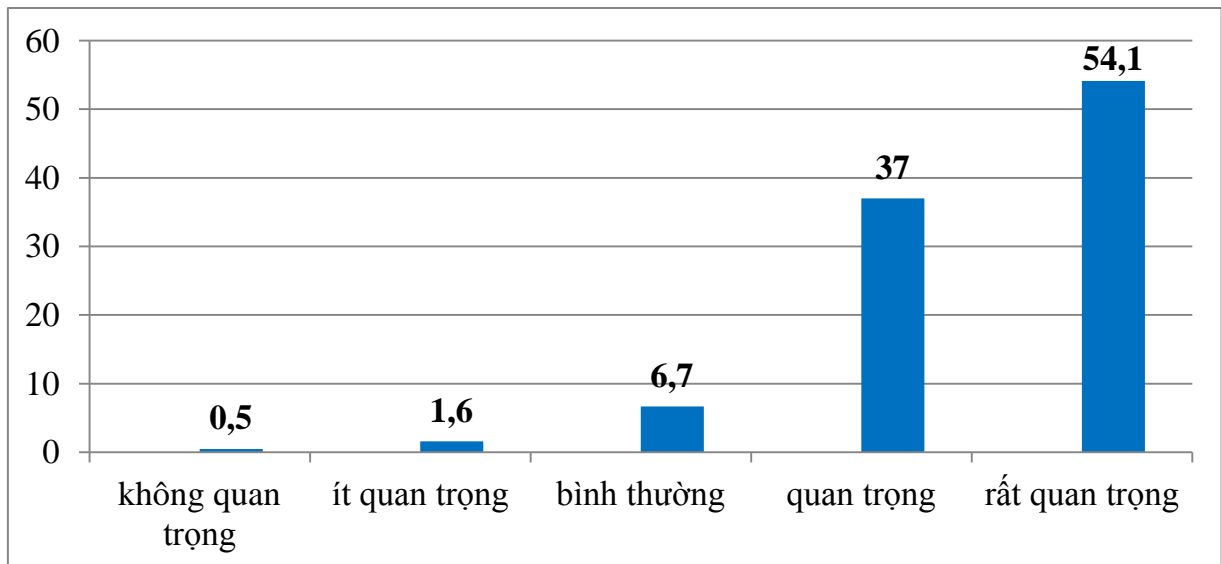
Chỉ có 163/386 phiếu khảo sát tìm hiểu văn minh học đường qua sinh hoạt Đoàn Hội. Điều này phản ánh một thực tế hoạt động của Đoàn Hội thanh niên ở các nhà trường hiện nay chưa thực sự thu hút sinh viên tham gia. Cần phát huy hơn nữa vai trò của hoạt động đoàn hội trong việc giáo dục hành vi văn minh học đường cho sinh viên.

Khi tìm hiểu đánh giá của sinh viên về vai trò của văn minh học đường, thì chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 2.6. Vai trò của văn minh học đường đối với sinh viên (%)

Vai trò của văn minh học đường	Tần số	Tần suất (%)	TB	SD
Không quan trọng	2	0,5	4,43	0,73
Ít quan trọng	6	1,6		
Bình thường	26	6,7		
Quan trọng	143	37,0		
Rất quan trọng	209	54,1		
Tổng	386	100,0		

Nhìn chung sinh viên đánh giá cao vai trò của hành vi văn minh học đường. 209/386 mẫu nghiên cứu (chiếm 54,1%) cho rằng hành vi văn minh học đường có vai trò “rất quan trọng” đối với sinh viên và 143/209 (chiếm 37%) cho là quan trọng, chỉ có 2 mẫu (chiếm 0,5%) được khảo sát cho là không quan trọng.



Biểu đồ 3. Vai trò của văn minh học đường đối với sinh viên (%)

Vậy có thể kết luận, đa số sinh viên đều nhận thức được tầm quan trọng của hành vi văn minh học đường với bản thân và nơi trường học. Nhiều bạn sinh viên cho biết, việc thực hiện hành vi văn minh học đường sẽ thể hiện đường giá trị bản thân, được

bạn bè, thầy cô và người khác tôn trọng và yêu mến. Việc phần lớn sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của hành vi văn minh học đường đối với bản thân cũng như nơi học đường cho thấy.

Việc đa số sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của hành vi văn minh học đường đối với bản thân và nơi trường học sẽ làm cho sinh viên ý thức, tự giác hơn trong việc biểu hiện các hành vi văn minh, phù hợp nơi giảng đường, qua đó góp phần vào việc xây dựng một môi trường học đường văn minh, thân thiện, lành mạnh, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cho người học.

c) Nhận thức của sinh viên về HVVMHD trong học tập

Hành vi	Nhận thức (%)					Trung bình	Xếp hạng
	5	4	3	2	1		
Đi học đúng giờ	44,6	39,1	14,8	1,6	0,0	4,27	2
Học đủ tiết	45,3	32,9	19,4	1,3	1,0	4,20	3
Tập trung trong giờ học	31,6	39,6	25,1	3,1	0,5	3,99	4
Trung thực trong thi cử	59,3	26,4	10,9	3,1	0,3	4,41	1
Trung bình chung	4,21						

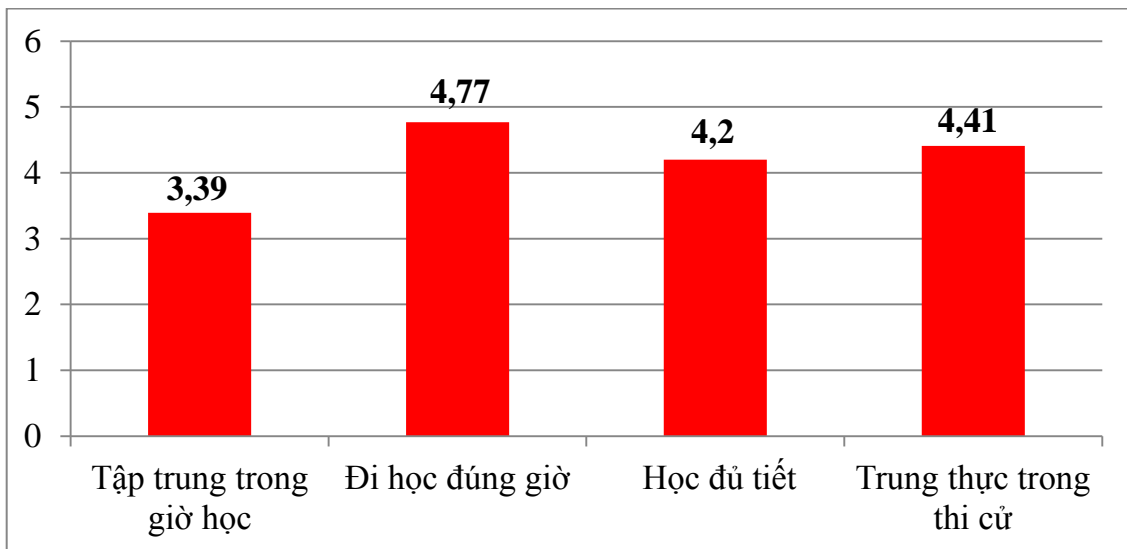
Bảng 2.7. Nhận thức của sinh viên về HVVMHD trong học tập

5 – rất rõ, 4 – tương đối rõ, 3 – bình thường,

2 – không rõ lắm, 1- không biết gì

Dựa số liệu bảng 2.5 và biểu đồ 2 cho thấy nhận thức của sinh viên về hành vi văn minh học đường thể hiện trong mối quan hệ học tập ở mức rất đầy đủ. Tính theo kết quả trung bình chung là 4,21 thiên ở mức “rất rõ”. Điều này có thể kết luận, sinh viên có nhận thức rõ về các hành vi văn minh học đường trong quan hệ học tập. Trong bốn hành vi văn minh học đường biểu hiện trong mối quan hệ học tập thì có hai hành vi “trung thực trong thi cử” và “đi học đúng giờ” được sinh viên nhận thức ở mức “rất rõ” (TB >4,20) và hai hành vi “học đủ tiết” và “tập trung trong giờ học” nằm ở mức “tương đối rõ”.

Xếp ở mức cao nhất trong nhóm này hành vi là hành vi “trung thực thi cử” (TB =4,41), nằm ở mức “rất rõ”. Đây là một trong những biểu hiện tích cực của việc thực hiện những qui chế của ngành giáo dục về thi cử. Trong những năm gần đây những vấn đề tiêu cực, gian lận, thị hộ... trong thi cử được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm. Nhiều vụ việc tiêu cực đã được phanh phui. Sở dĩ hành vi chấp hành qui chế thi cử xếp ở mức cao nhất là do đây là qui chế bắt buộc và sinh viên phải thực hiện thường xuyên ở những lớp dưới qua những kì kiểm tra, thi cử.



Biểu đồ 4. Nhận thức của sinh viên về HVVMHD trong học tập

Hành vi “Đi học đúng giờ” được sinh viên đánh giá ở vị trí thứ hai. Vào các buổi sinh hoạt đầu năm, sinh viên đều được nhà trường phổ biến các quy chế, nội qui trong quá trình học tại trường. Nhưng có một nghịch lý, đó là các quy định về thời gian vào học hầu hết được sinh viên nhận thức rõ nhưng việc thực hiện những quy định đó của sinh viên thì ngược lại.

Xếp cuối cùng là hành vi “Học đủ tiết” và “tập trung trong giờ học” (TB = 4,20 và TB = 3,99). Đây cũng là những hành vi biểu hiện của việc chấp hành nội qui chung của nhà trường và ý thức tự giác học tập cũng như tôn trọng người khác của sinh viên. Hầu hết sinh viên có nhận thức rõ về những qui định này nhưng trong thực tế việc chấp hành những qui định này vẫn chưa được sinh viên tự giác thực hiện. Tình trạng sinh viên đi trễ, bỏ tiết, nghỉ học diễn ra rất thường xuyên và phổ biến. Điều này diễn ra hầu hết trong các lớp học, đặc biệt khối các lớp khoa học xã hội. Khi tiến hành quan

sát, người nghiên cứu cũng nhận thấy tình trạng trên. Điều này một phần xuất phát từ ý thức tự giác của sinh viên, một phần do phương pháp giảng dạy chưa thu hút người học và một phần do công tác quản lý của nhà trường còn nhiều bất cập và chưa thực sự quan tâm. Ở bậc đại học hoạt động học tập rất khác so với các bậc học dưới ở việc thường đề cao ý thức tự giác học tập, tự học, tự nghiên cứu của người học, chính vì vậy trong cách tổ chức, quản lý việc học tập của người học có khác với những bậc học dưới. Mặt trái của nó là dẫn đến tình trạng nhiều sinh viên không còn chấp hành theo những nội qui của nhà trường, thường xuyên đi học trễ, bỏ tiết, cúp học. Điều này cho thấy còn một bộ phận không nhỏ sinh viên nhận thức về việc học tập vẫn chưa nghiêm túc, rõ ràng và tự giác.

Riêng nhóm hành vi liên quan đến việc học tập đang có nhiều sự thay đổi trong quan điểm của sinh viên. Nhiều bạn sinh viên chia sẻ “đa phần đến tuổi này, tụi em đã trưởng thành nên có thể tự mình biết được những gì cần thiết cho bản thân và tự chịu trách nhiệm về những quyết định đó”. “Tập trung trong giờ học” vừa thể hiện ở việc sinh viên chủ động, cố gắng nỗ lực trong việc tiếp nhận kiến thức, qua đó phản ánh mục đích và động cơ học tập của từng người, mặt khác việc tập trung còn thể hiện sự tôn trọng người dạy và không làm ảnh hưởng đến việc học tập của bạn bè xung quanh. Nhưng tình trạng này vẫn còn nhiều sinh viên chưa ý thức tốt. Tình trạng ồn ào, làm việc, nói chuyện riêng trong các lớp học diễn ra khá phổ biến. Vấn đề đặt ra là tại sao hầu hết sinh viên nhận thức rõ về những hành vi văn minh nhưng trong thực tế lại phản ánh ngược lại. Có rất nhiều nguyên nhân nhưng theo các bạn vẫn là một phần là do có một bộ phận nhỏ sinh viên chưa thực sự ý thức việc học tập của mình, một phần là do phương pháp dạy của giảng viên không có hấp dẫn người học. Có bạn thậm chí còn khẳng định những gì thầy dạy em biết hết rồi, chán quá ngồi chẳng biết làm gì nên em ngồi chơi game hoặc kiểm máy đưa bạn ngồi tám chuyện.

Nhưng nhiều bạn sinh viên lại có cách nhìn khác, khi cho rằng những bạn đó có quan điểm hơi ích kỉ, chỉ nghĩ đến bản thân. Theo bạn, không ai là biết tất cả, thầy giáo cũng thế. Những gì thầy giáo dạy có thể bạn ấy biết nhưng còn nhiều bạn khác chưa biết cho nên nếu các bạn ấy biết rồi thì có thể ngồi yên hoặc đi ra ngoài chứ ngồi đó nói chuyện, ảnh hưởng đến các bạn khác là hành vi ích kỉ, không tôn trọng người khác.

Cùng với quan điểm này khi người nghiên cứu phỏng vấn sâu một số giảng viên trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thì đều đồng ý rằng: Với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, trình độ hiểu biết của sinh viên ngày càng cao và rộng, xã hội ngày càng đề cao cá nhân, sự khẳng định bản thân nên điều này dẫn đến hiện tượng một bộ phận sinh viên đề cao quá mức sự hiểu biết của bản thân, xem mình là trung tâm, biết tất cả cho nên có thái độ không tôn trọng người khác. Mặt khác, xã hội ngày nay tập trung vào dạy kiến thức hơn là các giá trị đạo đức nhân văn, dẫn đến nhiều bạn trẻ đang lúng túng trong cách lựa chọn và nhiều lúc ứng xử không được phù hợp trong môi trường mình đang sống.

Nhận thức của sinh viên về HVVMHĐ trong giao tiếp xã hội

Bảng 2.8. Nhận thức của sinh viên về HVVMHĐ trong giao tiếp xã hội

Hành vi	Nhận thức					Trung bình	Xếp hạng
	5	4	3	2	1		
Tôn trọng thầy cô, bạn bè...	66,8	24,9	6,5	1,0	0,8	4,56	1
Giúp đỡ khi thầy cô, bạn bè... cần	53,6	34,7	9,8	1,6	0,3	4,40	5
“Cám ơn” khi nhận được giúp đỡ	65,5	25,9	6,2	1,8	0,5	4,54	2
“Xin lỗi” khi có lỗi hoặc làm phiền	62,2	25,9	9,8	2,1	0,0	4,48	3
Bỏ rác đúng nơi quy định	57,5	30,1	9,3	2,3	0,8	4,41	4
Tiết kiệm điện nước	48,7	34,5	14,2	2,3	0,3	4,19	6
Trung bình chung	4,43						

5 – rất rõ, 4 – tương đối rõ, 3 – bình thường,

2 – không rõ lắm, 1- không biết gì

So sánh trung bình chung giữa ba nhóm thì đây là nhóm hành vi được sinh viên nhận thức cao nhất: TB chung là 4,43 so với TB chung là 4,21 và 4,27, nhất là những hành vi liên quan đến những giá trị truyền thống của dân tộc,

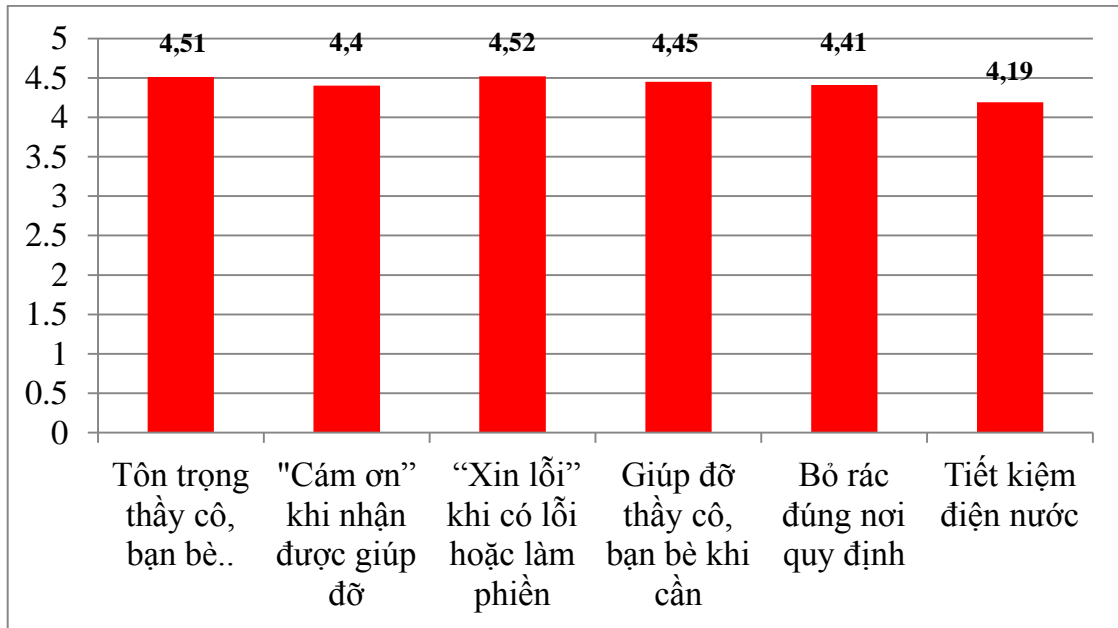
Xếp thứ nhất là hành vi “tôn trọng thầy cô, bạn bè...” (TB=4,56), đặc biệt là đối với thầy cô. Đã có nhiều ý kiến cho rằng, người học nói chung hay sinh viên nói

riêng ngày nay thiếu tôn trọng người khác, đặc biệt với thầy cô, người dạy dỗ mình. Hiện tượng có những học sinh sinh viên cãi nhau, chửi bới, xúc phạm, thậm chí là đánh thầy cô giáo.

Tuy nhiên khi chúng tôi tiến hành phỏng vấn sinh viên thì phần lớn không đồng tình với những nhận định trên. Các bạn cho biết tại em đồng ý rằng có thực trạng trò đánh thầy và truyền thống “tôn sư trọng đạo” không còn như ngày xưa nhưng đó chỉ là thiểu số, “con sâu làm giàu nồi canh” và chủ yếu xuất hiện ở những cấp học dưới do tâm lý phát triển không có ổn định, chứ trên đại học em thấy hiện tượng này hiếm. Bạn H. sinh viên năm ba, Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật lại có cách nhìn khá sâu sắc. Theo bạn, trong giới trẻ hiện đại nói chung và sinh viên nói riêng đang có sự thay đổi trong quan niệm về các giá trị, đặc biệt những giá trị truyền thống. Đó là sự thay đổi tất yếu khi xã hội phát triển và người trẻ là lớp người nhạy cảm với những điều đó nhất. Theo bạn T, sinh viên khoa Báo chí, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn chia sẻ rằng: “Ngày xưa tôn trọng thầy cô là phải răm rắp nghe theo những lời thầy cô nói, không được tranh luận, phản bác, cãi lại dù điều đó có đúng hay sai nhưng bây giờ em nghĩ khác, trong một vấn đề nếu có sự khác nhau trong cách hiểu thì nên tranh luận, trao đổi nhưng vẫn thể hiện sự tôn trọng thầy cô, không nên có những thái độ khinh thường dù đó là bất cứ ai, làm như vậy mình vừa nói lên chính kiến suy nghĩ của mình, vừa vẫn tôn trọng thầy cô và người khác”.

Qua đây có thể cho thấy, đang có sự thay đổi trong cách hiểu và diễn giải về các giá trị truyền thống theo hướng tích cực, đề cao sự hiểu biết của cá nhân trong sinh viên thanh niên.

Các nhóm hành vi truyền thống, thể hiện nét đẹp trong giao tiếp ứng xử, tương thân tương ái.... tiếp tục được sinh viên đánh giá cao. Đây là những hành vi, giá trị rất quen thuộc với từng sinh viên, được giáo dục từ khi còn nhỏ trong gia đình, nhà trường và xã hội nên hiển nhiên được sinh viên nhận thức rõ và đánh giá cao. Phần đa các bạn sinh viên đều cho rằng những hành vi này luôn luôn có ý nghĩa và cần được nhận thức và thực hiện thường xuyên. Đó là những hành vi rất nhân bản và thể hiện được giá trị con người.



Biểu đồ 5. Nhận thức của sinh viên về HVVMHD trong giao tiếp xã hội

Hành vi “Bỏ rác đúng nơi quy định” cũng được sinh viên quan tâm (TB = 4,41). Rác thải là một vấn đề phức tạp và ngày càng được xã hội quan tâm, đặc biệt ở các đô thị lớn. Bạn L. sinh viên Khoa Giáo dục học, trường đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn chia sẻ: “Em ở vùng nông thôn nên môi trường rất trong lành, vấn đề rác thải, ô nhiễm môi trường thì hầu như rất ít nhưng khi vào thành phố học thì quả là một vấn đề lớn. Môi trường ở đây rất ngọt ngào và ô nhiễm mà rác thải là một trong những nguyên nhân. Qua báo chí truyền thông nên em hiểu được tầm quan trọng cần phải giữ gìn môi trường trong sạch”. Hầu hết các bạn sinh viên khi chúng tôi phỏng vấn đều cho rằng một môi trường văn minh không thể có đầy rác. Bỏ rác đúng nơi quy định là hành vi ý thức, thể hiện là người biết quan tâm đến lợi ích chung. Ngày nay sinh viên đã hiểu và ý thức tốt về những tác hại của việc gây ô nhiễm môi trường.

Khi tiến hành quan sát tại trường thì thực tế cho thấy, nhiều bạn sinh viên vẫn chưa có ý thức và thói quen bỏ rác vào thùng. Nhiều bạn sử dụng đồ ăn uống xong để tại chỗ. Điều này cho thấy, còn một bộ phận không nhỏ sinh viên chưa thực sự quan tâm, có ý thức tự giác thực hiện hành vi này. Thực trạng này cũng được các công nhân lao công phản ánh khi chúng tôi tiến hành phỏng vấn. Sau khi học xong, rác trong các ngăn bàn, hành lang vẫn còn khá nhiều và nhiều khu vực trong trường có để sẵn các thùng đựng rác nhưng vẫn chưa giải quyết được thực trạng trên.

Hành vi “tiết kiệm điện nước” được sinh viên xếp cũng được sinh viên quan tâm. Một biểu hiện ý thức tập thể, cộng đồng nơi mình đang sống. Nhiều bạn chia sẻ, do thói quen sinh hoạt trong gia đình ở vùng quê, vấn đề sử dụng nước uống không phải quá quan tâm nhưng từ khi lên thành phố học thì việc sử dụng tiết kiệm điện nước rất quan trọng, lúc đầu do chưa quen nhưng giờ em đã hiểu và ý thức trong việc tiết kiệm điện nước khi sử dụng và bạn cũng cho biết còn nhiều sinh viên chưa ý thức được hành vi này, khi lấy nước uống xong không thêm khóa nước lại, nhiều bạn còn lấy nước uống để rửa tay.

Ở một số trường đã trang bị các máy lọc nước uống miễn phí cho sinh viên để phục vụ việc học tập và sinh hoạt của sinh viên tại trường. Đa số sinh viên đã nhận thức được tầm quan trọng của việc tiết kiệm điện nước. Việc mỗi sinh viên ý thức trong việc tiết kiệm điện nước khi không sử dụng sẽ làm giảm lãng phí cho nhà trường và từ đó nâng cao trách nhiệm của mỗi sinh viên trong việc tạo nên một môi trường văn minh và hiệu quả.

Nhìn chung nhóm hành vi thể hiện trong giao tiếp xã hội đều được sinh viên nhận thức ở mức cao. Qua đó cho thấy, sinh viên đã nhận thức được tầm quan trọng của những hành vi ứng xử phù hợp trong môi trường học đường. Việc nhận thức được giá trị của các hành vi thì sẽ giúp sinh viên biểu hiện hành vi sao cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

e) Nhận thức của sinh viên về HVVMHD trong phát triển bản thân

Bảng 2.9. Nhận thức của sinh viên về HVVMHD trong phát triển bản thân

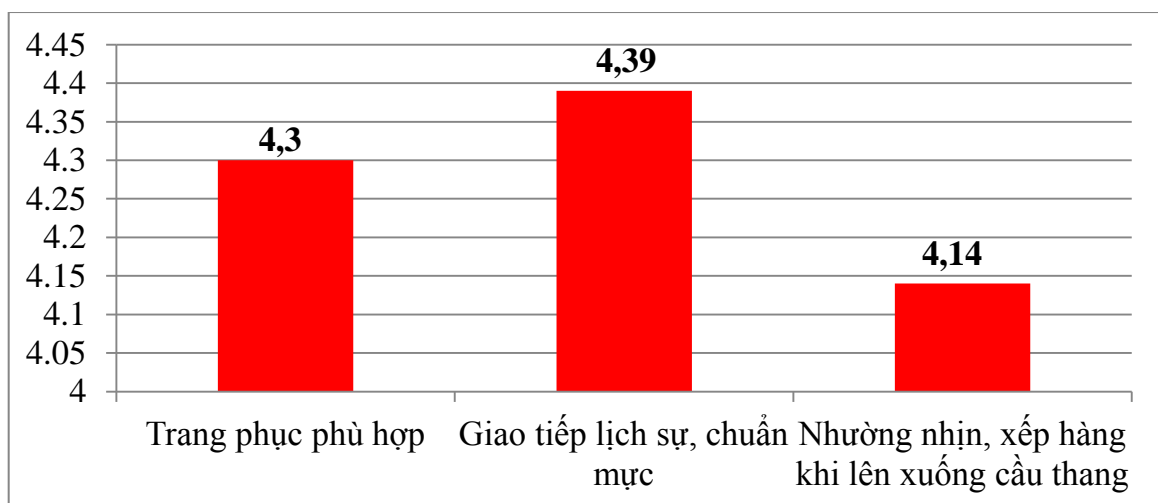
Hành vi	Nhận thức (%)					Trung bình	Xếp hạng
	5	4	3	2	1		
Trang phục phù hợp	49,7	34,2	13,5	1,8	0,8	4,30	2
Giao tiếp lịch sự	50,8	38,1	10,4	0,5	0,3	4,39	1
Nhường nhịn, xếp hàng khi lên xuống cầu thang	39,4	37,6	20,7	2,1	0,3	4,14	3
Trung bình chung	4,27						

5 – rất rõ, 4 – tương đối rõ, 3 – bình thường,

2 – không rõ lắm, 1- không biết gì

Nhận thức của sinh viên trong nhóm hành vi liên quan đến phát triển bản thân ở mức đầy đủ (TB= 4,27), thiên ở mức “rất rõ”.

Hành vi “giao tiếp lịch sự” và “trang phục phù hợp” xếp ở vị trí thứ nhất và thứ hai (TB=4,39 và 4,3). Đây là hành vi liên quan đến giá trị bản thân. Sinh viên là lứa tuổi đang có sự phát triển chín muồi về cơ thể, tâm lý và đặc biệt là xã hội sau giai đoạn biến động ở tuổi thiếu niên. Với các quyền công dân đầy đủ và những thay đổi trong hoạt động học tập nghề nghiệp cũng như hoạt động giao tiếp xã hội, sinh viên dần tham gia nhiều hơn vào các hoạt động xã hội để khẳng định giá trị bản thân và vị trí của mình. Cho nên mọi hành vi của sinh viên đều được mọi người nhìn nhận xem xét và những đánh giá. Những hành vi liên quan đến giá trị, ứng xử của bản thân đều được sinh viên quan tâm và đánh giá cao. Ngồi cùng trao đổi và phỏng vấn các nhóm sinh viên chúng tôi nhận thấy, hầu hết các bạn đều muốn mình trong giao tiếp ứng xử được mọi người khen ngợi, thừa nhận, đánh giá cao. Và các bạn đều công nhận rằng việc giao tiếp nói năng thô lỗ, tục tũn,... làm giảm giá trị bản thân mình và bạn bè xung quanh xa lánh và không xứng đáng với vị trí là người đang được giáo dục. Hầu hết các bạn cũng đều nhận thức rằng mình là sinh viên là người có ăn học, có trình độ thì cũng phải thể hiện sao cho đúng với vị trí, tư cách của mình để không bị chê trách khinh thường là người không có trình độ. Như vậy có thể thấy, trình độ học vấn của sinh viên là một trong các yếu tố tác động đến việc thúc đẩy sinh viên thực hiện các hành vi văn minh học đường.



Biểu đồ 6. Nhận thức của sinh viên về HVVMHĐ trong phát triển bản thân

Hành vi “trang phục phù hợp” được sinh viên đánh giá cao nhưng đây là hành vi đang có nhiều thay đổi và cũng có nhiều quan niệm khác nhau. Xã hội càng phát triển thì con người sẽ càng quan tâm đến nhu cầu làm đẹp, trong đó trang phục là một trong những nhu cầu đó. Qua trang phục người khác sẽ có những đánh giá, nhìn nhận ban đầu về nhân cách của họ. Hầu hết sinh viên nhận thức được rằng cần phải ăn mặc sao cho vừa phù hợp với môi trường mình đang sống, vừa thể hiện được vẻ đẹp của bản thân. Nhưng khi được hỏi, ăn mặc phù hợp là như thế nào thì nhiều bạn lại tỏ ra lúng túng. Một bạn sinh viên năm nhất cho rằng “thì người ta mặc sao mình mặc vậy”, bạn khác lại cho rằng “mặc sao miễn là mình thấy đẹp là được”.

Dù thế nào cũng phải thừa nhận một thực tế rằng, xu hướng ăn mặc trong giới trẻ nói chung và sinh viên nói riêng đang có sự thay đổi theo phong cách hiện đại, lai nhập những cách ăn mặc của các nước khác khi đất nước ta ngày càng hội nhập và phát triển. Vì vậy sẽ có sự thay đổi về quan điểm, suy nghĩ, thái độ, hành vi trong cách ăn mặc, trang phục. Nhưng một tín hiệu đáng mừng là phần lớn sinh viên nhận thức được rằng mình cần ăn mặc sao cho phù hợp với môi trường mình đang sống. Nhiều bạn vẫn giữ quan niệm rằng “ăn cho mình, mặc cho người”, mình ăn mặc làm sao vừa thể hiện được cá tính, nét đẹp của mình, vừa làm cho người khác chấp nhận, tôn trọng, đánh giá cao mình là tốt nhất và quan trọng nhất là phù hợp với môi trường mình đang sống.

g) So sánh trung bình nhận thức của sinh viên về HVVMHD cụ thể theo trường học, giới tính và năm học

Bảng 2.10. So sánh trung bình nhận thức của sinh viên về HVVMHD theo trường học, giới tính và năm học

Nhóm sinh viên		Trường		Giới tính		Năm học		
		XHNV	SPKT	Nam	Nữ	1	2	3
Hành vi	TB	4,31	4,30	4,26	4,33	4,29	4,33	4,29
	Sig	0,54		0,23		0,91		
Trang phục phù hợp								

Giao tiếp lịch sự	TB	4,39	4,38	4,36	4,41	4,38	4,40	4,38
	Sig	0,83		0,72		0,97		
Đi học đúng giờ	TB	4,22	4,19	4,17	4,23	4,20	4,20	4,21
	Sig	0,34		0,62		0,98		
Tập trung trong giờ học	TB	4,01	3,97	3,91	4,05	3,94	4,03	3,99
	Sig	0,63		0,02		0,68		
Trung thực trong thi cử	TB	4,38	4,45	4,42	4,41	4,40	4,49	4,35
	Sig	0,33		0,43		0,41		
Tôn trọng thầy cô, bạn bè...	TB	4,59	4,53	4,52	4,59	4,61	4,54	4,53
	Sig	0,93		0,26		0,98		
Giúp đỡ thầy cô, bạn bè... khi cần	TB	4,43	4,37	4,42	4,38	4,49	4,34	4,37
	Sig	0,36		0,63		0,21		
“Cảm ơn” khi nhận được giúp đỡ	TB	4,63	4,45	4,46	4,61	4,65	4,46	4,52
	Sig	0,00		0,03		0,10		
“Xin lỗi” khi có lỗi hoặc làm phiền người khác	TB	4,56	4,40	4,38	4,57	4,62	4,37	4,46
	Sig	0,00		0,02		0,03		
Nhường nhịn, xếp hàng khi lên xuống cầu thang	TB	4,15	4,13	4,14	4,14	4,19	4,08	4,14
	Sig	0,84		0,36		0,60		
Bỏ rác đúng nơi quy định	TB	4,48	4,34	4,33	4,48	4,48	4,37	4,39
	Sig	0,27		0,06		0,46		

Tiết kiệm điện nước	TB	4,30	4,28	4,24	4,33	4,40	4,22	4,25
	Sig	0,14		0,26		0,17		
Học đủ tiết	TB	4,26	4,27	4,22	4,30	4,30	4,25	4,24
	Sig	0,5		0,4		0,13		

Qua bảng số liệu cho thấy, trong các hành vi văn minh học đường cụ thể mà người nghiên cứu đưa ra thì chỉ có nhóm hành vi thể hiện trong giao tiếp xã hội là có sự khác biệt trong nhận thức của sinh viên,

Theo trường học

Sinh viên trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn có nhận thức rõ hơn về hành vi “cám ơn khi nhận được sự giúp đỡ từ người khác” và hành vi “xin lỗi khi có lỗi hoặc làm phiền người khác” so với sinh viên trường Sư phạm Kỹ thuật (TB=4,63 và TB =4,56 với TB = 4,40 và TB = 4,13). Điều này có thể lý giải là do sinh viên trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc nhóm ngành xã hội, nhân văn nên được học tập, nghiên cứu sâu hơn.

Theo giới tính

Có sự khác biệt trong nhận thức giữa sinh viên nam và sinh viên nữ về hành vi “cám ơn khi nhận được sự giúp đỡ ” và “xin lỗi khi có lỗi hoặc làm phiền người khác”. Cụ thể sinh viên nữ có nhận thức tốt hơn sinh viên nam về hai hành vi trên (TB = 4,61 và TB = 4,57 với TB = 4,46 và TB = 4,38).

Theo năm học

Có sự khác biệt trong nhận thức của sinh viên giữa các năm học về hành vi “xin lỗi khi có lỗi hoặc làm phiền người khác”. Cụ thể sinh viên năm nhất có nhận thức tốt nhất (TB=4,62), sau đó là sinh viên năm ba (TB=4,46) và cuối là sinh viên năm hai (TB=4,37).

Nhìn chung hầu hết sinh viên có nhận thức đầy đủ, rõ ràng về các hành vi văn minh học đường. Nhận thức của sinh viên về các hành vi văn minh học đường thể hiện trong quan hệ giao tiếp xã hội là cao nhất.

Sinh viên cũng có nhận thức tốt về các hành vi liên quan đến học tập và cũng đang có xu hướng thay đổi trong quan niệm của sinh viên về các hành vi học tập theo hướng sự tự do, không muốn bị gò bó, áp đặt như trong cách học truyền thống. Đây là sự thay đổi tất yếu khi phương pháp dạy học hướng vào việc lấy người học là trung tâm, đề cao sự tự học, tự tìm tòi nghiên cứu của người học. Với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và các phương tiện truyền thông, việc học không còn bó hẹp trong một ngôi trường như trước đây. Đây cũng là điều cần các nhà quản lý giáo dục quan tâm trong công tác giáo dục về hành vi văn minh cho sinh viên.

2.3.2. Thái độ của sinh viên về từng hành vi văn minh học đường

a) Nhóm HVVMHD trong học tập

Bảng 2.11. Thái độ của sinh viên HVVMHD trong học tập

Hành vi	Thái độ (%)					Trung bình	Xếp hạng
	5	4	3	2	1		
Đi học đúng giờ	37,0	46,6	13,7	1,3	1,3	4,17	3
Học đủ tiết	46,1	43,3	9,1	0,8	0,7	4,33	2
Tập trung trong giờ học	32,9	45,6	19,4	0,8	1,3	4,08	4
Trung thực trong thi cử	49,7	40,2	8,3	1,0	0,8	4,37	1
Trung bình chung	4,23						

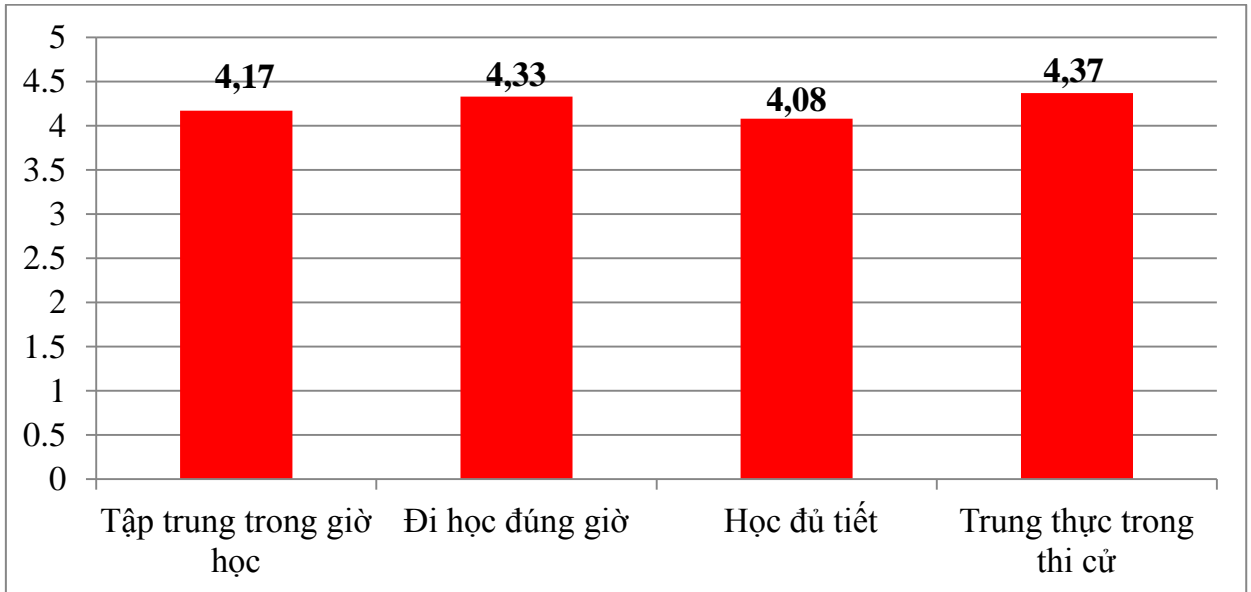
5 – rất đồng ý, 4 – đồng ý, 3 – bình thường,

2 – không đồng ý, 1- hoàn toàn không đồng

Nhìn chung, những hành vi văn minh học đường trong quan hệ học tập mà người nghiên cứu đưa ra nhận được sự ủng hộ rất cao của sinh viên (TB chung là 4,23), thiên ở mức “rất đồng ý”. Trong đó có hai hành vi ở mức “rất đồng ý” là “trung thực trong thi cử” và “học đủ tiết”, hai hành vi ở mức “đồng ý” là “đi học đúng giờ” và “học đủ tiết”.

Hành vi “trung thực trong thi cử” được sinh viên ủng hộ cao nhất (TB=4,37). Nhiều sinh viên cho biết các bạn đều ủng hộ việc thi cử được diễn ra nghiêm túc, công bằng, phản ánh được chất lượng thực của quá trình đào tạo của mỗi trường và cũng

phản ánh đúng năng lực của mỗi sinh viên. Nhiều bạn tỏ thái độ không hài lòng khi cho rằng thật không công bằng khi một người không bỏ công sức ra học tập lại được đánh giá bằng những sinh viên khác. Bạn H., sinh viên khoa Đông Phương chia sẻ rằng em rất ủng hộ việc thi cử diễn ra nghiêm túc, công bằng, phản ánh được chất lượng thực qua đó giúp mỗi bạn sinh viên sẽ có nhìn nhận rõ ràng hơn về khả năng của bản thân và phân đầu học tập để đáp ứng được công việc khi ra trường.



Biểu đồ 7. Thái độ của sinh viên về HVVMHD trong học tập

Xếp cuối cùng trong nhóm hành vi này lần lượt là “đi học đúng giờ” (TB = 4,17) và “tập trung trong giờ học” (TB = 4,08), một trong những biểu hiện tích cực về ý thức học tập, chấp hành quy định của nhà trường. Đang có những thay đổi trong nhận thức và thái độ của sinh viên trong việc học tập theo hướng đề cao sự tự do trong việc học. Nhiều bạn cho rằng, với sự phát triển trong xã hội hiện đại có thể học bằng nhiều cách, nhiều hình thức, không nhất thiết cứ phải lên lớp nghe giảng hoặc không phải lúc nào cũng có mặt ở lớp. Có những bạn còn ủng hộ việc để cho sinh viên tự do học những gì mà họ cho là hữu ích với mình.

b) Nhóm HVVMHD trong giao tiếp xã hội

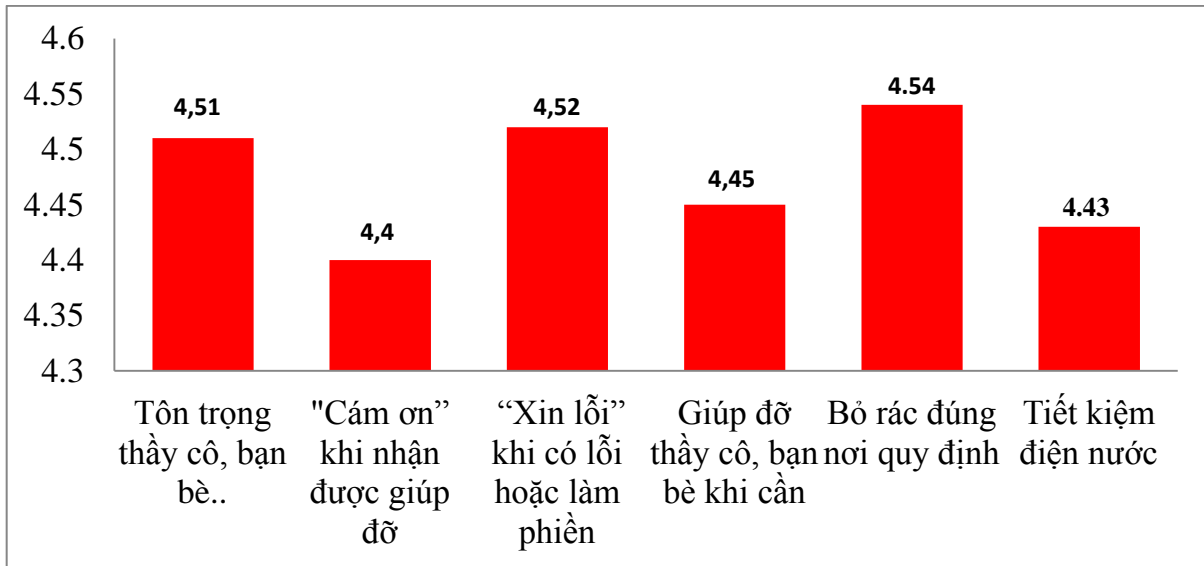
Bảng 2.12. Thái độ của sinh viên về HVVMHD trong giao tiếp xã hội

Hành vi	Thái độ					Trung bình	Xếp hạng
	5	4	3	2	1		
Tôn trọng thầy cô, bạn bè..	59,8	34,7	3,4	0,8	1,3	4,51	3
Giúp đỡ thầy cô, bạn bè, khi cần	49,5	43,8	4,9	0,8	1,0	4,40	6
“Cám ơn” khi nhận được giúp đỡ	59,6	34,7	4,4	0,5	0,8	4,52	2
“Xin lỗi” khi có lỗi hoặc làm phiền	55,7	37,6	4,1	1,6	1,0	4,45	4
Bỏ rác đúng nơi quy định	61,1	33,4	3,9	1,0	0,6	4,54	1
Tiết kiệm điện nước	51,3	42,0	5,7	0,3	0,7	4,43	5
Trung bình chung	4,47						

5 – rất đồng ý, 4 – đồng ý, 3 – bình thường,

2 – không đồng ý, 1 - hoàn toàn không đồng ý

Những giá trị truyền thống tốt đẹp, lâu đời của dân tộc vẫn luôn nhận được thái độ đồng ý rất cao của sinh viên và đây là tín hiệu đáng mừng. “Nói cảm ơn khi nhận được sự giúp đỡ từ người khác, “xin lỗi khi làm phiền hoặc gây ra lỗi lầm cho người khác” và “tôn trọng thầy cô, bạn bè..” là những hành vi được sinh viên ủng hộ cao. Hầu hết các bạn đều đồng ý rằng khi bản thân mình làm việc gì đó cho người khác mà nhận được lời cảm ơn từ họ thì bản thân thấy vui, thấy việc làm của mình có ý nghĩa và có giá trị. Các bạn cũng đồng ý rằng việc tôn trọng người khác, đặc biệt là thầy cô là việc bất cứ người học nào cũng nên làm. Cho dù xã hội có thay đổi như thế nào thì thầy cô vẫn luôn chiếm vị trí quan trọng đối với quá trình học tập của mỗi người. Những giá trị, chuẩn mực về hành vi ứng xử trong tương quan với người khác vẫn nhận được sự ủng hộ cao từ sinh viên. Điều này cho thấy đến giai đoạn lứa tuổi này khi tham gia nhiều hơn vào các hoạt động xã hội và với vai trò xã hội của mình thì sinh viên ngày càng đề cao các hành vi giao tiếp xã hội.



Biểu đồ 8. Thái độ của sinh viên về HVVMHD trong giao tiếp xã hội

Theo quan điểm của nhiều bạn, những hành vi như cảm ơn, xin lỗi, tôn trọng.. là những giá trị, chuẩn mực trong mối quan hệ với người khác ở xã hội nào cũng quan trọng. Nếu mỗi người ý thức và luôn thực hiện những hành vi này sẽ làm cho cuộc sống của mỗi cá nhân, của cộng đồng, xã hội và thế giới này tốt đẹp, hòa bình hơn. Đối với sinh viên thì các hành vi này càng quan trọng hơn vì phản ánh một trình độ giáo dục của mỗi người. Có bạn sinh viên chia sẻ, khi một bạn tình cờ va phải em, mặc dù theo phản ứng tự nhiên em rất tức nhưng khi bạn ấy nói xin lỗi thì em cảm thấy rất thoải mái, không còn cảm giác giận dữ như lúc đầu. Nên em ủng hộ mỗi sinh viên luôn thể hiện các hành vi này và phải trở thành thói quen trong sinh hoạt hàng ngày của mỗi người.

Hành vi “bỏ rác đúng nơi quy định” nhận được sự đồng ý của sinh viên cao nhất (TB = 4.47). Qua đó có khẳng định, phần lớn sinh viên đã nhận thức được tầm quan trọng của những hành vi liên quan đến việc giữ gìn môi trường trong sạch, lành mạnh và có thái độ ủng hộ mạnh mẽ việc thực hiện hành vi này nơi trường học. Trường học là một môi trường sư phạm, việc giữ gìn vệ sinh mỹ quan trường lớp xanh sạch đẹp sẽ tạo không gian cảnh quan trong lành giúp việc học tập của mỗi sinh viên hiệu quả hơn, và giá trị của mỗi sinh viên cũng được phản ánh qua các hành vi thực hiện nơi trường học.

c) Nhóm HVVMHD trong phát triển bản thân

Bảng 2.13. Thái độ của sinh viên về HVVMHD trong phát triển bản thân

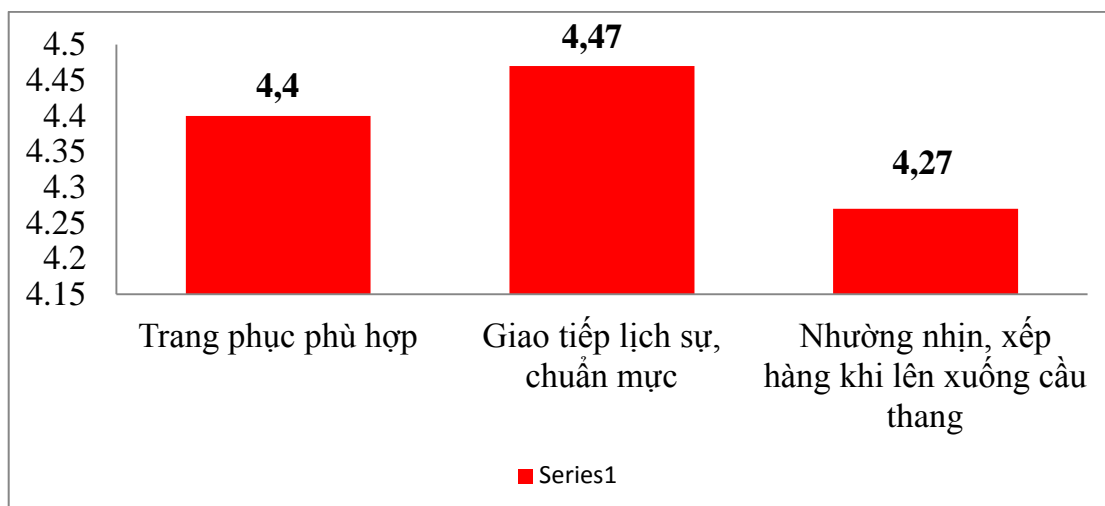
Hành vi	Thái độ					Trung bình	Xếp hạng
	5	4	3	2	1		
Trang phục phù hợp	50,8	42,7	3,6	1,3	1,6	4,40	2
Giao tiếp lịch sự	54,1	40,9	3,4	0,8	0,8	4,47	1
Nhường nhịn, xếp hàng khi lên xuống cầu thang	42,2	45,3	10,6	1,1	0,8	4,27	3
Trung bình chung	4,38						

5 – rất đồng ý, 4 – đồng ý, 3 – bình thường,

2 – không đồng ý, 1- hoàn toàn không đồng ý

“Trang phục phù hợp” và “giao tiếp lịch sự chuẩn mực” được sinh viên đánh giá cao nhất. Những hành vi, giá trị liên quan đến khẳng định bản thân được sinh viên ủng hộ cao. Các hành vi liên quan đến việc học tập lần lượt xếp sau. Nhiều bạn cho rằng trang phục cũng như giao tiếp trong xã hội hiện đại ngày càng đóng vai trò quan trọng, quyết định đến thành công hay thất bại của mỗi cá nhân. Bạn L chia sẻ em rất muốn mình ăn mặc đẹp và em ủng hộ các bạn sinh viên ăn mặc đẹp, tuy nhiên phải phù hợp với môi trường mình đang sống. Bạn Đặng B khoa ...Sur Phạm Kỹ Thuật cho biết nhiều bạn khi đi học thì ăn mặc giống như đang ở phòng trọ vậy. Em không đồng tình với những kiểu ăn mặc kiểu này. Em nghĩ mình là sinh viên thì ăn mặc sao cho phù hợp với vị trí là người sinh viên hay phù hợp với môi trường giáo dục, ở nhà trường khác với những nơi khác.

Hành vi “nhường nhịn, xếp hàng khi lên xuống cầu thang” cũng được các bạn sinh viên quan tâm và đồng ý rằng, mỗi sinh viên nên thể hiện văn minh, lịch sự bằng những hành động nhỏ như xếp hàng hoặc nhường người khác khi lên xuống cầu thang. Hành vi chen lấn, tranh giành, xô đẩy là không thể chấp nhận vì việc thực hiện những hành vi đó sẽ cho thấy sự nhỏ nhen, thiếu tôn trọng người khác, qua đó làm giảm giá trị của bản thân trong con mắt người khác.



Biểu đồ 9. Thái độ của sinh viên về HVVMHD trong phát triển bản thân

Với hành vi “giao tiếp lịch sự” thì hầu hết sinh viên rất đồng ý rằng, đã là người có học, lại đang là sinh viên đại học thì càng phải giao tiếp lịch sự, chuẩn mực. Theo các bạn sinh viên, giao tiếp lịch sự vừa thể hiện mình là người có học, vừa khẳng định được giá trị bản thân nên việc biểu hiện hành này trong mối quan hệ với người khác một cách lịch sự là chúng em hoàn toàn đồng ý.

d) So sánh trung bình thái độ của sinh viên về HVVMHD cụ thể theo trường học, giới tính và năm học

Bảng 2.14. So sánh trung bình thái độ của sinh viên về HVVMHD theo trường học, giới tính và năm học

Nhóm sinh viên		Trường		Giới tính		Năm học		
		XHNV	SPKT	Nam	Nữ	1	2	3
Hành vi								
Trang phục phù hợp	TB	4,49	4,91	4,30	4,48	4,44	4,45	4,31
	Sig	0,48		0,96		0,24		
Giao tiếp lịch sự, chuẩn mực	TB	4,48	4,16	4,39	4,53	4,49	4,49	4,43
	Sig	0,23		0,69		0,67		

Đi học đúng giờ	TB	4,18	4,16	4,15	4,18	4,15	4,22	4,13
	Sig	0,55		0,74		0,64		
Tập trung trong giờ học	TB	4,09	4,07	4,01	4,14	4,06	4,11	4,06
	Sig	0,83		0,64		0,84		
Trung thực trong thi cử	TB	4,38	4,36	4,29	4,44	4,40	4,41	4,30
	Sig	0,56		0,13		0,41		
Tôn trọng mọi người	TB	4,55	4,47	4,45	4,56	4,59	4,46	4,48
	Sig	0,79		0,24		0,27		
Giúp đỡ người khác	TB	4,45	4,35	4,34	4,45	4,41	4,40	4,39
	Sig	0,48		0,60		0,98		
“Cám ơn” khi nhận được giúp đỡ	TB	4,57	4,47	4,40	4,61	4,63	4,53	4,40
	Sig	0,37		0,02		0,03		
Xin lỗi” khi có lỗi hoặc làm phiền	TB	4,52	4,38	4,32	4,57	4,56	4,47	4,33
	Sig	0,55		0,24		0,04		
Học đủ tiết	TB	4,34	4,43	4,25	4,38	4,34	4,34	4,31
	Sig	0,26		0,90		0,90		
Nhường nhịn, xếp hàng khi lên xuống cầu thang	TB	4,26	4,28	4,18	4,35	4,23	3,28	4,31
	Sig	0,57		0,78		0,38		
Bỏ rác đúng nơi quy định	TB	4,61	4,46	4,45	4,60	4,57	4,57	4,46
	Sig	0,29		0,06		0,34		

Tiết kiệm điện nước	TB	4,48	4,37	4,39	4,46	4,21	4,51	4,25
	Sig	0,89		0,89		0,17		

Xét theo trường học

Qua bảng số liệu cho thấy, không có sự khác biệt trong thái độ giữa sinh viên Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và Đại học Sư phạm Kỹ thuật về các hành vi văn minh. Phần lớn những hành vi văn minh học đường mà người nghiên cứu đưa ra đều nhận được sự ủng hộ cao từ sinh viên.

Xét theo giới tính

Có sự khác biệt giữa sinh viên nam và sinh viên nữ về hành vi “cám ơn khi nhận được sự giúp đỡ từ người khác”. Sinh viên nữ có sự ủng hộ cao hơn so với sinh viên nam về hành vi cảm ơn (TB = 4,61 với TB = 4,40).

Xét theo năm học

Mức độ đồng ý về hành vi “xin lỗi khi có lỗi hoặc khi làm phiền người khác” có sự khác biệt giữa sinh viên năm nhất, năm hai và năm ba theo hướng sinh viên năm nhất có mức độ đồng ý cao nhất (TB = 4,56), thứ đến là sinh viên năm hai (TB = 4,47) và cuối là sinh viên năm ba (TB = 4,33).

2.3.3. Động cơ thực hiện hành vi văn minh học đường của sinh viên

Bảng 2.15. Động cơ thực hiện HVVMHD của sinh viên

Động cơ	TB	Thứ tự
Tự giác thực hiện	2,43	1
Thấy đúng thì làm	2,87	2
Vì nội qui của trường	3,74	3
Để khẳng định giá trị bản thân	3,84	4
Để không bị người khác chê trách	4,33	5
Thích thì làm	4,99	6

Thấy mọi người thì làm theo	5,82	7
-----------------------------	------	---

Xếp theo thứ tự ưu tiên: 1 - nhiều nhất, 7 – ít nhất

Với 7 động cơ mà người nghiên cứu đưa ra và yêu cầu xếp theo thứ tự ưu tiên, qua xử lý số liệu cho thấy, động cơ đầu tiên sinh viên thực hiện hành vi văn minh học đường là “tự giác thực hiện”, một tín hiệu tích cực khi sinh viên thực hiện những hành vi văn minh học đường,

Xếp thứ hai trong động cơ thực hiện hành vi văn minh học đường của sinh viên là “thấy đúng thì làm”. Mỗi cá nhân khi thực hiện hành vi của mình thì đằng sau đó luôn có những động lực thúc đẩy và mỗi người sẽ có nhiều động lực khác nhau. Bạn D, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn cho rằng mỗi khi em thực hiện hành vi nào đó em đều suy nghĩ rằng làm hành vi này thì có ý nghĩa không chỉ cho mình mà còn cho cả người khác và như vậy em nghĩ mình nên làm điều đó. Hầu hết các bạn sinh viên đều đồng ý rằng, khi mỗi khi thực hiện hành vi thì đều nghĩ đến giá trị của hành vi đó đối với bản thân cũng như những người xung quanh.

Cả hai động cơ này đều là những động cơ bên trong, liên quan đến bản thân sinh viên. Điều này cho thấy, động cơ sinh viên thực hiện hành vi văn minh học đường liên quan đến bên trong bản thân sinh viên nhiều hơn là những động cơ bên ngoài. Điều này cũng phản ánh phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi sinh viên khi nhu cầu khẳng định bản thân, tự giáo dục, tự ý thức phát triển mạnh.

“Nội qui nhà trường” được sinh viên đánh giá là những động cơ thúc đẩy họ thực hiện hành vi văn minh học đường. Việc thực hiện những qui định của nhà trường liên quan đến học tập và sinh hoạt tại trường sẽ giúp sinh viên hoàn thành tốt việc học tập và là quá trình rèn luyện bản thân để bước vào công việc sau khi ra trường.

“Khẳng định giá trị bản thân” và “không bị người khác chê trách” là những động cơ được sinh viên xếp tiếp theo thúc đẩy họ thực hiện hành vi văn minh học đường. Đây là một đặc điểm tâm lý nổi bật ở lứa tuổi sinh viên khi họ ngày càng tham gia nhiều hơn vào các hoạt động nghề nghiệp và xã hội để khẳng định giá trị của bản thân. Nhu cầu được thừa nhận sẽ thúc đẩy sinh viên thực hiện những yêu cầu, mong muốn của xã hội. Đây là động cơ cần được quan tâm của các nhà quản lý, lãnh đạo nhà

trường trong việc đưa ra các biện pháp giáo dục văn minh học đường cho sinh viên để có phương pháp tác động phù hợp.

2.3.4. Kết quả biểu hiện hành vi văn minh học đường của sinh viên

a) Biểu hiện hành vi văn minh học đường của sinh viên

Bảng 2.16. Mức độ biểu hiện HVVMHD của sinh viên (theo trị trung bình)

Hành vi	Trung bình	SD	Xếp hạng
Tôn trọng thầy cô, bạn bè..	4,48	0,77	1
“Cám ơn” khi nhận được giúp đỡ	4,47	0,68	2
Trung thực trong thi cử	4,42	0,70	3
Xin lỗi khi có lỗi hoặc khi làm phiền	4,32	0,75	4
Giúp đỡ người khác khi cần	4,31	0,68	5
Trang phục phù hợp	4,26	0,72	6
Bỏ rác đúng nơi quy định	3,87	0,80	7
Giao tiếp lịch sự	3,85	0,79	8
Tiết kiệm điện nước	3,77	0,78	9
Học đủ tiết	3,74	0,72	10
Nhường nhịn, xếp hàng khi lên xuống cầu thang	3,62	0,79	11
Tập trung trong giờ học	3,55	0,73	12
Đi học đúng giờ	3,43	0,70	13
Trung bình chung	4,00		

Khi được hỏi những hành vi mà sinh viên vẫn hay thực hiện hàng ngày tại trường học thì qua xử lý, chúng tôi thu được kết quả sau:

Hầu hết các hành vi người nghiên cứu đưa ra được sinh viên trả lời rơi vào mức “rất thường xuyên” (TB= 4,00). Trong đó, nhóm hành vi trong mối quan hệ giao tiếp

xã hội và phát triển bản thân tiếp tục được sinh viên thực hiện ở mức “rất thường xuyên” (TB >4,20). Nhóm hành vi trong quan hệ học tập được sinh viên thực hiện ở mức “thường xuyên”. Bốn hành vi đầu là những hành vi truyền thống, quen thuộc đối với sinh viên nên được các bạn thực hiện thường xuyên nhất.

Xếp hạng cao nhất trong các hành vi của sinh viên là hành vi thể hiện thái độ “tôn trọng thầy cô, bạn bè..” (TB=4,48). Với thầy cô hành vi tôn trọng thể hiện ở việc luôn biết ơn sự dạy dỗ của thầy cô, lễ phép, lịch sự trong giao tiếp ứng xử. Nhiều sinh viên cho rằng thầy cô vẫn luôn đóng vai trò quan trọng trong học tập với mỗi người và thầy cô luôn giữ vị trí cao đẹp trong lòng mỗi sinh viên. Trong quá trình phỏng vấn, khi được hỏi những yêu tố nào ở giảng viên làm cho sinh viên yêu thích và tôn trọng nhất thì các bạn cho biết như sau: đó là sự uyên bác, trí tuệ; có đạo đức nhà giáo; xu hướng nghề nghiệp sư phạm rõ ràng; thành thạo nghiệp vụ và năng lực tổ chức hoạt động sư phạm; có văn hóa giao tiếp, mẫu mực mô phạm trong hành vi. Qua đánh giá trên cho thấy, xã hội ngày càng phát triển thì yêu cầu của sinh viên đối với giảng viên cũng ngày càng cao. Năng lực và đạo đức nghề giáo vẫn là những yếu tố sinh viên trông đợi và đánh giá cao ở giảng viên.

Xếp cuối là các hành vi “nhường nhịn, xếp hàng khi lên xuống cầu thang”, “đi học đúng giờ đủ tiết” và “tập trung trong giờ học”. Ở trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, đặc biệt ở cơ sở Đinh Tiên Hoàng, khi tiến hành quan sát tại thang máy ở dãy nhà D thì mặc dù phía trên có tấm bảng hướng dẫn sinh viên xếp hàng khi vào thang máy nhưng vẫn còn hiện tượng sinh viên chen lấn, chắn lối trước cửa thang máy, người bên trong thang máy chưa ra khỏi thì một số đã chen vào. Nhiều nhóm sinh viên khi đi thang máy và cầu thang bộ vẫn còn nói chuyện ồn ào, la hét, dàn hàng làm cản đường người khác.

Việc thực hiện nội quy đi học đúng giờ, tham gia đầy đủ các môn học của sinh viên vẫn còn nhiều điều cần quan tâm. Hiện tượng sinh viên đi trễ, bỏ ra về giữa chừng, cúp học cũng khá phổ biến, thậm chí có bạn cả một môn học chỉ tham gia có một buổi. Điều này cho thấy còn bộ phận sinh viên ý thức học tập chưa cao, động cơ học tập chưa rõ ràng.

b) So sánh trung bình biểu hiện HVVMHD của sinh viên theo trường học, giới tính và năm học

Bảng 2.17. So sánh trung bình biểu hiện HVVMHD của sinh viên theo trường học, giới tính và năm học

Hành vi \ Nhóm sinh viên		Trường		Giới tính		Năm học		
		XHNV	SPKT	Nam	Nữ	1	2	3
Trang phục phù hợp	TB	4,36	4,16	4,14	4,35	4,28	4,34	4,16
	Sig	0,97		0,98		0,12		
Giao tiếp lịch sự	TB	4,06	3,65	3,68	4,00	3,83	3,82	3,91
	Sig	0,00		0,98		0,59		
Đi học đúng giờ	TB	3,58	3,28	3,33	3,51	3,48	3,42	3,39
	Sig	0,00		0,02		0,52		
Tập trung trong giờ học	TB	3,47	3,63	3,62	3,49	4,16	4,47	4,21
	Sig	0,17		0,50		0,01		
Trung thực trong thi cử	TB	4,28	4,35	4,33	4,31	3,48	3,56	3,67
	Sig	0,14		0,68		0,07		
Tôn trọng mọi người	TB	4,50	4,46	4,44	4,51	4,56	4,45	4,43
	Sig	0,82		0,26		0,22		
Giúp đỡ thầy cô, bạn bè..., khi cần	TB	4,32	4,31	4,28	4,34	4,36	4,32	4,26
	Sig	0,23		0,15		0,50		
“Cám ơn” khi nhận được	TB	4,51	4,42	4,37	4,54	4,49	4,49	4,42

giúp đỡ	Sig	0,58		0,79		0,61		
Xin lỗi” khi có lỗi hoặc làm phiền	TB	4,48	4,36	4,37	4,46	4,49	4,43	4,35
	Sig	0,73		0,33		0,25		
Học đủ tiết	TB	3,67	3,80	3,82	3,67	3,71	3,73	3,74
	Sig	0,01		0,11		0,79		
Nhường nhịn, xếp hàng khi lên xuống cầu thang	TB	3,73	3,50	3,59	3,64	3,37	3,65	3,62
	Sig	0,42		0,38		0,79		
Bỏ rác đúng nơi quy định	TB	3,75	3,99	3,90	3,85	3,93	3,89	3,80
	Sig	0,45		00,0		0,77		
Tiết kiệm điện nước	TB	3,90	3,64	3,71	3,82	3,84	3,77	3,69
	Sig	0,24		0,17		0,30		

Xét theo trường

Có sự khác biệt trong biểu hiện hành vi văn minh học đường giữa sinh viên trường đại học khoa học xã hội và nhân văn và đại học Sư phạm Kỹ thuật về hành vi “giao tiếp lịch sự chuẩn mực”, “đi học đúng giờ” và “học đủ tiết”. Theo đó mức độ biểu hiện hành vi này của sinh viên trường đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn trong hành vi “giao tiếp lịch sự, chuẩn mực” và “đi học đúng giờ” tốt hơn đại học Sư phạm Kỹ thuật (TB =4,06 và 3,58 so với TB =3,65 và 3,28). Nhưng trong hành vi “học đủ tiết” thì sinh viên đại học Sư phạm Kỹ thuật có biểu hiện tốt hơn sinh viên trường đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn (TB = 3,80 so với 3,67).

Xét theo giới tính

Từ kết quả kiểm định cho thấy có sự khác biệt giữa sinh viên nam và nữ trong biểu hiện hành vi văn minh học đường trong hành vi “đi học đúng giờ” và “bỏ rác đúng nơi quy định”. Sinh viên nữ có biểu hiện tốt hơn sinh viên nam về hành vi “đi học

đúng giờ” (TB =3,51 so với 3,33). Về hành vi “bỏ rác đúng nơi quy định” thì sinh viên nam có biểu hiện tốt hơn sinh viên nữ (TB = 3,90 so với 3,85).

Xét theo năm học

Nhìn vào bảng kết quả ta thấy, có sự khác biệt giữa sinh viên năm nhất, năm hai và năm ba về biểu hiện hành vi văn minh học đường. Cụ thể đó là hành vi “tập trung trong giờ học” theo hướng sinh viên năm hai có biểu hiện tích cực nhất (TB =4,47), thứ đến là sinh viên năm ba (TB = 4,21) và cuối cùng là sinh viên năm nhất (TB =4,16),

c) Biểu hiện hành vi của sinh viên trong từng tình huống cụ thể

Để hiểu rõ hơn về động cơ cũng như biểu hiện hành vi văn minh học đường của sinh viên, chúng tôi tiếp tục tiến hành khảo sát hành vi của sinh viên qua 5 tình huống và kết quả thu được sau khi xử lý số liệu như sau:

Bảng 2.18. Tỷ lệ % cách ứng xử trong tình huống cụ thể của sinh viên

Tình huống	Cách ứng xử	Tần số	Tần suất
<i>Khi một giám thị coi thi có vẻ dễ tính, bạn thường:</i>	1. Tranh thủ xem tài liệu khi có cơ hội	44	11,4
	Tự nhủ dù thế nào cũng phải cố gắng nghiêm túc thi cử	179	46,4
	Xem xét tình hình xung quanh và có quyết định hợp lý	163	42,2
<i>Trong học tập, khi được giao công việc của nhóm với thời hạn khá gấp, không hoàn thành đúng hạn, bạn thường:</i>	Xin lỗi và hoàn thành càng sớm càng tốt	289	74,9
	Giải thích và tiếp tục làm với tốc độ hiện có	87	22,5
	Mặc kệ, miễn là không ảnh hưởng tới mình	10	2,6
<i>Khi đi trễ một buổi học, bạn thường:</i>	Đi thẳng vào lớp, không cần đề ý đến ai	25	6,5
	Xin lỗi và trình bày lý do	59	15,3

	Khéo léo bước vào và nhẹ nhàng tìm chỗ ngồi	302	78,2
<i>Khi không may gây ra lỗi lầm, bạn thường:</i>	Chủ động đến xin lỗi trước, tìm cách khắc phục hậu quả	322	83,4
	Lý giải, biện hộ cho bản thân	53	13,7
	Né tránh đối diện với sự việc	11	2,8
<i>Khi thấy một người đang phá hoại hoặc trộm tài sản của trường, bạn thường:</i>	Tìm cách ngăn cản họ	266	68,9
	Mong đợi ai đó sẽ nhắc nhở họ	102	26,4
	Mặc kệ vì chẳng liên quan gì đến bản thân	18	4,7

Từ kết quả bảng trên ta thấy, trong số 4 tình huống người nghiên cứu đưa ra để khảo sát hành vi văn minh học đường của sinh viên thông qua lựa chọn cách ứng xử phù hợp trong mỗi tình huống thì kết quả biểu hiện sự văn minh ở hành vi của sinh viên khá cao. Có ba trong bốn hành vi được khảo sát có tỉ lệ sinh viên lựa chọn cách ứng xử tích cực trên 50%.

Tình huống mà sinh viên có hành vi biểu hiện tích cực nhất là hành vi thể hiện trong mối quan hệ với người khác. Khi được hỏi “không may gây ra lỗi lầm với người khác” thì có đến 322/386 (chiếm 83,4%) chọn cách là “chủ động xin lỗi trước và tìm cách khắc phục hậu quả”. Qua tình huống này cho thấy, đa số sinh viên có trách nhiệm về những hành vi của mình. Việc nhận thức được đúng sai, phải trái, nên hay không nên là điều quan trọng đưa đến những điều chỉnh hành vi cho phù hợp với cuộc sống, giúp sinh viên xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với những người xung quanh.

Trong môi quan hệ với bản thân và việc học, sinh viên cũng thể hiện tinh thần trách nhiệm của mình với nhóm khi được hỏi “khi được giao một công việc với thời gian khá gấp không hoàn thành đúng hạn” thì có tới 289/386 (chiếm 74,9 %) sinh viên chọn là sẽ “xin lỗi và cố gắng hoàn thành càng sớm càng tốt”.

Tình huống liên quan đến tính trung thực, công bằng trong thi cử cũng rất đáng lưu ý và quan tâm. 163/386 (chiếm 42,2%) sinh viên được khảo sát chọn phương án là “xem xét tình xung quanh để đưa ra quyết định hợp lý” khi được hỏi nếu trong phòng

thi gặp phải một giám thị dễ, bạn sẽ làm gì. Và cũng có tới 44/386 sinh viên (chiếm 11,4%) sẽ tranh thủ xem tài liệu khi có cơ hội. Điều này cho thấy nhận thức, thái độ và động cơ của sinh viên liên quan đến thi cử chưa tích cực và mạnh mẽ. Thi cử được tiến hành là để đánh giá kết quả học tập của người học và qua đó cũng phản ánh nhận thức và thái độ của sinh viên với học tập. Việc nghiêm túc, trung thực trong thi cử sẽ giúp sinh viên đánh giá đúng khả năng của mình và qua đó biết điều chỉnh việc học tập sao cho đạt kết quả cao.

Bên cạnh việc thăm dò những biểu hiện tích cực của sinh viên thì song song với đó, người nghiên cứu cũng tiến hành tìm hiểu nhìn nhận, đánh giá của sinh viên về các biểu hiện hành vi tiêu cực nơi trường học để có cái nhìn khách quan và đánh giá khách quan nhất.

Khi được hỏi những hành vi nào sau đây mà các bạn thấy vẫn còn tồn tại ở sinh viên với 9 hành vi thì chúng tôi thu được kết quả như sau:

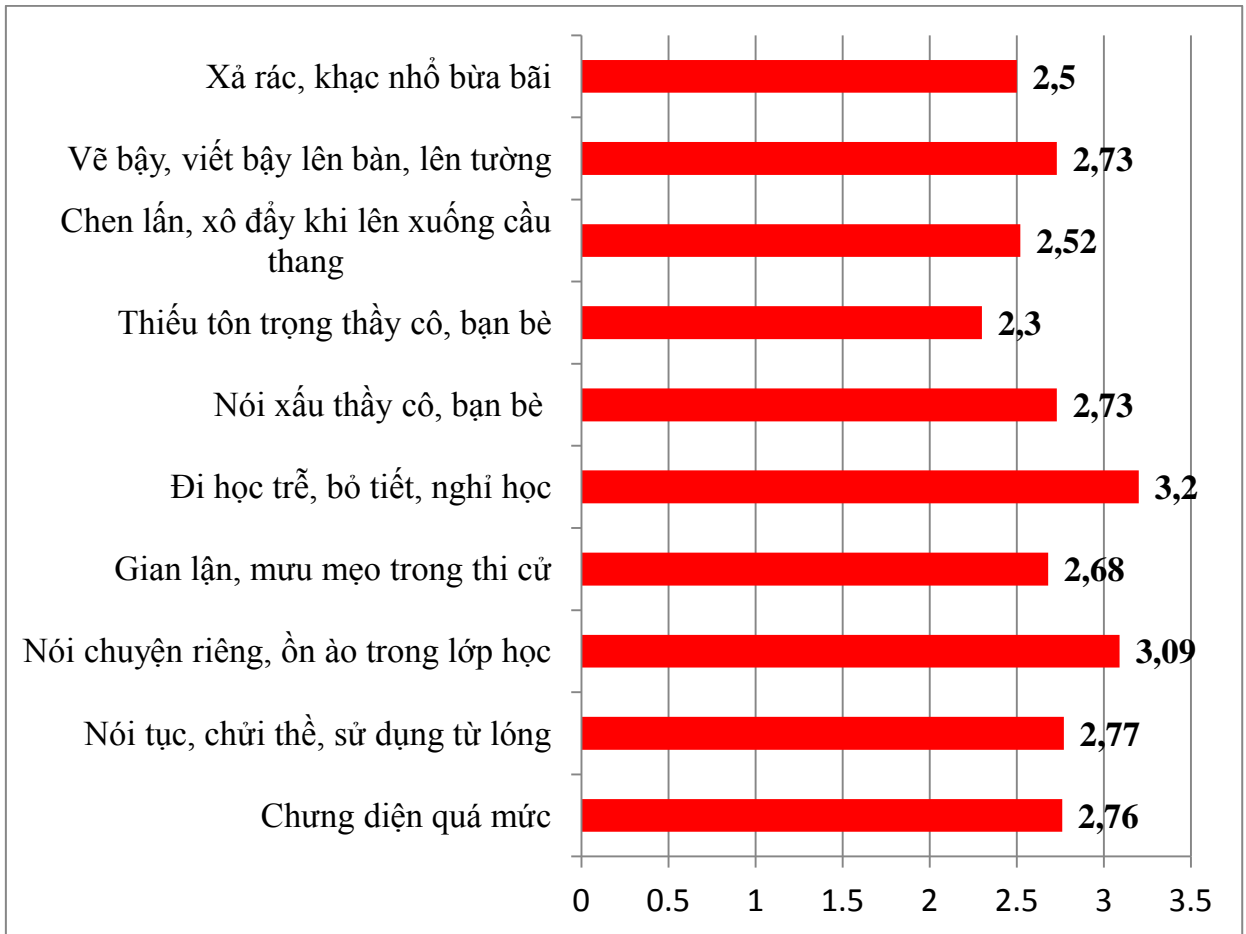
Bảng 2.19. Hành vi tiêu cực của sinh viên nơi trường học (theo trị trung bình)

Hành vi tiêu cực	TB	SD	Xếp hạng
Đi học trễ, bỏ tiết, nghỉ học	3,20	1,27	1
Nói chuyện riêng, ồn ào trong lớp học	3,09	1,20	2
Nói tục, chửi thề, sử dụng từ lóng	2,77	1,39	3
Chung diện quá mức	2,76	1,38	4
Nói xấu thầy cô, bạn bè	2,73	1,33	5
Gian lận, mưu mẹo trong thi cử	2,68	1,35	6
Chen lấn, xô đẩy khi lên xuống cầu thang	2,52	1,32	7
Xả rác, khạc nhổ bừa bãi	2,50	1,30	8
Thiếu tôn trọng thầy cô, bạn bè	2,30	1,35	9
TB chung	2,73		

Qua bảng phân tích kết quả và biểu đồ cho thấy, đa phần các hành vi đều xếp ở mức “thỉnh thoảng”, không hành vi nào nằm ở mức “rất nhiều” và “hoàn toàn không”, Trung bình chung là 2,73, thiên ở mức “thỉnh thoảng”.

Hành vi tiêu cực được sinh viên chứng kiến nhiều nhất là “đi học trễ, bỏ tiết, nghỉ học” (TB=3,2), một biểu hiện tiêu cực trong việc chấp hành nội quy nhà trường và ý thức học tập của sinh viên. Kết quả này phản ánh thực trạng đang diễn ra trong các lớp học là rất phổ biến khi có nhiều sinh viên thường xuyên đi học trễ, bỏ tiết.. Hiện tượng này phổ biến đến mức nhiều bạn cho rằng nó đã trở thành thói quen, nếp sống của sinh viên. Khi chúng tôi tiến hành phỏng vấn sâu thì hầu hết được sinh viên chia sẻ về tình trạng này. Theo bạn NG, năm nhất, khoa Xã hội học, Đại học Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn chia sẻ, theo qui định là 7h bắt đầu học nhưng thường phải 7h15 hoặc 7h20’ mới bắt đầu học. Có khi giảng viên đến lớp nhưng chỉ có vài bạn sinh viên có mặt và ngược lại, có khi sinh viên đến nhưng giảng viên chưa thấy nên các bạn bỏ đi uống nước hoặc bỏ về. Tình trạng bỏ tiết, nghỉ học cũng diễn ra khá phổ biến. Nhiều bạn sinh viên có suy nghĩ, thấy tiết học nào thích, quan trọng hoặc có điểm danh thì đi học, còn lại thì bỏ hoặc có bạn đang học thấy chán, không có hứng thú nên bỏ ngang tiết học đó về. Điều này cho thấy ý thức học tập của sinh viên chưa tốt. Nhiều sinh viên còn chưa coi trọng việc học tập, đôi lúc học cho có và chống ché. Thậm chí có bạn sinh viên năm nhất chia sẻ rất chân thật rằng, tụi mấy đứa bạn của em không đến trường, hễ khi giảng viên có điểm danh thì mấy bạn chạy vô một lúc rồi điểm danh xong mấy bạn bỏ ra về.

Xếp thứ hai là hành vi “nói chuyện riêng, ồn ào trong lớp học” (TB=3,09), một biểu hiện tiêu cực của ý thức học tập cũng như tôn trọng người khác. Hành vi này khá phổ biến trong các tiết học ở các trường hiện nay, đặc biệt các khối ngành xã hội, và trong các môn không phải chuyên ngành học của sinh viên.



Biểu đồ 10. Hành vi tiêu cực nơi học đường

Nguyên nhân các bạn đưa ra là do các bạn cho rằng môn đó không quan trọng và do giảng viên dạy không hấp dẫn, gây nhàm chán, ngồi không biết làm gì nên tám chuyện. Rõ ràng, đối với nhiều sinh viên, động cơ học tập cũng như ý thức học tập chưa cao, học cho có và để chống chể. Nói chuyện riêng trong giờ học cũng làm ảnh hưởng đến các bạn xung quanh, một biểu hiện không tôn trọng người khác. Nhiều sinh viên chưa ý thức điều này nên còn hành động một cách thoải mái, khi được các bạn khác nhắc nhở thì tỏ ra bực tức, khó chịu.

Nói tục, chửi thề, sử dụng từ lóng là những hành vi cũng rất đáng quan tâm của sinh viên nói riêng cũng như các bạn trẻ nói chung hiện nay.

Khi được hỏi nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn nhiều hành vi chưa văn minh nơi giảng đường thì có tới 323/386 (chiếm 83,7%) sinh viên cho rằng đó là do “ý thức của sinh viên chưa tốt”. Qua đây có thể kết luận, phần lớn những hành vi tiêu cực ở giảng đường là do ý thức của sinh viên chưa tốt. Điều này cần các cán bộ quản lý quan

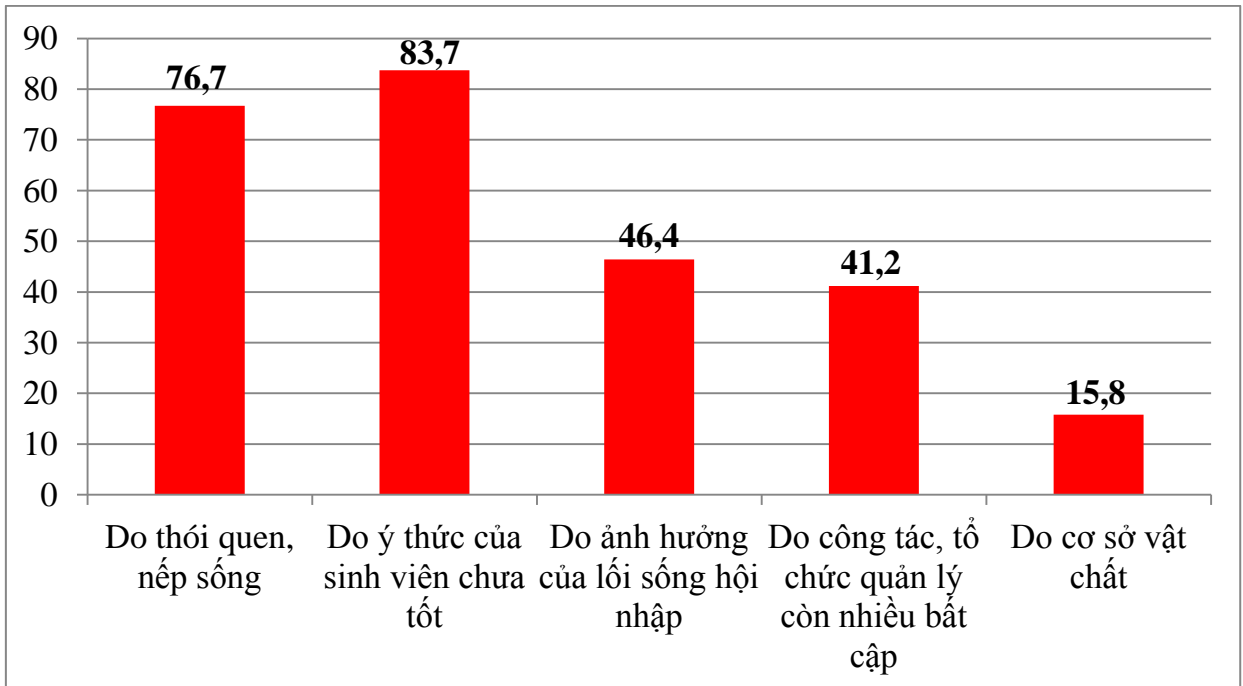
tâm khi đưa ra các biện pháp giáo dục hành vi văn minh học đường. Cần quan tâm tác động chính đến nhận thức, thái độ cũng như ý thức của sinh viên.

Bảng 2.20. Nguyên nhân của những hành vi tiêu cực nơi học đường của sinh viên

Nguyên nhân của những hành vi tiêu cực trong trường học	Tần số	Tần suất	Xếp hạng
Do thói quen, nếp sống	296	76,7	2
Do ý thức của sinh viên chưa tốt	323	83,7	1
Do ảnh hưởng của lối sống hội nhập	179	46,4	3
Do công tác, tổ chức quản lý còn nhiều bất cập	159	41,2	4
Do cơ sở vật chất thiếu thốn, lạc hậu	61	15,8	5

Thói quen nếp sống cũng là một trong những nguyên do chính đưa đến những hành vi tiêu cực nơi học đường 296/386 (chiếm 76,7 %). Nhiều thói quen không phù hợp vẫn được các bạn biểu lộ nơi giảng đường. Điều này cho thấy, yếu tố môi trường sống ảnh hưởng lớn đến nhận thức, thái độ và hành vi của mỗi cá nhân, trong đó có sinh viên. Việc để mỗi sinh viên có những hành vi văn minh học đường phải tác động làm sao để sinh viên bỏ đi những thói quen, nếp sống không phù hợp. Ở đây thì biện pháp giáo dục, tuyên truyền trở nên quan trọng tác động làm thay đổi nhận thức của sinh viên.

Yếu tố thứ ba mà sinh viên cho là nguyên nhân lớn đưa đến hành vi tiêu cực nơi học đường của sinh viên là “lối sống hội nhập” (46,4 %). Khi đất nước ngày càng hội nhập sâu và rộng với thế giới, những chuẩn mực, đạo đức đã có những thay đổi theo nhiều chiều hướng khác nhau. Nhiều chuẩn mực đạo đức mới được hình thành, nhiều giá trị truyền thống được bổ sung và ít nhiều có sự thay đổi. Chính sự thay đổi đó sẽ đưa đến những quan niệm, suy nghĩ khác nhau về các giá trị chuẩn mực. Từ đó sẽ có những thái độ và hành vi thể hiện khác nhau. Nếu không có định hướng rõ ràng thì dễ làm cho sinh viên lúng túng trong việc chọn lựa cách ứng xử phù hợp với môi trường sống nói chung và nơi trường học nói riêng.



Biểu đồ 11. Nguyên nhân của những hành vi tiêu cực nơi trường học

Công tác tổ chức, quản lý còn nhiều bất cập và cơ sở vật chất còn lạc hậu, yếu kém cũng là những nguyên nhân dẫn đến những hành vi tiêu cực nơi học đường. Điển hình như là thiếu sự quan tâm, giám sát, kiểm tra và có những chế tài với những hành vi tiêu cực của sinh viên vi phạm. Chính yếu tố này dẫn đến nhiều sinh viên vi phạm nhưng không bị nhắc nhở kỉ luật và tiếp tục vi phạm.

2.3.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi văn minh học đường của sinh viên

Với 13 yếu tố ảnh hưởng đến hành vi văn minh học đường mà người nghiên cứu đưa ra khảo sát, sau khi xử lý thì kết quả thu được như sau:

Bảng 2.21. Các yếu tố ảnh hưởng đến HVVMHD của sinh viên

Các yếu tố ảnh hưởng	TB	SD	Xếp hạng
Ý thức tự giác của sinh viên	4,32	0,92	1
Thói quen nếp sống	4,12	0,82	2
Nhận thức của sinh viên	4,04	0,89	3
Ý thức giá trị bản thân	3,94	0,88	4
Làm gương của giảng viên	3,86	0,97	5
Đặc điểm tâm sinh lý tuổi sinh viên	3,80	0,82	6

Dư luận xã hội	3,75	0,85	7
Truyền thống nhà trường	3,72	0,98	8
Nội qui của trường	3,67	0,96	9
Quá trình hội nhập	3,63	0,93	10
Hoạt động Đoàn Hội	3,58	0,96	11
Công tác truyền thông	3,54	0,92	12
Cơ sở vật chất	3,34	1,02	13
TB chung	3,91		

Hầu hết các yếu tố ảnh hưởng tới văn minh học đường mà người nghiên cứu đưa ra được sinh viên cho rằng ảnh hưởng lớn đến hành vi văn minh học đường (TB=3,78), thiên ở mức “nhiều”.

Năm yếu tố được sinh viên xếp hạng đầu tiên gồm: ý thức tự giác của sinh viên, thói quen nếp sống, nhận thức, ý thức giá trị bản thân và sự làm gương của giảng viên thì phần lớn là những yếu tố liên quan đến bản thân sinh viên. Điều này cho thấy hầu hết sinh viên cho là bản thân là yếu tố ảnh hưởng quan trọng nhất đến việc thực hiện văn minh học đường.

Yếu tố đầu tiên ảnh hưởng đến hành vi văn minh học đường là “ý thức tự giác”. Hầu hết sinh viên cho rằng, ý thức tự giác của mỗi người là quan trọng nhất, ảnh hưởng đến việc thực hiện hành vi văn minh học đường. Nếu mỗi người hiểu rõ về hành vi văn minh học đường và tự giác thực hiện thì sẽ tạo ra một môi trường học đường văn minh, lịch sự, không còn những hành vi thiếu chuẩn mực, bạo lực.

“Thói quen nếp sống” được sinh viên xếp thứ hai ảnh hưởng quan trọng đến văn minh học đường. Điều này cho thấy, môi trường sống ảnh hưởng lớn đến hành vi văn minh học đường của sinh viên. Rất nhiều bạn sinh viên đồng ý rằng, nhiều hành vi thiếu văn minh học đường hiện nay không phải là ý thức mấy bạn đó kém mà là do thói quen ảnh hưởng từ môi trường bạn ấy đã từng sống. Có nhiều bạn năm nhất khi bước vào đại học với môi trường mới, ban đầu vẫn có những thói quen cũ nhưng khi quen một thời gian thì bắt đầu nhận ra và thay đổi. Qua đây cũng cho thấy, việc tuyên

truyền, phổ biến những nội qui, kiến thức về hành vi văn minh học đường cho những bạn sinh viên mới vào trường rất quan trọng và cần được quan tâm hơn nữa.

Yếu tố ảnh hưởng quan trọng thứ ba đến việc thực hiện hành vi văn minh học đường theo đánh giá của sinh viên là “nhận thức của sinh viên”. Nhận thức đóng vai trò là yếu tố nền tảng, định hướng thái độ và hành vi của con người. Có nhận thức đầy đủ, rõ ràng, chính xác thì mới có thái độ đúng đắn và hành động phù hợp. Điều này khẳng định vai trò của nhận thức đối với những hành vi văn minh nói chung và hành vi văn minh học đường nói riêng.

Ý thức về giá trị bản thân được sinh viên đánh giá là cũng có ảnh hưởng lớn đến hành vi văn minh học đường. Điều này phản ánh phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi sinh viên khi sự tự ý thức về giá trị bản thân, sự tự giáo dục phát triển mạnh. Nếu mỗi sinh viên khi thực hiện hành vi văn minh học đường đều cảm thấy rằng, khi thực hiện hành vi ấy họ cảm thấy có ý nghĩa, có giá trị, được mọi người chú ý, khen ngợi thì những hành vi thể hiện sự văn minh, lịch sự khác sẽ được sinh viên tự giác thực hiện.

Một yếu tố quan trọng ảnh hưởng lớn đến hành vi văn minh học đường theo đánh giá của sinh viên là “sự làm gương của giảng viên, cán bộ lãnh đạo nhà trường..”. điều này cho thấy, hành vi của giảng viên vẫn ảnh hưởng rất lớn đến sinh viên. Vai trò của giảng viên vẫn quan trọng đối với sinh viên. Đó không chỉ là việc tiếp thu kiến thức mà liên quan đến cách giảng viên giao tiếp, ứng xử nơi giảng đường. Yếu tố này cần được quan tâm trong việc xây dựng văn minh học đường hiện nay.

“Dư luận xã hội” là cũng là yếu tố ảnh hưởng lớn đến hành vi văn minh học đường theo đánh giá của sinh viên. Theo suy nghĩ của các bạn sinh viên, mỗi khi thực hiện hành vi nào đó thì mỗi người luôn xem xét hành vi của mình có phù hợp không, mọi người phản ứng như thế nào. Việc phản ứng của dư luận sẽ làm thay đổi cách hành động của mỗi cá nhân. Khi dư luận xã hội lên tiếng mạnh mẽ thì các hành vi tiêu cực, lệch chuẩn, phi đạo đức sẽ giảm hoặc chấm dứt. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của dư luận đối với hành vi tiêu cực và cả tích cực đối với sinh viên và tất cả các thành viên trong trường.

Các yếu tố khách quan khác như nội qui nhà trường, truyền thống hà trường, quá trình hội nhập, hoạt động Đoàn Hội, công tác truyền thông, cơ sở vật chất lần lượt

được sinh viên đánh giá sau các yếu tố chủ quan. Có thể thấy, hầu hết sinh viên cho rằng các yếu tố ảnh hưởng lớn đến hành vi văn minh học đường phần lớn là do bản thân sinh viên rồi sau đó mới đến các yếu tố bên ngoài, khách quan.

Và tất cả các yếu tố này cũng được xem là những nguyên nhân của những hành vi tích cực và tiêu cực của sinh viên trong môi trường học đường.

2.4. Một số biện pháp giáo dục hành vi văn minh học đường cho sinh viên tại các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh

Trên cơ sở tổng hợp và khái quát thông tin thu thập được từ câu hỏi của phiếu điều tra, phỏng vấn sâu và qua quan sát, kết quả nhận định được các hướng biện pháp cụ thể như sau:

Giáo dục HVVMHĐ cho sinh viên trong nhà trường là giáo dục cho sinh viên một tinh thần tự ý thức, tự đánh giá và vai trò điều chỉnh cách ứng xử trong thực tiễn của mình.

1. Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các giá trị, chuẩn mực mà xã hội yêu cầu, giúp sinh viên nhận thức được những giá trị, chuẩn mực mà thời đại đang quan tâm và yêu cầu trong môi trường học đường. Cái chính yếu nhất là phải nêu cao các giá trị của văn minh học đường. Những khẩu hiệu tiên học lễ, hậu học văn, tôn sư trọng đạo, ...càng phải gìn giữ và nêu cao. Nhận thức là khâu đầu tiên, quan trọng ảnh hưởng đến việc hình thành những giá trị đạo đức, nhân cách con người, chỉ có hiểu biết đúng đắn đầy đủ các chuẩn mực đạo đức thì sinh viên mới có cơ sở thực hiện những hành vi phù hợp. thực tế đã chứng minh: nhận thức đúng luôn là kim chỉ nam cho hoạt động con người, là cơ sở để hình thành thái độ và hành vi văn minh. Ngược lại nhận thức sai lệch là nguyên nhân của những hành vi sai lệch.

2. Triển khai công tác giáo dục lối sống lành mạnh văn minh, thái độ sống tích cực cho sinh viên, coi đây là nhiệm vụ hàng đầu trong nhà trường. Ngày nay cùng với sự phát triển của xã hội, những giá trị, chuẩn mực, đặc biệt là các giá trị đạo đức đã và đang có những thay đổi theo nhiều chiều hướng khác nhau. Nhiều chuẩn mực, giá trị mới được hình thành, nhiều giá trị truyền thống được bổ sung và ít nhiều có sự thay đổi. Chính sự thay đổi đó đã gây ra rối loạn trong nhận thức của sinh viên. Nếu không có sự định hướng đúng, sinh viên dễ bị mất phương hướng trong việc lựa chọn các giá

trị phù hợp với yêu cầu của xã hội. Giáo dục lối sống cho sinh viên hướng vào việc làm cho sinh viên nhận thức một cách rõ ràng và đầy đủ những chuẩn mực giá trị truyền thống và hiện đại phù hợp, cái gì giữ gìn, cái gì cần bổ sung, tiếp thu để vừa phù hợp với con người Việt Nam nhưng không lỗi thời so với sự phát triển của nhân loại.

3. Phải xây dựng một tập thể sư phạm vững mạnh. Mỗi cán bộ giảng viên là tấm gương sáng cho sinh viên noi theo. Chính tấm gương người thật việc thật tác động trực tiếp đến tư tưởng, tình cảm của sinh viên, kích thích sinh viên làm theo. Phải kiên quyết chống bệnh thành tích, nhận thức đúng thực tế chất lượng dạy và học để khắc phục những điểm còn yếu kém.

4. Tổ chức và rèn luyện cho sinh viên thói quen hành vi phù hợp với những chuẩn mực xã hội và biến các hành vi ấy phải trở thành thói quen, thành ý thức thường trực trong cuộc sống hàng ngày. Những hiểu biết về chuẩn mực, giá trị truyền thống của dân tộc cũng như những giá trị, chuẩn mực mới của xã hội hiện đại là cơ sở tâm lý để rèn luyện những thói quen và hành vi phù hợp cho sinh viên. Để làm được điều đó, các nhà giáo dục phải biết cách tổ chức và đặt ra những yêu cầu cụ thể đó. Đồng thời, phải thường xuyên theo dõi, giám sát, kịp thời điều chỉnh những hành vi không phù hợp, chuyển hóa những hành vi tự phát thành hành vi ý thức tự giác. Thường xuyên tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động xã hội: các hoạt động về nguồn, đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người tàn tật, trẻ mồ côi... từ đó khơi dậy tinh thần vì cộng đồng, vì con người của sinh viên. Những hoạt động thường xuyên đó sẽ làm biến đổi nhận thức và hoạt động của sinh viên giúp cho họ thấy được trách nhiệm của mình trong việc tu dưỡng rèn luyện bản thân và tự giác hành động theo chuẩn mực chung của xã hội.

5. Cần có những giải pháp khắc phục mặt trái của nền kinh tế thị trường để tránh làm tổn hại đến thuần phong mỹ tục... tác động đến sinh viên. Tổ chức những sân chơi bổ ích, lành mạnh, thu hút sinh viên tham gia: các câu lạc bộ như câu lạc bộ thể dục thể thao, câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, câu lạc bộ khiêu vũ.....góp phần ngăn chặn và chống lại các tệ nạn xã hội đang có nguy cơ lây lan vào trường học. Cần làm cho sinh

viên tích cực đấu tranh chống những biểu hiện sai trái về đạo đức, trái với lối sống lành mạnh. Đề cao ý thức và hành động tự rèn luyện, tự hoàn thiện nhân cách của từng sinh viên.

Thành lập văn phòng tư vấn về các vấn đề trong đời sống của sinh viên như tình yêu, tình bạn, cung cách ứng xử trong các mối quan hệ...). văn phòng do Đoàn thanh niên phụ trách, mời các chuyên gia có uy tín và có kỹ năng tư vấn trong từng lĩnh vực . Có như vậy, đối tượng được tư vấn sẽ nghe theo, tin theo và làm theo. Thành lập một trang web về những hành vi vi phạm đạo đức, pháp luật, vi phạm các tiêu chí, chuẩn mực văn minh để sinh viên truy cập tìm hiểu.

6. Tăng cường xây dựng trật tự kỉ cương trong trường học. Xử lý nghiêm và công bằng những hành vi vi phạm nội qui, quy định của nhà trường sinh viên. Phối hợp chặt chẽ với gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục hành vi văn minh học đường cho sinh viên. Gia đình là môi trường xã hội đầu tiên giáo dục và hình thành cho sinh viên các chuẩn mực giá trị, đặc biệt là các chuẩn mực truyền thống về trách nhiệm, và nghĩa vụ của một con người, của một công dân, của một thành viên xã hội. Bên cạnh việc cung cấp các tri thức, nhà trường cần giáo dục cho sinh viên về giá trị, chuẩn mực cũng như các kỹ năng khác mà xã hội quan tâm. Khi mà việc giáo dục giá trị, chuẩn mực trong nhà trường được chú ý thì việc tôn sư trọng đạo, kính trên nhường dưới, ý thức chấp hành luật pháp, ý thức công dân của sinh viên sẽ được thực hiện tốt. Ở phạm vi xã hội, cần tạo nên một dư luận xã hội lành mạnh ủng hộ khuyến khích các hành vi mang tính văn minh, thể hiện được các giá trị cao đẹp của con người, và lên án mạnh mẽ các hành vi mang tính phi đạo đức, lệch chuẩn của sinh viên. Khi dư luận xã hội lên tiếng mạnh mẽ thì các hành vi lệch chuẩn, phi đạo đức sẽ giảm hoặc chấm dứt.

7. Tăng cường trang bị cơ sở vật chất kĩ thuật để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên thực hiện hành vi văn minh học đường một cách tốt nhất. Thực tế cho thấy, cơ sở vật chất của nhà trường khang trang thì có tác động tích cực tới việc thực hiện hành vi văn minh của mỗi người học.

8. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện các quy định về văn minh học đường, nếp sống văn hóa nơi giảng đường để hình thành thói quen thực hiện hành vi văn minh cho sinh viên. Xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm và có hình thức tuyên dương, khích lệ kịp thời những cá nhân, tập thể thực hiện tốt những quy định đã đề ra.

9. Kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục đạo đức cho sinh viên. Việc coi nhẹ bất kỳ một yếu tố nào cũng đều làm suy giảm hiệu quả của việc giáo dục sinh viên.

Giáo dục hành vi văn minh học đường có vai trò to lớn trong việc hình thành và phát triển nhân cách sinh viên. Trong tình hình hiện nay, vấn đề giáo dục hành vi văn minh cho sinh viên trở thành nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và cấp bách. Đây là một việc làm có tính chất lâu dài và không hề đơn giản trước làn sóng của thời kì hội nhập và cơ chế thị trường. tuy nhiên nếu biết xác định đúng và biết sử dụng hợp lý các biện pháp cùng với sự chung tay của cả cộng đồng thì chúng ta hoàn toàn có thể đạt được mục tiêu đề ra.

Tiểu kết chương 2

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng hành vi văn minh học đường của sinh viên, ta thấy đa số sinh viên được khảo sát đều nhận thấy tầm quan trọng của hành vi văn minh học đường đối với bản thân và với môi trường học tập.

Sinh viên có nhận thức rõ ràng về hành vi văn minh văn minh học đường trong mối quan hệ học tập, giao tiếp xã hội và phát triển bản thân. Bên cạnh việc nhấn mạnh đến các hành vi liên quan đến các giá trị truyền thống, sinh viên cũng nhận thấy tầm quan trọng của các hành vi liên quan đến giá trị đương đại.

Sinh viên biểu hiện thái độ đối với các hành vi văn minh học đường khá tích cực, đặc biệt các hành vi liên quan đến các giá trị truyền thống.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, đa số sinh viên lựa chọn các hành vi ứng xử tích cực. Tuy nhiên bên cạnh đó, sinh viên vẫn còn chứng kiến các hành vi tiêu cực diễn ra nơi giảng đường.

Có sự khác biệt trong nhận thức, thái độ và biểu hiện bên hành vi văn minh học đường của sinh viên theo trường học, giới tính và năm học.

Qua cuộc khảo sát cũng cho thấy, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hành vi văn minh học đường của sinh viên trong đó quan trọng nhất là yếu tố bản thân sinh viên.

Có nhiều biện pháp tác động nhằm giáo dục nhận thức, thái độ và biểu hiện hành vi văn minh học đường cho sinh viên.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Việc tìm hiểu thực trạng hành vi văn minh học đường của sinh viên tại một số trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay khi xã hội đang có nhiều sự thay đổi, trong đó có giáo dục là điều hết sức cần thiết.

Từ các kết quả nghiên cứu thu được, có thể rút ra một số kết luận sau:

1.1. Về lý luận

Hành vi là biểu hiện bên ngoài của hoạt động, là sự thể hiện nhận thức, thái độ và động cơ của chủ thể thông qua những hành động cụ thể.

Hành vi văn minh là ứng xử mang tính ý thức cao của chủ thể, phù hợp với các giá trị, chuẩn mực của xã hội hiện đại thể hiện qua những hành động cụ thể. Hành vi văn minh văn minh học đường là hành vi thể hiện ý chí của cá nhân trong việc bộc lộ giá trị xã hội của chính mình, là những hành động được xã hội mong đợi, phản ánh mức độ hiểu biết của cá nhân và thể hiện trình độ phát triển về các đặc điểm tâm lý - xã hội của chính cá nhân đó.

Hành vi văn minh học đường của sinh viên là ứng xử mang tính ý thức cao của sinh viên, phù hợp với các giá trị, chuẩn mực của xã hội hiện đại, thể hiện trong học tập, giao tiếp xã hội và phát triển bản thân.

Hành vi văn minh học đường của sinh viên chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, cả chủ quan và khách quan. Chính vì thế, trong các biện pháp giáo dục cần tập trung tác động vào nhận thức, tình cảm và ý chí của sinh viên để họ tự điều chỉnh, tự giác thực hiện hành vi của mình.

Việc hình thành hành vi văn minh học đường từ các yếu tố bên trong kết hợp với cơ sở vật chất bên ngoài thì mới tạo nên được môi trường sư phạm tích cực và hiệu quả.

1.2. Về thực tiễn

Đa số sinh viên đã có nhận thức, thái độ rõ ràng về hành vi văn minh học đường. Đã có biểu hiện hành vi văn minh học đường cụ thể. Thực trạng này chứng

minh giả thuyết người nghiên cứu đưa ra là đúng. Tuy nhiên bên cạnh đó còn một bộ phận sinh viên chưa quan tâm đúng mức đến hành vi văn minh học đường.

Có sự khác biệt trong nhận thức, thái độ và biểu hiện bên ngoài của sinh viên về một số hành vi văn minh học đường theo giới tính, trường học và năm học. Điều này phù hợp với giả thuyết của người nghiên cứu đặt ra.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hành vi văn minh học đường của sinh viên, trong đó các yếu tố liên quan đến bản thân sinh viên là quan trọng nhất.

Để thúc đẩy sinh viên thực hiện hành vi văn minh học đường, cần chú trọng thực hiện các biện pháp kích thích sau:

- Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục nhận thức, thái độ và động cơ cho sinh viên hành vi văn minh học đường.

- Ban hành các nội quy cụ thể, rõ ràng về việc thực hiện hành vi văn minh trong nhà trường.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát của cán bộ quản lý nhà trường.

- Trang bị cơ sở vật chất và phương tiện phù hợp

- Nghiêm khắc trong việc xử phạt các hành vi vi phạm những quy định văn minh học đường.

- Kết hợp nhiều lực lượng để kích thích, thúc đẩy sinh viên thực hiện hành vi văn minh học đường.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và đào tạo

Cần xây dựng cho được mô hình trường học văn minh với các tiêu chí cụ thể; xây dựng mô hình nhân cách sinh viên chuẩn mực trong thời kì hiện đại để từ đó làm cơ sở định hướng việc giáo dục cho sinh viên.

Chú trọng giáo dục các giá trị xã hội nhân văn, đạo đức, kỹ năng sống cho sinh viên, tạo sự cân bằng hài hòa giữa thang giá trị xã hội và thang giá trị cá nhân.

Chính thức hóa yêu cầu về những hành vi văn minh học đường bằng các văn bản cụ thể.

2.2. Đối với các trường đại học

Cần quan tâm nhiều hơn nữa đến việc triển khai công tác giáo dục, truyền thông về các hành vi văn minh học đường để đảm bảo sinh viên có định hướng đúng đắn tích cực trong hành vi ứng xử.

Trong từng trường cần xây dựng các quy định, nội qui về việc thực hiện hành vi văn minh học đường một cách cụ thể, rõ ràng.

Có thể áp dụng nhiều biện pháp tác động trong quá trình giáo dục sinh viên về văn minh học đường hay hành vi văn minh học đường, đặc biệt lồng ghép vào chương trình giáo dục chính trị đầu năm.

Cần quan tâm giáo dục hành vi văn minh học đường cho sinh viên năm nhất thường xuyên hơn nữa để từng sinh viên có nhận thức, thái độ rõ ràng và biểu hiện hành vi văn minh học đường tích cực.

Cần thực hiện công tác giáo dục hành vi văn minh học đường cho sinh viên bằng nhiều hình thức, đa dạng, phong phú và hấp dẫn, phù hợp với điều kiện của từng trường cũng như của từng khoa, từng ngành nghề đào tạo, đặc biệt cần chú trọng đến nhu cầu, nguyện vọng, sở thích và mong đợi của sinh viên.

Tăng cường giám sát, xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm các chuẩn mực, nếp sống, qui định về văn minh học đường.

Từng trường cần xây dựng các tiêu chí hành vi văn minh nơi học đường; có chiến lược cụ thể, rõ ràng hơn trong việc quản lý, thực thi, giám sát việc giáo dục hành vi văn minh học đường cho sinh viên.

Tổ chức nhiều phong trào, chương trình thi đua, tìm hiểu về văn minh học đường.

2.3. Đối với các tổ chức Đoàn Hội

Đoàn thanh niên – Hội sinh viên cần thúc đẩy những phong trào, hoạt động về giáo dục hành vi văn minh học đường cho sinh viên.

Xây dựng các chương trình giáo dục nhận thức, thái độ và kỹ năng thực hành xã hội theo hướng đẩy mạnh thực hiện các hành vi văn minh học đường.

Đề xuất các qui định về việc thực hiện hành vi văn minh học đường trong từng chi Đoàn lớp, xem đây là một tiêu chí để xếp loại chi Đoàn hàng năm.

2.4. Đối với gia đình và xã hội

Gia đình vẫn là nền tảng trong việc định hướng, giáo dục cho sinh viên về các hành vi ứng xử trong cuộc sống. Gia đình cần quan tâm giáo dục, hình thành cho sinh viên các chuẩn mực, giá trị phù hợp với yêu cầu của xã hội, giúp sinh viên phân biệt ranh giới giữa việc đúng và sai, giữa cái được làm, phải làm, nên làm và cái không được phép làm, không nên làm, đâu là tốt đâu là xấu.

Xã hội cần đưa ra một chuẩn giá trị hợp lý hướng đến các giá trị chân thiện mỹ chứ không phải chuẩn của bất kì cá nhân nào hay xu hướng nào để điều chỉnh hành vi của con người nói chung và sinh viên nói riêng. Dư luận xã hội cần tập trung lên án những hành vi tiêu cực, sai lệch chuẩn mực của cộng đồng xã hội, khuyến khích, ủng hộ, tuyên dương những hành vi, nghĩa cử cao đẹp, nhân văn.

2.5. Đối với bản thân sinh viên

Sinh viên cần xây dựng mục tiêu học tập và rèn luyện cụ thể cho bản thân. Cần nêu cao ý thức tự giác học tập, tự giáo dục, tự tu dưỡng rèn luyện bản thân. Tự bản thân mỗi sinh viên ý thức tự giác chấp hành các nội quy của nhà trường, thực hiện những hành vi phù hợp với các chuẩn mực, giá trị của xã hội, coi đó là những mục tiêu phấn đấu để hoàn thiện bản thân, chuẩn bị vững vàng cho cuộc sống tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Hoàng Anh (2007), *Thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên sư phạm Tp.HCM*, Đại học sư phạm TP.HCM.
2. Huỳnh Công Bá (2008), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa.
3. B. R. Hergenhahm (2003), *Nhập môn tâm lý học*, Nxb Thống kê.
4. Nguyễn Ngọc Bích (1988), *Tâm lý học nhân cách – một số vấn đề lý luận*, Nxb Giáo Dục.
5. Võ Thị Minh Chí (2008), “Từ góc độ lý luận bàn về việc giáo dục đạo đức cho sinh viên”, *Hội thảo khoa học tâm lý – giáo dục toàn quốc*.
6. Nguyễn Như Chiến (2009), *Nghiên cứu hành vi chấp hành luật giao thông đường bộ của học sinh Trung học cơ sở khi tham gia giao thông*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học.
7. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Phúc (2003), *Mấy vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia.
8. Vũ Dũng (chủ biên) (2000), *Từ điển Tâm lý học*, Nxb Khoa học Xã hội.
9. Vũ Dũng (2008), “Hành vi lệch chuẩn của thanh thiếu niên hiện nay và vấn đề đặt ra trong giáo dục đạo đức”, *Hội thảo khoa học tâm lý giáo dục toàn quốc*.
10. Đinh Phương Duy (2009), *Tâm lý Học*, Nxb Giáo Dục Hà Nội.
11. Đinh Phương Duy, Nguyễn Sĩ Nồng (2012), *Xây dựng nếp sống thị dân ở thành phố hồ chí minh*, Đề tài cấp TP, Sở Khoa học và công nghệ TP.HCM.
12. Nguyễn Văn Đồng (2009), *Tâm lý học giao tiếp*, Nxb Chính trị hành chính.
13. Lưu Song Hà (2008), *Cách thức cha mẹ quan hệ với con cái và hành vi lệch chuẩn của trẻ*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
14. Phạm Minh Hạc (1989), *Hành vi và hoạt động*, Nxb Giáo dục.
15. Phạm Minh Hạc (1999), *Tuyển tập tâm lý học*, Nxb Giáo dục.
16. Phạm Minh Hạc (2010), *Biên dịch và giới thiệu một số công trình tâm lý học của Leonchiev*, Nxb Giáo dục.

17. Phạm Minh Hạc (2010), *Một số vấn đề giáo dục Việt Nam đầu thế kỉ XXI*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
18. Vũ Gia Hiền (2006), *Tâm lý học hành vi*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
19. Nguyễn Khắc Hùng (chủ biên) (2011), *Văn hóa và Văn hóa học đường*, Nxb Thanh niên.
20. Đỗ Huy (2001), *Xây dựng môi trường văn hóa ở nước ta hiện nay từ góc nhìn giá trị học*, Nxb Văn hóa thông tin.
21. Thanh Lê (2000), *Văn hóa và lối sống*, Nxb Thanh niên.
22. Đỗ Long (chủ biên) (2007), *Những nghiên cứu tâm lý học*, Nxb Chính trị quốc gia.
23. Trần Thị Thu Mai (2008), *Tài liệu bài giảng tâm lý học phát triển*, Đại Học Sư Phạm TP.HCM.
24. Phan Trọng Ngọ, Nguyễn Đức Hương (2003), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
25. Vũ Thị Nho (2003), *Tâm lý học phát triển*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
26. Paul Hersey – Ken Blanc Hard (2002), *Quản trị hành vi tổ chức*, Nxb Thống kê.
27. Hoàng Phê (2002), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
28. Nguyễn Ngọc Phú (2006), *Lịch sử tâm lý học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
29. Rudich.P.A (1986), *Tâm lý học*, Nxb Thể dục thể thao.
30. Huỳnh Văn Sơn, Trần Thị Thu Mai, Nguyễn Thị Tú (2012), *Giáo trình Tâm lý học Giáo dục đại học*, Nxb Đại học Sư Phạm Tp.HCM.
31. Lê Hữu Tầng (2011), *Thành tố văn minh trong mục tiêu chung của toàn dân tộc, Trung tâm văn hóa học lý luận và ứng dụng*, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
32. Nguyễn Thạc (chủ biên), Phạm Thành Nghị (2008), *Tâm lý học sư phạm đại học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
33. Dương Thiệu Tống (2005), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý*, Nxb Khoa học xã hội.

34. Dương Thiệu Tống (2005), *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập – phương pháp thực hành*, Nxb Khoa học xã hội.
35. Nguyễn Xuân Thúc (2006), *Giáo trình tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học sư phạm.
36. Lê Thị Linh Trang (2013), *Hành vi văn minh đô thị của thanh niên*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội.
37. Mạc Văn Trang (1995), *Đặc điểm của lối sống sinh viên hiện nay và những phương pháp, biện pháp giáo dục*, Hà Nội.

Tiếng Anh:

38. Adrian D. Pearson (2010), *Media influence on deviant behavior in middle school*, North Carolina University.
39. Ahmed A L Mahbub Uddin (2009), *Weber's perspective on the city and culture*, Forhdam University, USA.
40. Anton Chekhov (2010), *A Life in Letters*, Goodreads USA.
41. Cambrige University (2012), *Facilitating social behavior for young people*, Department of Education.
42. Chales Zastrow - Karen K. Kirst – Ashman (1997), *Understanding Human Behavior and the Social Environment*, Nelson - Hall Publishers – Chicago.
43. Cigdem Apaydin, Munise Seckin (2013), *Civilized and uncivilized in the class room - An example from the teacher and student from the second stage of primary education*, Education Consultancy and Research Center.
44. Fred Dretske (1986), *Explaining behavior*, Massachusetts Institute of Technology
45. Freedenthal. S(2006), *Suicidal Behavior in Urban American Indian*”, Ht. press USA.
46. Jonh M. Ivancevich - Michael T. Matteson (1987), *Organizational Behavior and Management*, Homewood IL Boston.
47. Keith Thomas (1978), *toward civilized behavior*, Pediatrics USA.

48. Keely Swanson, Paul Caldarella, Richard Young (2008), *Civility in schools: An Emerging Paradigm for behavioral problem and school violence*, Brigham young university.
49. Liabo CKristin, Joana Richardson (2008), *Conduct Disorder and Offending Behavior in Young People*, Boston University Magazine.
50. Locher and Hey (1997), *The development of aggressive behavior in young people*, Western Pshychitric Insitute.
51. Luciana Hold Forth (1993), *The case of civilized behavior in a barbarous world*, Plat Kus Publishers.
52. Michael Rulter (1998), *What do we mean by "Antisocial behavior" and "Young people"*, Cambrige University Press.
53. Ralph S. Marston, Jr. (2004), *Civilized behavior*, Daily Motivator USA.
54. Robert L. Berger, Ronald C. Federico, James T. McBreen (1991), *Human Behavior-third Edition*, Longman publishing
55. Spiros Tzelepis (1997), *According to youth Risk behavior servey*, Assosiate of Psychology, USA.
56. Sydney morgan d'angelo (2002), *rules for civilized behavior*, Iuniverse publisher.
57. S.E Mc Kinney (2005), *Managing Student Behavior in Urban Classroom – The role of Teacher*, Taylor & Francis Ltd Publisher.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

BIÊN BẢN PHỎNG VẤN

1. Thời gian.....
2. Địa điểm
3. Nội dung
4. Người được phỏng vấn
5. Kết quả.....

NỘI DUNG PHỎNG VẤN:

1. Bạn có nắm rõ quy định của nhà trường về thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh không?
2. Theo bạn văn minh học đường có quan trọng với sinh viên không? Vì sao?
3. Bạn suy nghĩ gì về việc học của sinh viên hiện nay?
4. Nhận thức của bạn về việc học tập như thế nào? Của những bạn khác thì như thế nào?
5. Bạn đánh giá ứng xử của sinh viên ở trường như thế nào?
6. Bạn quan tâm nhất những hành vi vào của sinh viên ở trường hiện nay?
7. Theo bạn tại sao tình trạng đi học trễ có xu hướng diễn ra ngày càng nhiều trong sinh viên?
8. Tình trạng nói chuyện, làm việc riêng trong giờ học nguyên nhân từ đâu?
9. Bạn thấy tình trạng bỏ tiết, cúp học của sinh viên bây giờ như thế nào?
10. Động cơ nào thúc đẩy khi bạn thực hiện hành vi văn minh nơi học đường?
11. Trong các yếu tố ảnh hưởng đến văn minh học đường, bạn nghĩ yếu tố nào quan trọng nhất?
12. Theo bạn tại sao vẫn còn những hành vi tiêu cực trong trường học?

PHỤ LỤC 2

BIÊN BẢN QUAN SÁT 1

1. Thời gian quan sát từ 7h30, ngày 17/5/2014
2. Địa điểm quan sát:
Tại phòng D012 trong tiết học TL, trường đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn
3. Đối tượng quan sát: sinh viên năm nhất, khoa giáo dục học
4. Nội dung quan sát: hành vi “đi học đúng giờ”
6h45: có 5 sinh viên trong lớp
6h50: thêm 10 sinh viên vào lớp
7h00: chuông reo giờ học bắt đầu
7h5: trong lớp chưa có giảng viên và đã có khoảng 2/3 sinh viên
7h8: giảng viên có mặt và sinh viên đi theo nhóm từ từ vào lớp
7h15: có 2 sinh viên đi vào, giảng viên bắt đầu giảng bài
7h20: 3 sinh viên nam và 1 sinh viên nữ vào lớp và ngồi hàng ghế cuối lớp
7h23: 1 sinh viên nam vào lớp
7h25: 1 sinh viên nam vào lớp
7h30: có 3 sinh viên vào lớp
7h42: quan sát kết thúc

BIÊN BẢN QUAN SÁT 2

1. Thời gian quan sát từ 7h30, ngày 22/5/2014
2. Địa điểm quan sát: Khuôn viên ngồi tự học của trường
3. Đối tượng quan sát: Sinh viên khoa sư phạm kỹ thuật,
4. Nội dung quan sát: Hành vi “bỏ rác vào thùng”
8h00: Có một nhóm sinh viên đến ngồi và làm bài tập
8h15: Một số sinh viên bỏ đồ ăn sáng và nước uống ra
8h30: Số lượng sinh viên đến ngồi học nhóm và tự học ngày càng tăng
9h00: Một vài nhóm đi vào tiết học nhưng để lại đồ ăn dư và nước uống trên bàn, có một số thì mang theo

9h15: Có hai sinh viên nữ đến bàn đó ngồi, thấy rác thì dục xuống đất, lấy khăn giấy lau bàn.

9h19: Một sinh viên nam đến ngồi tự học

9h30: Bỏ đi và mang theo đồ đã uống hết bỏ vào thùng rác phía trước

10h: Hai chị lao công đi dọn dẹp rác mà sinh viên để lại.

10h10: Quan sát kết thúc

PHỤ LỤC 3

PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN

Nhằm tìm hiểu về hành vi văn minh học đường của sinh viên ở các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh, rất mong muốn nhận được ý kiến chân thành của các bạn về các vấn đề dưới đây. Những thông tin thu được chúng tôi chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu đề tài. **Xin chân thành cảm ơn!**

Câu 1: Bạn là sinh viên trường:

1. Đại học Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn
2. Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật

Câu 2. Giới tính của bạn: 1. Nam 2. Nữ

Câu 3. Bạn đang là sinh viên: 1. Năm 1 2. Năm 2 3. Năm 3

Câu 4: Nơi thường trú: 1. Thành phố 2. Thị trấn 3. Nông thôn

NỘI DUNG CÂU HỎI

Câu 5. Bạn có biết về văn minh học đường không?

1. Không biết gì 2. Không rõ lắm 3. Bình thường
4. Tương đối rõ 5. Rất rõ

Câu 6. Xin vui lòng cho biết **mức độ hiểu biết** của bạn về các hành vi sau với 5 mức độ là: *1- Không biết gì; 2- Không rõ lắm; 3- Bình thường 4 - Tương đối rõ; 5 - Rất rõ*, hãy đánh dấu **X** vào lựa chọn của bạn.

Hành vi	Nhận thức				
	1	2	3	4	5
Hành vi thể hiện trong học tập					
1. Đi học đúng giờ	1	2	3	4	5
2. Học đủ tiết	1	2	3	4	5
3. Trung thực trong thi cử	1	2	3	4	5
4. Tập trung trong giờ học	1	2	3	4	5
Hành vi thể hiện trong giao tiếp xã hội					
5. Tôn trọng mọi người	1	2	3	4	5

6. Giúp đỡ người khác khi cần	1	2	3	4	5
7. “Cám ơn” khi nhận được sự giúp đỡ	1	2	3	4	5
8. “Xin lỗi” khi có lỗi hoặc khi làm phiền người khác	1	2	3	4	5
9. Bỏ rác đúng nơi quy định	1	2	3	4	5
10. Tiết kiệm điện nước	1	2	3	4	5
Hành vi thể hiện trong phát triển bản thân					
11. Trang phục phù hợp	1	2	3	4	5
12. Giao tiếp lịch sự chuẩn mực	1	2	3	4	5
13. Nhường nhịn xếp hàng khi lên xuống cầu thang	1	2	3	4	5

Câu 7. Theo bạn, văn minh học đường có quan trọng với sinh viên không?

1. Không quan trọng 2. Ít quan trọng 3. Bình thường
4. Quan trọng 5. Rất quan trọng

Câu 8. Bạn biết về hành vi văn minh học đường qua nguồn thông tin nào? (Có thể chọn nhiều trả lời)

1. Qua nội quy của trường 4. Qua các phương tiện truyền thông
2. Qua tham gia sinh hoạt Đoàn Hội 5. Qua nguồn thông tin khác
3. Qua bạn bè, thầy cô

Câu 9. Xin vui lòng cho biết thái độ của bạn về những hành vi văn minh học đường sau với 5 mức độ là: 1- Hoàn toàn không đồng ý; 2- Không đồng ý; 3 - Phân vân; 4 - Đồng ý; 5 – Rất đồng ý, hãy dấu X vào lựa chọn của bạn.

Hành vi	Thái độ				
	1	2	3	4	5
Hành vi thể hiện trong học tập					
1. Đi học đúng giờ	1	2	3	4	5
2. Học đủ tiết	1	2	3	4	5
3. Trung thực trong thi cử	1	2	3	4	5
4. Tập trung trong giờ học	1	2	3	4	5
Hành vi thể hiện trong giao tiếp xã hội					

5. Tôn trọng mọi người	1	2	3	4	5
6. Giúp đỡ người khác khi cần	1	2	3	4	5
7. “Cám ơn” khi nhận được sự giúp đỡ	1	2	3	4	5
8. “Xin lỗi” khi có lỗi hoặc khi làm phiền người khác	1	2	3	4	5
9. Bỏ rác đúng nơi quy định	1	2	3	4	5
10. Tiết kiệm điện nước	1	2	3	4	5
Hành vi thể hiện trong phát triển bản thân					
11. Trang phục phù hợp	1	2	3	4	5
12. Giao tiếp lịch sự, chuẩn mực	1	2	3	4	5
13. Nhường nhịn, xếp hàng khi lên xuống cầu thang	1	2	3	4	5

Câu 10. Vui lòng cho biết động cơ thực hiện hành vi văn minh học đường của bạn
(đánh số từ 1 đến 7 thứ tự ưu tiên)

Động cơ	Thứ tự
1. Thích thì làm	
2. Tự giác thực hiện	
3. Thấy đúng thì làm	
4. Để không bị người khác chê trách	
5. Vì nội quy của trường quy định	
6. Để khẳng định giá trị bản thân	
7. Thấy mọi người làm vậy làm theo	

Câu 11. Những hành vi nào sau đây mà bạn vẫn **hay thực hiện nơi trường học** với 5 mức độ: *1–Không bao giờ ; 2–Hiếm khi; 3- Thỉnh thoảng; 4 -Thường xuyên; 5–Rất thường xuyên*, hãy đánh dấu **X** vào lựa chọn của bạn.

Hành vi	Mức độ Biểu hiện				
	1	2	3	4	5
Hành vi thể hiện trong học tập					

1. Đi học đúng giờ	1	2	3	4	5
2. Học đủ tiết	1	2	3	4	5
3. Trung thực trong thi cử	1	2	3	4	5
4. Tập trung trong giờ học	1	2	3	4	5
Hành vi thể hiện trong giao tiếp xã hội					
5. Tôn trọng mọi người	1	2	3	4	5
6. Giúp đỡ người khác khi cần	1	2	3	4	5
7. “Cám ơn” khi nhận được sự giúp đỡ	1	2	3	4	5
8. “Xin lỗi” khi có lỗi hoặc khi làm phiền người khác	1	2	3	4	5
9. Bỏ rác đúng nơi quy định	1	2	3	4	5
10. Tiết kiệm điện nước	1	2	3	4	5
Hành vi thể hiện trong phát triển bản thân					
11. Trang phục phù hợp	1	2	3	4	5
12. Giao tiếp lịch sự chuẩn mực	1	2	3	4	5
13. Nhường nhịn xếp hàng khi lên xuống cầu thang	1	2	3	4	5

Câu 12. Những hành vi nào chưa phù hợp với văn minh học đường mà bạn vẫn thấy đang còn tồn tại trong sinh viên với 5 mức độ là: **1 - Hoàn toàn không; 2 - Hiếm khi; 3 - Đôi khi; 4 - Nhiều; 5 - Rất nhiều**, hãy đánh dấu **X** vào lựa chọn của bạn.

Hành vi chưa phù hợp	Mức độ biểu hiện				
	1	2	3	4	5
1. Nói xấu thầy cô, bạn bè	1	2	3	4	5
2. Đi học trễ, bỏ tiết, nghỉ học	1	2	3	4	5
3. Nói tục, chửi thề, sử dụng từ lóng	1	2	3	4	5
4. Chung diện quá mức, ăn mặc không phù hợp	1	2	3	4	5
5. Nói chuyện riêng, ồn ào trong lớp học	1	2	3	4	5
6. Xả rác, khạc nhổ bừa bãi	1	2	3	4	5
7. Thiếu tôn trọng thầy cô, bạn bè	1	2	3	4	5
8. Gian lận, mưu mọo trong thi cử	1	2	3	4	5

9. Chen lán, xô đẩy khi lên xuống cầu thang	1	2	3	4	5
---	---	---	---	---	---

Câu 13. Theo bạn tại sao vẫn còn nhiều hành vi không phù hợp của sinh viên trong trường học vậy? (có thể chọn nhiều trả lời)

1. Do cơ sở vật chất chưa tốt
2. Do ảnh hưởng của lối sống hội nhập
3. Do thói quen, nếp sống
4. Do công tác tổ chức, quản lý còn nhiều bất cập, chưa có sự quan tâm đúng mức
5. Do ý thức của sinh viên chưa tốt
6. Lý do khác (nêu rõ).....

Câu 14. Khi gặp những tình huống sau, đâu là cách chọn lựa ứng xử của bạn?

A/ Khi một giám thị coi thi có vẻ dễ tính, bạn thường:

1. Tranh thủ xem tài liệu khi có cơ hội
2. Tự nhủ dù thế nào cũng phải cố gắng nghiêm túc khi thi cử
3. Xem xét tình hình xung quanh và có quyết định hợp lý

B/ Trong học tập, khi được giao một công việc của nhóm với thời hạn khá gấp, bạn không hoàn thành đúng hạn, bạn thường:

1. Xin lỗi và nỗ lực hoàn thành càng sớm càng tốt
2. Giải thích và tiếp tục làm với tốc độ hiện có
3. Mặc kệ, miễn là không ảnh hưởng tới mình

C/ Khi đi trễ một buổi học, bạn thường:

1. Xin lỗi và trình bày lý do
2. Khéo léo bước vào và nhẹ nhàng tìm chỗ ngồi
3. Đi thẳng vào lớp, không cần để ý đến ai

D/ Khi không may gây ra lỗi lầm, bạn thường?

1. Chủ động đến xin lỗi trước, tìm cách khắc phục hậu quả
2. Lý giải, biện hộ cho bản thân
3. Né tránh đối diện với sự việc

E/ Khi thấy một người đang phá hoại hoặc lấy trộm tài sản của trường, bạn thường?

1. Tìm cách ngăn cản họ
2. Mong đợi ai đó sẽ nhắc nhở họ
3. Mặc kệ vì chẳng liên quan gì đến bản thân

Câu 15. Theo bạn, **từng yếu tố sau đây có tác động như thế nào** đối với hành vi văn minh học đường của sinh viên với 5 mức độ: **1 - Rất ít; 2-Ít; 3 - Trung bình, 4 - Nhiều; 5-Rất nhiều, hãy đánh X vào lựa chọn của bạn.**

Yếu tố	Mức ảnh hưởng				
	1	2	3	4	5
1. Ý thức tự giác của sinh viên	1	2	3	4	5
2. Thói quen	1	2	3	4	5
3. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi sinh viên	1	2	3	4	5
4. Ý thức giá trị bản thân của sinh viên	1	2	3	4	5
5. Bất chước	1	2	3	4	5
6. Công tác truyền thông	1	2	3	4	5
7. Sinh hoạt Đoàn Hội	1	2	3	4	5
8. Tác động của dư luận xã hội	1	2	3	4	5
9. Điều kiện cơ sở vật chất	1	2	3	4	5
10. Nội qui của nhà trường	1	2	3	4	5
11. Quá trình hội nhập kinh tế, văn hoá	1	2	3	4	5
12. Nhận thức của sinh viên về văn minh học đường	1	2	3	4	5
13. Truyền thống nhà trường	1	2	3	4	5
14. Làm gương của giáo viên, CBCNV nhà trường	1	2	3	4	5

Câu 16. Vui lòng cho biết ý kiến của bạn về giải pháp để cải thiện hành vi văn minh học đường của sinh viên theo hướng tích cực với 5 mức độ là: **1 - Hoàn toàn không đồng ý; 2 - Không đồng ý; 3 - Phân vân; 4 - Đồng ý; 5 - Rất đồng ý**, hãy đánh dấu **X** vào lựa chọn của bạn.

Ý kiến	Mức độ				
	1	2	3	4	5
1. Giáo dục qua hoạt động ngoại khoá, phong trào	1	2	3	4	5
2. Dạy thành một môn học chuyên biệt	1	2	3	4	5
3. Lồng ghép vào các môn học	1	2	3	4	5
4. Nói chuyện và báo cáo chuyên đề	1	2	3	4	5
5. Tuyên dương và khen thưởng những hành vi, cử chỉ cao đẹp nơi giảng đường	1	2	3	4	5
6. Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục qua các phương tiện thông tin	1	2	3	4	5
7. Hoàn thiện cơ sở vật chất	1	2	3	4	5
8. Cần có những chế tài với những sinh viên vi phạm	1	2	3	4	5
9. Kết hợp với gia đình và xã hội thúc đẩy thực hiện văn minh nơi giảng đường	1	2	3	4	5
10. Cần có sự đôn đốc, nhắc nhở, xử lý kịp thời từ những người có trách nhiệm	1	2	3	4	5

Xin chân thành cảm ơn và chúc bạn học tập tốt!

PHỤ LỤC 4**Sinh viên trường**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Xa hoi nhan van su pham ki thuat	193	50.0	50.0	50.0
Total	386	100.0	100.0	100.0

Gioi tinh

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid nam	174	45.1	45.1	45.1
d nu	212	54.9	54.9	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Nam hoc

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid nam 1	128	33.2	33.2	33.2
nam 2	131	33.9	33.9	67.1
nam 3	127	32.9	32.9	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Nhan thuc chung cua sinh vien ve van minh hoc duong

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong biet gi	35	9.1	9.1	9.1
khong ro lam	137	35.5	35.5	44.6
binh thuong	146	37.8	37.8	82.4
tuong doi ro rat ro	60	15.5	15.5	97.9
Total	386	100.0	100.0	100.0

NT trang phục phù hợp

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	khong biet gi	3	.8	.8	.8
	khong ro lam	7	1.8	1.8	2.6
	binh thuong	52	13.5	13.5	16.1
	tuong doi ro	132	34.2	34.2	50.3
	rat ro	192	49.7	49.7	100.0
	Total	386	100.0	100.0	

NT giao tiếp lịch sử

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	khong biet gi	1	.3	.3	.3
	khong ro lam	2	.5	.5	.8
	binh thuong	40	10.4	10.4	11.1
	tuong doi ro	147	38.1	38.1	49.2
	rat ro	196	50.8	50.8	100.0
	Total	386	100.0	100.0	

NT đi học đúng giờ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	khong biet gi	4	1.0	1.0	1.0
	khong ro lam	5	1.3	1.3	2.3
	binh thuong	75	19.4	19.4	21.8
	tuong doi ro	127	32.9	32.9	54.7
	rat ro	175	45.3	45.3	100.0
	Total	386	100.0	100.0	

NT trong thi cử

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	khong biet gi	1	.3	.3	.3
	khong ro lam	12	3.1	3.1	3.4

binh thuong	42	10.9	10.9	14.2
tuong doi ro	102	26.4	26.4	40.7
rat ro	229	59.3	59.3	100.0
Total	386	100.0	100.0	

NT tap trung trong gio hoc

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong biet gi	2	.5	.5	.5
khong ro lam	12	3.1	3.1	3.6
binh thuong	97	25.1	25.1	28.8
tuong doi ro	153	39.6	39.6	68.4
rat ro	122	31.6	31.6	100.0
Total	386	100.0	100.0	

NT ton trong nguoi khac

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong biet gi	3	.8	.8	.8
khong ro lam	4	1.0	1.0	1.8
binh thuong	25	6.5	6.5	8.3
tuong doi ro	96	24.9	24.9	33.2
rat ro	258	66.8	66.8	100.0
Total	386	100.0	100.0	

NT giup thay co ban be khi can

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong biet gi	1	.3	.3	.3
khong ro lam	6	1.6	1.6	1.8
binh thuong	38	9.8	9.8	11.7
tuong doi ro	134	34.7	34.7	46.4
rat ro	207	53.6	53.6	100.0
Total	386	100.0	100.0	

NT cam on khi nhan duoc giup do tu nguoi khac

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong biet gi	2	.5	.5	.5
khong ro lam	7	1.8	1.8	2.3

binh thuong	24	6.2	6.2	8.5
tuong doi ro	100	25.9	25.9	34.5
rat ro	253	65.5	65.5	100.0
Total	386	100.0	100.0	

NT xin loi khi co loi hoac gay ra loi lam

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong ro lam	8	2.1	2.1	2.1
binh thuong	38	9.8	9.8	11.9
tuong doi ro	100	25.9	25.9	37.8
rat ro	240	62.2	62.2	100.0
Total	386	100.0	100.0	

NT hoc du tiet

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong ro lam	6	1.6	1.6	1.6
binh thuong	57	14.8	14.8	16.3
tuong doi ro	151	39.1	39.1	55.4
rat ro	172	44.6	44.6	100.0
Total	386	100.0	100.0	

NT xep hang khi len xuong cau thang

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong biet gi	1	.3	.3	.3
khong ro lam	8	2.1	2.1	2.3
binh thuong	80	20.7	20.7	23.1
tuong doi ro	145	37.6	37.6	60.6
rat ro	152	39.4	39.4	100.0
Total	386	100.0	100.0	

NT bo rac dung noi quy dinh

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong biet gi	3	.8	.8	.8
khong ro lam	9	2.3	2.3	3.1
binh thuong	36	9.3	9.3	12.4

tuong doi ro	116	30.1	30.1	42.5
rat ro	222	57.5	57.5	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Nt tiet kiem dien nuoc

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong biet gi	1	.3	.3	.3
khong ro lam	9	2.3	2.3	2.6
binh thuong	55	14.2	14.2	16.8
tuong doi ro	133	34.5	34.5	51.3
rat ro	188	48.7	48.7	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Vai tro cua van minh hoc duong

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong quan trong	2	.5	.5	.5
it quan trong	6	1.6	1.6	2.1
binh thuong	26	6.7	6.7	8.8
quan trong	143	37.0	37.0	45.9
rat quan trong	209	54.1	54.1	100.0
Total	386	100.0	100.0	

TD trang phuc phu hop

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid hoan toan khong dong y	6	1.6	1.6	1.6
khong dong y	5	1.3	1.3	2.8
phan van	14	3.6	3.6	6.5
dong y	165	42.7	42.7	49.2
rat dong y	196	50.8	50.8	100.0
Total	386	100.0	100.0	

TD trang phuc phu hop

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid hoan toan khong dong y	3	.8	.8	.8
khong dong y	3	.8	.8	1.6

phan van	13	3.4	3.4	4.9
dong y	158	40.9	40.9	45.9
rat dong y	209	54.1	54.1	100.0
Total	386	100.0	100.0	

TD giao tiep chuan muc

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid hoan toan khong dong y	5	1.3	1.3	1.3
khong dong y	5	1.3	1.3	2.6
phan van	53	13.7	13.7	16.3
dong y	180	46.6	46.6	63.0
rat dong y	143	37.0	37.0	100.0
Total	386	100.0	100.0	

TD trung thuc trong thi cu

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid hoan toan khong dong y	3	.8	.8	.8
khong dong y	4	1.0	1.0	1.8
phan van	32	8.3	8.3	10.1
dong y	155	40.2	40.2	50.3
rat dong y	192	49.7	49.7	100.0
Total	386	100.0	100.0	

TD tap trung trong gio hoc

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid hoan toan khong dong y	5	1.3	1.3	1.3
khong dong y	3	.8	.8	2.1
phan van	75	19.4	19.4	21.5
dong y	176	45.6	45.6	67.1
rat dong y	127	32.9	32.9	100.0
Total	386	100.0	100.0	

TĐ ton trong thay co ban be

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid hoan toan khong dong y	5	1.3	1.3	1.3
khong dong y	3	.8	.8	2.1
phan van	13	3.4	3.4	5.4
dong y	134	34.7	34.7	40.2
rat dong y	231	59.8	59.8	100.0
Total	386	100.0	100.0	

TĐ giúp do thay co ban be khi can

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid hoan toan khong dong y	4	1.0	1.0	1.0
khong dong y	3	.8	.8	1.8
phan van	19	4.9	4.9	6.7
dong y	169	43.8	43.8	50.5
rat dong y	191	49.5	49.5	100.0
Total	386	100.0	100.0	

TĐ cam on khi nhan duoc su giúp do tu nguoi khac

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid hoan toan khong dong y	3	.8	.8	.8
khong dong y	2	.5	.5	1.3
phan van	17	4.4	4.4	5.7
dong y	134	34.7	34.7	40.4
rat dong y	230	59.6	59.6	100.0
Total	386	100.0	100.0	

TĐ xin loi khi co loi hoac khi lam phien nguoi khac

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid hoan toan khong dong y	4	1.0	1.0	1.0

khong dong y	6	1.6	1.6	2.6
phan van	16	4.1	4.1	6.7
dong y	145	37.6	37.6	44.3
rat dong y	215	55.7	55.7	100.0
Total	386	100.0	100.0	

TĐ hoc du tiet

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid hoan toan khong dong y	3	.8	.8	.8
khong dong y	3	.8	.8	1.6
phan van	35	9.1	9.1	10.6
dong y	167	43.3	43.3	53.9
rat dong y	178	46.1	46.1	100.0
Total	386	100.0	100.0	

TĐ nhuong nhin xep hang khi len xuong cau thang

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid hoan toan khong dong y	3	.8	.8	.8
khong dong y	4	1.0	1.0	1.8
phan van	41	10.6	10.6	12.4
dong y	175	45.3	45.3	57.8
rat dong y	163	42.2	42.2	100.0
Total	386	100.0	100.0	

TĐ bo rac dung noi quy dinh

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid hoan toan khong dong y	2	.5	.5	.5
khong dong y	4	1.0	1.0	1.6
phan van	15	3.9	3.9	5.4
dong y	129	33.4	33.4	38.9
rat dong y	236	61.1	61.1	100.0
Total	386	100.0	100.0	

TĐ ve tiet kiem dien nuoc

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid hoan toan khong dong y	3	.8	.8	.8
khong dong y	1	.3	.3	1.0
phan van	22	5.7	5.7	6.7
dong y	162	42.0	42.0	48.7
rat dong y	198	51.3	51.3	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Dong co thuc hien

	N	Range	Mean	Std. Deviation
Thich thi lam	386	6	4.99	2.030
Tu giac thuc hien	386	6	2.43	1.631
Thay dung thi lam	386	6	2.87	1.593
De khong bi nguoi khac tre trach	386	6	4.33	1.459
Vi noi quy cua truong quy dinh	386	6	3.74	1.525
De khang dinh gia tri ban than	386	6	3.84	1.834
Thay moi nguoi lam thi lam theo	386	6	5.82	1.635
Valid N (listwise)	386			

HV trang phuc phu hop

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	1	.3	.3	.3
hiem khi	4	1.0	1.0	1.3
thinh thoang	46	11.9	11.9	13.2
thuong xuyen	178	46.1	46.1	59.3
rat thuong xuyen	157	40.7	40.7	100.0
Total	386	100.0	100.0	

HV giao tiep lich su

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	1	.3	.3	.3

hiem khi	2	.5	.5	.8
thinh thoang	141	36.5	36.5	37.3
thuong xuyen	150	38.9	38.9	76.2
rat thuong xuyen	92	23.8	23.8	100.0
Total	386	100.0	100.0	

HV di hoc dung gio

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	2	.5	.5	.5
hiem khi	5	1.3	1.3	1.8
thinh thoang	240	62.2	62.2	64.0
thuong xuyen	103	26.7	26.7	90.7
rat thuong xuyen	36	9.3	9.3	100.0
Total	386	100.0	100.0	

HV trung thuc trong thi cu

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	3	.8	.8	.8
hiem khi	5	1.3	1.3	2.1
thinh thoang	34	8.8	8.8	10.9
thuong xuyen	169	43.8	43.8	54.7
rat thuong xuyen	175	45.3	45.3	100.0
Total	386	100.0	100.0	

HV tap trung trong gio hoc

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	1	.3	.3	.3
hiem khi	11	2.8	2.8	3.1
thinh thoang	191	49.5	49.5	52.6
thuong xuyen	141	36.5	36.5	89.1
rat thuong xuyen	42	10.9	10.9	100.0
Total	386	100.0	100.0	

HV ton trong nguoi khac

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	4	1.0	1.0	1.0
thinh thoang	16	4.1	4.1	5.2

thuong xuyen	153	39.6	39.6	44.8
rat thuong xuyen	213	55.2	55.2	100.0
Total	386	100.0	100.0	

HV giúp đỡ người thay cò, bán bê khi cần

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	1	.3	.3	.3
hiem khi	4	1.0	1.0	1.3
thinh thoang	30	7.8	7.8	9.1
thuong xuyen	189	49.0	49.0	58.0
rat thuong xuyen	162	42.0	42.0	100.0
Total	386	100.0	100.0	

HV cam on khi nhan duoc su giúp đỡ

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	2	.5	.5	.5
hiem khi	1	.3	.3	.8
thinh thoang	26	6.7	6.7	7.5
thuong xuyen	143	37.0	37.0	44.6
rat thuong xuyen	214	55.4	55.4	100.0
Total	386	100.0	100.0	

HV xin lỗi khi cò lỗi hoặc khi làm phiền người khác

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	2	.5	.5	.5
hiem khi	2	.5	.5	1.0
thinh thoang	30	7.8	7.8	8.8
thuong xuyen	149	38.6	38.6	47.4
rat thuong xuyen	203	52.6	52.6	100.0
Total	386	100.0	100.0	

HV học dư tiết

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	3	.8	.8	.8
hiem khi	3	.8	.8	1.6
thinh thoang	138	35.8	35.8	37.3

thuong xuyen	190	49.2	49.2	86.5
rat thuong xuyen	52	13.5	13.5	100.0
Total	386	100.0	100.0	

HV nuong nhin, xep hang khi len xuong cau thang

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	1	.3	.3	.3
hiem khi	12	3.1	3.1	3.4
thinh thoang	181	46.9	46.9	50.3
thuong xuyen	132	34.2	34.2	84.5
rat thuong xuyen	60	15.5	15.5	100.0
Total	386	100.0	100.0	

HV bo ra cdung noi quy dinh

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	2	.5	.5	.5
hiem khi	3	.8	.8	1.3
thinh thoang	145	37.6	37.6	38.9
thuong xuyen	128	33.2	33.2	72.0
rat thuong xuyen	108	28.0	28.0	100.0
Total	386	100.0	100.0	

HV tiet kiem dien nuoc

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	1	.3	.3	.3
hiem khi	7	1.8	1.8	2.1
thinh thoang	145	37.6	37.6	39.6
thuong xuyen	160	41.5	41.5	81.1
rat thuong xuyen	73	18.9	18.9	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Noi xau thay co ban be

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	97	25.1	25.1	25.1
hiem khi	73	18.9	18.9	44.0
doi khi	96	24.9	24.9	68.9

nhieu	76	19.7	19.7	88.6
rat nhieu	44	11.4	11.4	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Di tre, bo tiet

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	44	11.4	11.4	11.4
hiem khi	76	19.7	19.7	31.1
doi khi	97	25.1	25.1	56.2
nhieu	95	24.6	24.6	80.8
rat nhieu	74	19.2	19.2	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Noi tuc chui the

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	101	26.2	26.2	26.2
hiem khi	72	18.7	18.7	44.8
doi khi	86	22.3	22.3	67.1
nhieu	70	18.1	18.1	85.2
rat nhieu	57	14.8	14.8	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Chung dien qua muc

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	105	27.2	27.2	27.2
hiem khi	61	15.8	15.8	43.0
doi khi	95	24.6	24.6	67.6
nhieu	73	18.9	18.9	86.5
rat nhieu	52	13.5	13.5	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Noi chuyen rieng on ao trong lop hoc

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	45	11.7	11.7	11.7
hiem khi	78	20.2	20.2	31.9
doi khi	113	29.3	29.3	61.1

nhieu	96	24.9	24.9	86.0
rat nhieu	54	14.0	14.0	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Xa rac khac nho bua bai

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	123	31.9	31.9	31.9
hiem khi	75	19.4	19.4	51.3
doi khi	92	23.8	23.8	75.1
nhieu	65	16.8	16.8	92.0
rat nhieu	31	8.0	8.0	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Thieu ton tron thay co ban be

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	135	35.0	35.0	35.0
hiem khi	94	24.4	24.4	59.3
doi khi	87	22.5	22.5	81.9
nhieu	47	12.2	12.2	94.0
rat nhieu	23	6.0	6.0	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Gian lan muu meo trong thi cu

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid khong bao gio	107	27.7	27.7	27.7
hiem khi	72	18.7	18.7	46.4
doi khi	85	22.0	22.0	68.4
nhieu	81	21.0	21.0	89.4
rat nhieu	41	10.6	10.6	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Chen lan xo day

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid hiem khi	118	30.6	30.6	30.6
thinh thoang	82	21.2	21.2	51.8
nhieu	89	23.1	23.1	74.9

rat nhieu	61	15.8	15.8	90.7
5	36	9.3	9.3	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Nguyen nhan hanh vi tieu cuc

nguyen do HV thieu van minh	Cases	Col Response %
co so vat chat chua tot	61	15.8%
do thoi quen nep song	296	76.7%
huong cua loi song hoi nhap	179	46.4%
y thuc cua sinh vien chua tot	323	83.7%
cong tac to chuc quan ly	159	41.2%
Total	386	263.7%

Y thuc tu giac cua sinh vien

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid rat it	9	2.3	2.3	2.3
it	7	1.8	1.8	4.1
trung binh	49	12.7	12.7	16.8
nhieu	107	27.7	27.7	44.6
rat nhieu	214	55.4	55.4	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Thoi quen

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid rat it	1	.3	.3	.3
it	16	4.1	4.1	4.4
trung binh	56	14.5	14.5	18.9
nhieu	175	45.3	45.3	64.2
rat nhieu	138	35.8	35.8	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Dac diem tam lylua tuoi sinh vien

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid rat it	2	.5	.5	.5
it	15	3.9	3.9	4.4

trung binh	122	31.6	31.6	36.0
nhieu	167	43.3	43.3	79.3
rat nhieu	80	20.7	20.7	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Y thuc gia tri ban than

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid rat it	1	.3	.3	.3
it	20	5.2	5.2	5.4
trung binh	96	24.9	24.9	30.3
nhieu	154	39.9	39.9	70.2
rat nhieu	115	29.8	29.8	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Bat chuooc

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid rat it	10	2.6	2.6	2.6
it	26	6.7	6.7	9.3
trung binh	141	36.5	36.5	45.9
nhieu	152	39.4	39.4	85.2
rat nhieu	57	14.8	14.8	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Cong tac truyen thong

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid rat it	11	2.8	2.8	2.8
it	31	8.0	8.0	10.9
trung binh	136	35.2	35.2	46.1
nhieu	155	40.2	40.2	86.3
rat nhieu	53	13.7	13.7	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Sinh hoat doan hoi

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid rat it	12	3.1	3.1	3.1
it	30	7.8	7.8	10.9

trung binh	134	34.7	34.7	45.6
nhieu	144	37.3	37.3	82.9
rat nhieu	66	17.1	17.1	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Tac dong cua du luan xa hoi

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid rat it	4	1.0	1.0	1.0
it	17	4.4	4.4	5.4
trung binh	125	32.4	32.4	37.8
nhieu	164	42.5	42.5	80.3
rat nhieu	76	19.7	19.7	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Dieu kien co so vat chat

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid rat it	19	4.9	4.9	4.9
it	54	14.0	14.0	18.9
trung binh	137	35.5	35.5	54.4
nhieu	128	33.2	33.2	87.6
rat nhieu	48	12.4	12.4	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Noi qui nha trung

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid rat it	9	2.3	2.3	2.3
it	34	8.8	8.8	11.1
trung binh	108	28.0	28.0	39.1
nhieu	158	40.9	40.9	80.1
rat nhieu	77	19.9	19.9	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Qua trin hoi nhap van hoa kinh te

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid rat it	9	2.3	2.3	2.3
it	30	7.8	7.8	10.1

trung binh	122	31.6	31.6	41.7
nhieu	158	40.9	40.9	82.6
rat nhieu	67	17.4	17.4	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Nhan thuc cua sinh vien ve van minh hoc duong

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid rat it	1	.3	.3	.3
it	21	5.4	5.4	5.7
trung binh	80	20.7	20.7	26.4
nhieu	149	38.6	38.6	65.0
rat nhieu	135	35.0	35.0	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Ruyen thong nha truong

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid rat it	8	2.1	2.1	2.1
it	34	8.8	8.8	10.9
trung binh	106	27.5	27.5	38.3
nhieu	147	38.1	38.1	76.4
rat nhieu	91	23.6	23.6	100.0
Total	386	100.0	100.0	

Lam guong cua CBCNV nha truong

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid rat it	9	2.3	2.3	2.3
it	20	5.2	5.2	7.5
trung binh	100	25.9	25.9	33.4
nhieu	143	37.0	37.0	70.5
rat nhieu	114	29.5	29.5	100.0
Total	386	100.0	100.0	